

SỐ 99 - NGÀY 15-2-1961

BACH KHOA

Trong số này

* NGUYỄN-HIẾN-LÊ dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở Đại Học * HOÀNG-MINH-TUYNH xâm nhập châu Mỹ La tinh * PHẠM-HOÀNG nhân loại hiệp nhất * BÙI-HỮU-SÙNG nhà văn André Maurois tự phê bình * VŨ-THỊ-QUỶ (dịch) kẻ cường tín * TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ Paganini vị thiên thần của đàn vĩ cầm * TRÚC-LIÊN chờ xuân * BỬU-KẾ những lễ đầu xuân * ĐOÀN-THÊM giấc mơ bông đảo * NGUYỄN-THIỆU-LÂU lăng hoàng đế Quang-Trung ? * NGUYỄN-HIẾN-LÊ kỹ thuật chân chính * PHAN-DUY-NHÂN biển cát * HÀ-HỢP-NGUYỄN chiều hết niềm đau * TRẦN-VĂN-KHÉ đề khơi mạch sống cho cổ nhạc Việt * HOÀNG-KHANH thượng du — lời xuân * MINH-ĐỨC không đợi thư nhà * HOÀI-HƯƠNG em bé chăn trâu * GIẢN-CHI (dịch) hoa Liên kiều * TƯỜNG-LINH sao em còn buồn * PHAN-DU bàn tay kẻ đói * HUY-LỰC xuân... * QUÁCH-GIAO hiu hiu * NGUYỄN-NGU-Í đi thăm « chợ nội hoá » * THU-THỦY thanh niên Nhật qua vài tác phẩm văn nghệ * NHÂN-THẾ trả lời ông Thu-Giang * TRÀNG-THIÊN đọc « đêm xuân trăng sáng » của Võ-Phiến.



Nhân dịp

Tết Nguyên-Đán

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quý vị thường thích luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIE SUECIC**

135 Pasteur Saigon. ĐT. 23.916

và có bán tại đơ :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tieu"

. DẦU ĂN HẠO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°





Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

*Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

CÔNG-TY ĐƯỜNG

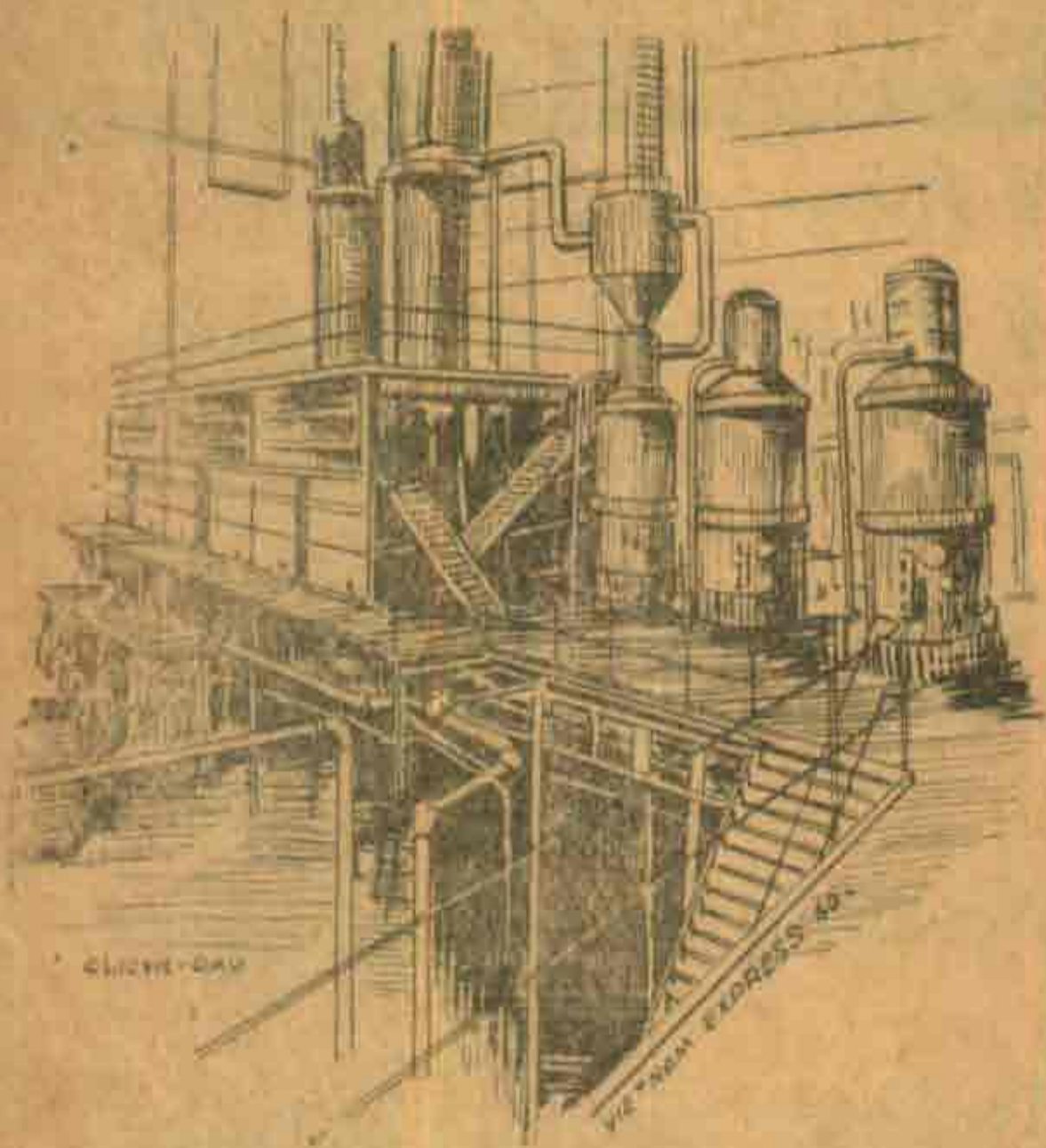
VIỆT - NAM

Công-ty Đường Việt-Nam là một ngành hoạt-dộng
tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều-khiển của
các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia
Việt-Nam, Công-Ty Đường
Việt-Nam nỗ-lực kiến-thiết
để góp phần độc-lập
kinh-tế.

Với nhà máy lớn tại Hiệp-
Hòa và trên bốn ngàn
mẫu tây mía trồng trong
năm 1959-60, Công-ty có
thể sản-xuất mỗi năm tới
15 ngàn tấn đường đủ loại
và tiết-kiệm được bốn triệu
mỹ-kim hàng năm.

Kỹ-nghê này cũng như
các kỹ-nghê khác đều cần
đến dầu dè chạy máy và
giữ-gìn dụng-cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghê

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bằng phi cơ phản lực

VISCOUNT

của VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tôn, đầy đủ tiện-nghi.

Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-đãi-viên xinh lịch niêm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÀNG DU-LỊCH
hay

Air Vietnam

16, NGUYỄN-HUỆ - SAIGON
TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIÊN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tel : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch - sử kỳ - bí

Một câu chuyện văn - chương tao - nhã

Một câu chuyện diễm - tình cao - thượng

bị mai - một hơn hai thế - kỷ, nay mới được phô bày
theo dòng mực lưu - loát DƯỚI MÁI TRẮNG NON

Của **MỘNG - TUYẾT** Thất Tiểu - Muội

Một tác - phẩm dự - bị xây - dựng từ hơn 20 năm, phải
chờ khai - thác đầy đủ sử - liệu mới khởi - thảo đề :

ĐIỀM SINH SẮC CHO LỊCH - SỬ TƯƠI MÀU

TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CÔ NHÂN SỐNG LẠI

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Là cuốn lịch - sử kỳ - sự đem lại cho bạn :

một chuyện - tích lý - thú say mê

Là cuốn giai - thoại văn - chương đem lại cho bạn :

một phong - khí tao - nhã mặc - khách

Là cuốn tình - sử diễm - tuyệt đem lại cho bạn

một nỗi - niềm băng - khuâng thương cảm.

XUẤT BẢN BỒN - PHƯƠNG IN TOÀN GIẤY ĐẸP

YIỀM - YIỀM thư - trang, 113-115 Nguyễn - Thái - Học, phát - hành

BÁCH-KHOA

Số 99 — Ngày 15-2-1961

	Trang
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ ở Đại-học</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Xâm-nhập Châu-Mỹ La-tinh</i> 11
PHẠM-HOÀNG	<i>Nhân-loại hiệp nhất</i> 18
BÙI-HỮU SÙNG	<i>Nhà văn André Maurois tự phê-bình</i> 20
VŨ-THỊ-QUÝ (<i>dịch</i>)	<i>Kẻ cuồng tin</i> 27
TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ	<i>Paganini vị thiên-thần của đàn vĩ-cầm</i> 35
TRÚC-LIÊN	<i>Chờ xuân</i> 46
BỬU KẾ	<i>Những lễ đầu xuân</i> 49
ĐOÀN-THÊM	<i>Giấc mơ bông-đào</i> 52
NGUYỄN-THIỆU LÂU	<i>Lãng hoàng-đế Quang-Trung?</i> 53
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Kỹ-thuật chân chính</i> 60
PHAN-ĐUY-NHÂN	<i>Biển cát</i> 64
HA-HỢP-NGUYỄN	<i>Chiến hết niềm đau</i> 65
TRẦN-VĂN-KHẾ	<i>Đề khơi mạch sống cho cổ-nhạc Việt</i> 67
HOÀNG-KHAN H	<i>Thượng-du — Lời xuân</i> 72
MINH-ĐỨC	<i>Không đợi thư nhà</i> 73
HOÀI-HƯƠNG	<i>Em bé chăn trâu</i> 78
GIẢN-CHI (<i>dịch</i>)	<i>Hoa Liên-Kiều</i> 80
TƯỜNG-LINH	<i>Sao em còn buồn</i> 84
PHAN-DU	<i>Bàn tay kẻ đời</i> 87
HUY-LỰC	<i>Xuân</i> 92
QUÁCH-GIAO	<i>Hiu hiu</i> 97

SINH - HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í	<i>Đi thăm « Chợ nội hòa »</i> 99
THU-THỦY	<i>Thanh niên Nhật qua vài tác phẩm Văn nghệ</i> 103
NHÂN THẾ	<i>Trả lời ông Thu-Giang</i> 104
TRÀNG-THIÊN	<i>Đọc « Em xuân trắng sáng của Võ-Phiến »</i> 113

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chủ-nghĩa Gandhi.
Jean-Paul-Sartre.*
- BÙU-KẾ : *Cửa bể Thuận-An.*
- NGUYỄN-HỮU-PHIẾM : *Tìm hiểu người thanh-niên.*
- ĐOÀN-THÊM : *Những giải thưởng văn chương của
những Hàn Lâm viện Pháp.*
- UNG-TRÌNH : *Một quan-niệm về phương pháp đọc sử*
- ÁI-LAN : *Làng báo miền Nam, 45 năm về trước.*
- TRỊNH-THIÊN-TỨ : *Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.*
- THIẾU-SƠN : *Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông
Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
- NGUYỄN-BẠT-TỤY : *Nghề mình ở Tam-Quan.*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *So sánh ngành xuất bản ở Pháp và
ở Việt-Nam hiện nay.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc
tài-tử ».*
- PHẠM-TRỌNG-NHÂN : *Phở và Tỏi (tùy bút).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*
- NGUYỄN-CHÂU : *Taman (truyện dịch).*
- CÔ-LIÊU : *Quyền phép (truyện dài rút ngắn).*
- VÂN-TRANG : *Vật áo the (truyện ngắn).*
- TRÚC-LIÊN : *Một cuộc tàn sát (truyện ngắn).*
- VÔ-HỒNG : *Tai họa cuối cùng (truyện ngắn).*
- DOẢN-DÂN : *Linh-hồn tôi (truyện ngắn).*
- TUYẾT-HƯƠNG : *Phấn dầu (truyện dài).*

TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ DỪNG TIẾNG VIỆT...

kết quả gì đi nữa thì cũng cứ lên tiếng để giúp các ông dân-biểu biết được chút cảm tưởng của một số người đã bầu các ông ấy lên thay mặt mình bàn việc nước, nhất là cái việc nước trong trường hợp này lại là một việc rất quan trọng tới văn hóa và tương lai của dân-tộc.

Vì vậy tôi lại phải miễn cưỡng viết bài này. Tôi đã có lần nói : nhắc tới viện Đại-học là điều bất đắc dĩ cho tôi.

* *

Tôi vẫn biết tại các nước rất dân chủ như Pháp, Anh, Mỹ... các nhà cầm quyền chỉ có bốn phận phải tôn trọng dư-luận của quần-chúng, chứ không nhất thiết phải luôn luôn làm theo ý muốn của quần-chúng. Vì có những vấn-đề thuộc phạm vi chuyên-môn, đại đa số quần-chúng không sao hiểu được rõ, phải tin ở các nhà chức-trách, để họ tự giải-quyết lấy.

Nhưng vấn-đề dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở bậc Đại-học có phải là một vấn-đề chuyên-môn tới cái mức mà sinh-viên và phụ huynh là chúng tôi không thể hiểu nổi không ? Chúng tôi tin rằng không. Nếu Viện Đại-học Sài-gòn tin là có thì cũng được đi. Viện có đủ quyền để tin sao thì tin, chúng tôi không dám cãi — nhưng vấn-đề đã đặt ra rồi, đại đa số quần-chúng đã yêu cầu Viện giải-quyết thì giải-quyết ra sao, xin Viện cho biết đi, để chúng tôi hướng dẫn sự học của con em chúng tôi chứ !

Viện không dùng tiếng Việt ở bậc Đại-học mà dùng tiếng Pháp, tiếng Anh hay tiếng nào đó nữa thì cũng được đi, nhưng phải có sự liên tiếp giữa hai bậc Trung-học và Đại-học để cho học-sinh đậu Tú-Tài rồi có đủ sức về ngoại-ngữ mà theo học ở bậc trên ; và Viện cũng nên cho biết giải pháp dùng ngoại-ngữ ấy phải duy trì ít nhất là bao nhiêu năm nữa, vì những lý do nào.

Còn như nếu Viện nhận rằng dùng tiếng Việt ở bậc Đại-học là hợp lý thì xin Viện cũng cho biết trong mấy năm nay Viện đã chuẩn bị được những gì và trong bao lâu nữa thì có thể thực hiện được. Chúng tôi tưởng những điều chúng tôi đòi hỏi đó không có tính cách bí mật gì, cũng không phải là có tính cách chuyên môn gì mà bảo rằng không thể tuyên bố ra được, hoặc có tuyên bố thì quốc dân cũng không hiểu nổi.

Giải quyết ra sao thì giải quyết phát đi, chứ cứ kéo dài như ngày nay thì quốc dân chỉ hoang mang thôi. Vì đã ba năm nay người ta chưa tiến được một bước nào cả, cơ hồ còn như lùi nữa.

Năm 1958, bộ Quốc-gia Giáo-dục tuyên-bố trong cuốn *Chương-trình Trung-học* :

« Sẽ tiến tới việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở bậc Đại-học nhưng việc này **phải chuẩn bị ngay từ bây giờ** (1) bằng :

(1) Chính chúng tôi cho in đậm.

★ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

CÁC sinh-viên và phụ huynh học sinh đều mong rằng trong những phiên nhóm cuối năm vừa rồi, Quốc-hội sẽ giải-quyết cho xong vấn-đề dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở bậc Đại-học; mà rồi đều thất vọng, thất vọng đến nỗi đọc xong những bài tường-thuật trên báo-chí về vấn-đề đó, người ta chỉ lắc đầu, thờ dãi, chứ không có phản-ứng gì sôi nổi như năm ngoái nữa. Thề là bao nhiêu lời kêu gọi tha thiết của sinh-viên, của phụ huynh trên mặt báo, rồi mấy lần diễn thuyết của những người nhiệt tâm với vấn-đề trong hai năm nay chẳng đưa tới đâu cả: vấn-đề vẫn nằm ý ra đây, nguyên vẹn như mấy năm về trước.

Khi mới đọc xong bài tường-thuật nhan-đề là: *Viện Đại-học chưa đề-nghị dùng tiếng Việt ở bậc Đại-học* đăng trên báo *Tự-Do* ngày 28-12-1960, tôi liệng tờ báo xuống, nghĩ thầm:

DÙNG TIẾNG VIỆT LÀM CHUYÊN-NGỮ Ở BẬC ĐẠI-HỌC

« Việc đời 100 lần thì có tới 90 lần không như ý mình. Thôi thì các sinh-viên đành đợi ít năm nữa vậy, đành xoay xở cách nào để nghe nổi các lời giảng của giáo sư ở Đại-học thì xoay xở; làm cách nào học thuộc lòng những bài giảng đó để rồi trả lại bài cho giáo sư thì làm, chứ còn nói năng gì bây giờ được nữa? Người ta đã nói nhiều rồi, đã viện đủ các lý lẽ rồi, đã kêu ca và năn-nỉ, mà viện Đại-học vẫn chưa chịu dùng tiếng Việt thì đành chịu chứ biết làm sao? »

Thề là tôi dẹp vấn đề đó ra một bên, không lưu tâm đến nữa. Thú thực là lúc đó tôi bận việc nhà, lại đau vặt luôn mấy tuần nên không muốn suy nghĩ, viết lách gì cả.

Nhưng gần đây, một số phụ huynh học sinh, quen cũng có, không quen cũng có, trách tôi sao đã theo dõi vấn-đề từ mấy năm nay mà lần này không lên tiếng; dù có chẳng được

- Việc đào tạo Giáo-sư Đại-học,
- Việc thống-nhất danh từ
- Việc biên soạn và dịch thuật các sách.

« Mặc dầu chuyên ngữ ở Đại-học là tiếng Việt, sinh-viên cũng cần phải thông thạo một sinh ngữ và biết qua một sinh-ngữ khác ».

Đọc những hàng đó, ai mà không mừng, không tin rằng công việc đã chuẩn bị ngay từ năm đó và chỉ khoảng năm 1960, trễ lắm là 1961 tiếng Việt đã có thể bắt đầu dùng làm ngành chuyên ngữ ở những năm đầu các Đại học rồi.

Năm 1959, sau phiên nhóm của Quốc hội ngày 22-12, người ta ghi trong biên bản.

« Tiếng Việt dạy ở Đại học đang được lưu ý, nhưng sinh viên phải có một chứng chỉ sinh ngữ » (1).

Rồi tới năm nay, theo bài tường-thuyết của báo Tự-Do ngày 26.12-1960 thì :

« Trả lời diêm dùng tiếng Việt ngữ bậc đại-học thì đã được Bộ chấp nhận nhưng còn phải có sự đề nghị của ông Viện-trưởng và sự ưng thuận của hội đồng giáo sư, sau đó Bộ sẽ đưa ra hội đồng nội các để chờ sự chấp thuận » (2)

Đó là ý kiến của Bộ ; và có lẽ đây là ý-kiến của Viện :

« Ông Trần-Tấn-Thông nhân danh giáo sư đại học cho rằng dùng

(1) Theo lời tường thuật của báo Tự-Do ngày 24-12-1959.

Việt ngữ ở đại-học là đúng nhưng mong đừng làm hại tới trí thức thanh niên. Chưa thể dùng cho năm 61-62 được vì còn phiền-phức trong việc thống nhất danh từ khoa học có lối 200.000 chữ. Không thể đem sinh viên ra để thí-nghiệm, hơn nữa dù sao sinh viên cũng phải biết giỏi một sinh ngữ (2)

Thực tình là chúng tôi không còn hiểu nổi sự làm việc của Bộ nữa. Năm 1958 Bộ bảo « phải chuẩn bị ngay từ bây giờ », rồi hai năm sau, Bộ lại bảo : « đã chấp nhận nhưng còn phải có sự đề nghị của ông Viện trưởng và sự ưng thuận của hội đồng giáo sư. » Thề thì năm 1958, chưa có sự đề nghị của Viện trưởng và sự ưng-thuận của hội đồng giáo sư mà Bộ đã « chuẩn bị » rồi à ? Hai năm rưỡi nay Bộ đã chuẩn bị được những gì rồi ? Và nếu bây giờ đây ông viện trưởng không chịu đề nghị, hoặc ông chịu đề-nghị mà hội đồng giáo sư không chịu ưng thuận thì Bộ chuẩn bị để làm gì kia ? Chúng tôi có cảm tưởng rằng Bộ, Viện

(2) Chúng tôi chép nguyên văn Đứng ra thì theo biên bản Quốc hội ông Trần-Tấn-Thông tuyên bố rằng :

« Việc dạy bằng Việt ngữ ở cấp Đại học là điều dĩ nhiên ».

• Trước khi chuyên ngữ, chúng ta phải thống nhất « danh từ khoa học... , danh từ khoa học có ít nhất là 200.000 tiếng ».

« Chúng tôi không thể thực hiện sự chuyên ngữ bằng tiếng Việt hoàn toàn cho niên khóa 1961-62 mà sau một thời gian nữa. »

« Chúng tôi không muốn thí nghiệm trên lưng của sinh viên. »

TRỞ LẠI VĂN-ĐỀ DỪNG TIẾNG VIỆT...

trường và Hội-đồng giáo-sư chẳng những chưa thỏa-thuận với nhau về nguyên-tắc, mà ngay đến quyền hành và trách nhiệm cũng chưa được định một cách rõ - rệt. Chúng tôi hiểu rằng Viện có quy chế riêng, Bộ không có quyền xen vô, nhưng như vậy thì phải có sự thỏa thuận của Viện rồi hãy tuyên bố, chưa có thì đừng có tuyên bố. Lời tuyên bố năm nay của Bộ có khác gì như trút hết cả trách nhiệm về Viện không ? Có khác gì bảo : « Năm 1958 Bộ chúng tôi yêu cầu chuẩn bị ngay, nếu tới nay chưa chuẩn-bị là tại Viện đây. » ? Tình trạng đó kéo dài mấy năm rồi, như vậy thì văn đề chuyển ngữ ở Đại học có hy - vọng gì giải quyết một ngày gần đây được ?

Chúng tôi thú thực là không biết chút gì về những thủ-tục hành chánh nhưng chúng tôi nghĩ rằng văn đề có thể giải quyết có một cách giản dị hơn, chẳng hạn : Quốc hội đề - nghị, rồi Tổng - Thống chấp thuận, sau cùng Bộ hoặc Viện thi hành ; còn chuyện hội-đồng giáo-sư ưng-thuận hay không là chuyện không phải bàn tới, vì một khi Tổng-Thống đã chấp - thuận, Bộ hoặc Viện đã đem thi hành thì giáo-sư không có lý gì không theo ; nói cho cùng ra, nếu có một vài vị không chịu theo thì Viện sẽ tìm giáo-sư khác chứ có gì đâu. Chúng tôi không xin Quốc-Hội thảo một đạo luật bắt người Việt mình phải học tiếng Việt ở Đại-học ; một đạo luật như vậy sẽ mỉa mai quá. Nhưng Quốc-Hội có thể hỏi ý-kiến của Viện rồi ra một hạn là mấy năm nữa phải thực hiện cho xong văn

đề chuyển ngữ ở những năm đầu mọi ngành đại học, và mấy năm sau thì văn đề đó sẽ được giải quyết toàn diện ở bậc đại học. Quốc-Hội mà phát biểu đúng nguyện vọng của quốc dân thì không nên nhận một lời hứa mơ hồ như mấy năm nay : « Sẽ tiến tới... », « Đang được lưu ý », « sau một thời gian ».

Đó là những điểm mà phụ huynh chúng tôi thắc mắc, mong Bộ hoặc Viện giảng-giải cho chúng tôi hiểu.

Từ trước tới nay, viện chưa có một lời tuyên bố nào chánh thức cả. Chúng tôi nhớ chỉ có mỗi một lần giáo-sư Phạm-Bửu-Tâm đại-diện ông Viện Trường, trong buổi nói chuyện của linh mục Bửu Dưỡng về văn đề chuyển ngữ tại Đại học (tháng chín năm 1960), trả lời diễn giả và tuyên bố với thính giả rằng « việc dùng Việt ngữ tuy nói thì nghe rất dễ, nhưng thực tế vô cùng khó khăn. » ; và lần nhóm Quốc-hội vừa rồi, ông Trần-Tân - Thông nhân danh giáo-sư Đại - học tuyên bố ít lời mà báo *Tự-do* đã tóm tắt lại ở trên.

Chúng ta có thể tạm cho rằng ý kiến hai vị đó là ý kiến của ông Viện trưởng và của đa số giáo sư trong Viện.

Tóm tắt lại thì hai vị đó đều nhận rằng sự dụng tiếng Việt ở Đại học là hợp lý, nhưng còn ngại :

1^o làm tổn thương đến trình độ trí thức văn hoá, khoa học của sinh viên (lời ông Trần-Tân-Thông).

2^o công việc thông nhất danh từ rất khó khăn (lời của cả hai ông)

3^o phải đem sinh viên ra thí nghiệm (lời ông Trần-Tân-Thông.)

Nếu quả thực Viện chỉ ngại có ba điều đó thì chúng tôi tưởng vẫn để không phải là nan giải.

Điểm thứ nhất : làm tổn thương đến trình độ tri thức, văn hóa, khoa học của sinh viên.

Chúng ta có thể làm hại cho trình độ tri-thức sinh viên trong 2 trường hợp :

a/ — Giáo sư chỉ giảng bằng tiếng Việt, mà sinh viên chỉ học bài đó, không có đủ sức tham khảo thêm những sách ngoại quốc. Xin thưa rằng phụ huynh chúng tôi tuyệt nhiên không mong như vậy. Chúng tôi vẫn nhận rằng sinh viên lên tới Đại học phải đọc thông một ngoại ngữ và phải tham-khảo những sách ngoại quốc. Chúng tôi chỉ mong rằng giáo sư giảng bằng tiếng Việt cho sinh viên dễ hiểu, và hiểu rồi thì dễ diễn ra được, khỏi phải cái nạn nghe giáo sư giảng mà như vịt nghe sấm, và khi học bài thì phải học thuộc lòng từng chữ một như ngày nay. Điểm đó chúng tôi đã bàn nhiều rồi, xin miễn nhắc lại. Chúng tôi còn nghĩ rằng sinh viên nghe bài giảng mà dễ hiểu, và một khi hiểu là có thể diễn ra dễ dàng được thì mới có thì giờ tham khảo sách ngoại quốc và như vậy mới có lợi cho tri-thức sinh viên ; chính tình trạng hiện nay (nghe giảng không hiểu, phải học thuộc lòng) mới là có hại cho tri-thức sinh viên.

b/ — Chỉ dùng giáo sư Việt mà giáo sư Việt chưa đào tạo được đủ, giá trị kém giáo sư ngoại quốc. Chúng tôi nhận rằng hiện nay có tình trạng thiếu giáo-sư nhưng chính vì vậy mà chúng

ta phải chuẩn bị gấp và trong khi chờ đợi, môn nào giáo sư Việt đảm đương được thì cứ dạy bằng tiếng Việt, đỡ mệt cho sinh viên chừng nào hay chừng đó. Chúng tôi chỉ mong sự thay đổi từ từ nhưng phải có sự thay đổi. Chắc trong hai năm nay Bộ và Viện đã chuẩn bị rồi và có thể cho biết trong thời hạn bao lâu nữa thì sự chuẩn bị đó hoàn thành.

Điểm thứ nhì : Công việc-thống nhất danh từ khoa học rất khó-khăn. Ông Trần Tấn Thông đưa ra con số 200.000 tiếng phải thống nhất. (nên thêm : « phải thống nhất « hoặc dịch » thì mới thật đúng vì đa số danh từ chưa dịch, chỉ có một số ít là có vài người dịch rồi, bây giờ cần phải thống nhất). Con số 200.000 đó làm cho nhiều người ngạc nhiên nhưng chúng tôi cho rằng đúng. Tuy nhiên ta cần phải phân biệt như Linh-mục Bửu-Dưỡng hai thứ danh từ : chuyên tiếp và chuyên môn. Mà những danh từ chuyên môn chẳng hạn về sử địa, khoa học... chiếm đa số thì « có thể giữ nguyên văn danh từ ngoại ngữ để giúp sinh viên tra cứu sách vở và dễ dàng tiếp xúc với ngoại quốc », hoặc nếu có cần dịch thì chỉ định một lời *dịch âm* nào hợp lý, nửa năm là có thể dịch xong hằng trăm ngàn tiếng rồi.

Và lại tính ra thì tới 200.000 tiếng, nhưng thử hỏi nền Đại học của ta hiện nay chưa có đủ ngành như nền Đại học của Pháp, Anh, đã dùng gì tới hết 200.000 tiếng đó ? Mà có dùng tới chẳng nữa thì ta cũng có thể chia ra từng chặng mà dịch, mỗi năm dịch một số tiếng cần để dạy năm đó đã, như

vậy lần lần sáu bảy năm sẽ hết ; mà mỗi năm công việc sẽ không quá nhiều, chia cho hàng chục giáo sư mỗi vị lãnh một phần thì có gì mà trong hai năm nay không xong được một mô-đun để bắt đầu dạy tại các năm thứ nhất hoặc dự bị ở mọi ngành ?

Ông Phạm-Bửu-Tâm chỉ tuyên bố là « vô cùng khó khăn ». Trong báo *Mai* ngày 10-10-1960 chúng tôi đã yêu cầu ông cho biết lý-do khó khăn để quốc dân có thể so sánh quan-niệm của ông với quan-niệm của Linh-mục Bửu-Dưỡng, nhưng bài báo có lẽ chưa tới ông nên ông vẫn chưa cho biết ý-kiến.

Chúng tôi nhận rằng công việc không phải dễ dàng, (chứ không đến nỗi « vô cùng khó khăn ») nhưng có vậy thì quốc dân mới trông cậy vào các ông, những nhà trí-thức tối cao trong nước, và càng khó thì lại càng phải chia việc ra mà làm gấp. Ông Taông nói một năm nay có một nhóm giáo sư Đại-học hằng tuần họp nhau để nghiên-cứu văn-đề. Tại sao chỉ mới nghiên-cứu từ một năm nay thôi ? Thề thì năm 1958, sau khi Bộ tuyên bố « phải chuẩn bị ngay từ bây giờ », cái công việc chuẩn bị đó giao cho cơ-quan nào, chắc không phải là cho Viện rồi ?

Nhưng dù chỉ mới nghiên-cứu từ một năm nay, thì sau bốn năm chục lần hội họp, các học giả của Viện chắc cũng đã đặt xong quy tắc, phác xong chương-trình, phân-phối xong công việc và có thể cho quốc-dân biết tới năm nào thì bắt đầu thực hành ở các năm dự bị hoặc thứ nhất mọi ngành

được chứ ? Có lẽ nào chỉ mới có thể hứa được một cách rất mơ hồ là phải đợi « một thời gian » nữa ?

Nhưng làm cho tôi suy nghĩ nhất là *điểm thứ ba* : không muốn thí-nghiệm trên lưng của sinh-viên. Thí-nghiệm cái gì đây ? Văn chương trình đó, văn phương-pháp đó, văn giáo-sư đó, chỉ khác trước dạy bằng ngoại ngữ, bây giờ dạy bằng Việt ngữ, mà ông Trần-Tần-Thông bảo là thí-nghiệm thì chỉ có thể là thí-nghiệm Việt-ngữ chứ còn thí-nghiệm cái gì nữa ? Mới đọc bài tường-thuật, tôi tự hỏi như vậy.

Hôm nay đọc bài ông Trần-Tần-Thông trả lời ông Nguyễn-Thành-Minh, đăng tên *Tự-Do* ngày 22-1-61, tôi không còn thắc mắc gì nữa : đúng là ông ngại sự thí-nghiệm những danh từ khoa-học rồi. Giữa Quốc-hội, ông tuyên bố :

« Vì văn-đề chuyên ngữ là một văn-đề tôi quan trọng, chúng tôi không thể áp dụng trước khi có một sự thông nhất danh từ khoa-học và chúng tôi không muốn thí-nghiệm trên lưng của sinh-viên. » (Biên bản Quốc-hội số 30/65).

Rõ ràng là cái tinh-thần thận-trọng của các nhà học-giả. Nhưng chúng tôi tự hỏi không biết các vị học-giả đó có thận trọng quá không ?

Sự thí-nghiệm danh từ khoa-học có phải là việc mới mẻ đáng cho các vị ấy lo lắng tới cái mực đó không ? Mười mấy năm trước đây, khi chúng ta bỏ chương-trình Pháp ở bậc Trung-học mà dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ, chúng ta có lo-lắng như

vậy không hay là chúng ta đã mạnh bạo mà thí-nghiệm và kết quả sự thí-nghiệm đó là nền Trung-học Việt-Nam đã có thành tích, học-sinh không phải vì dùng những danh từ khoa-học ta đặt ra mà dốt về khoa-học, mà mù người đi, không biết phán đoán, hoặc nói chuyện về khoa-học thì không ai hiểu ai. Tôi vẫn biết rằng « bậc Đại-học không phải là bậc Trung-học nòi dãi » nhưng đó lại là chuyện khác. Ở đây ông Trán-Tần-Thông chỉ ngại về cái hại đem thí-nghiệm vội vàng những danh từ khoa-học khi chưa được thông-nhất. Viện Đại-học Sài-gòn là Viện lớn nhất trong nước, cứ đặt, dịch các danh từ khoa học mà dùng đi tại rồi nó sẽ thông-nhất cũng như xưa kia các trường Trung-học công-lập cứ dùng những danh từ của ông Hoàng-xuân-Hãn và ngày nay những danh từ đó thành thông-nhất, chớ có gì đâu ?

Tất nhiên một số danh từ có thể đặt sai, dịch sai ; nhưng khi thấy sai mà danh từ chưa được phổ thông lắm thì ta sửa lại ngay, nhược bằng đã quá phổ thông rồi thì cũng chẳng cần phải sửa cũng được, vì vô hại. Danh từ nước nào cũng vậy. Chẳng hạn tiếng *kinh tế* mà nửa thế kỷ trước người Trung-Hoa dùng để dịch chữ *économique politique*, đâu có đúng nghĩa, khi thấy nó sai nghĩa thì nó đã quen dùng rồi mà không cần phải đổi nữa. Còn danh từ *kỹ hà học* để dịch chữ *Géométrie*, ngày nay ta thấy sai mà vì nó chưa thông dụng, nên đổi là *Hình học*, và các giáo sư và học sinh đều bỏ *Kỹ hà học* mà dùng *Hình*

học. Ngay như danh từ *hàn thử biểu* đã thông dụng mà nay ta vẫn cứ đổi là *nhiệt kế* cho đúng hơn, và chúng ta cũng đã bỏ tiếng trên mà dùng tiếng dưới một cách rất dễ-dàng. Tôi chẳng thấy như vậy có hại gì lớn cho sự đào tạo thanh niên cả. Vì ta nên nhớ rằng sinh viên đại học không như trẻ ở tiểu học hay trung học, hoang mang về sự danh từ không thống nhất ; họ hiểu được cách cầu tạo hay dịch danh từ và khi hiểu rồi thì dễ nhớ. Mà họ học là cần học tinh thần nghiên cứu, phán đoán, còn danh từ chỉ là mặc ước với nhau, không phải là quan trọng nhất.

Tất nhiên tránh được thì vẫn hơn, thận trọng thì vẫn quý, nhưng chúng tôi tưởng bước đầu không sao tránh hết được ít nhiều sự bất tiện. Vì dù Viện Đại học có bỏ ra mười năm hay năm mươi năm nữa để dịch cho thật đúng 200.000 danh từ khoa học thì thế nào cũng có một số tiếng khi dùng rồi mới thấy phải sửa đổi lại ; và dù sao thì người ta cũng vẫn phải đem những tiếng đó ra để « thí nghiệm trên lưng của sinh viên », vì nội một sự đem ra dạy tức là đem ra thí nghiệm rồi.

Suy cho kỹ ra thì trước kia, ngay cái sự dùng tiếng Việt ở Trung học đã là một sự thí nghiệm ; ngày nay nội cái sự dùng tiếng Việt ở Trung học mà dùng tiếng ngoại quốc ở Đại học cũng là một sự thí-nghiệm nữa. Trong sự giáo dục, bất kỳ một sự thay đổi gì hơi quan trọng cũng là một sự « thí nghiệm trên lưng của học sinh ». Mà ngay như việc đời cũng

TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ DÙNG TIẾNG VIỆT...

vậy : từ quân chủ đổi ra dân chủ, từ kinh tế chỉ huy đổi ra kinh tế tự do rồi từ kinh tế tự do trở về kinh tế chỉ huy bán chỉ huy, từ sự dùng cái cày tay chuyển qua sự dùng cái cày máy... đều là những sự « thí nghiệm trên lưng » con người cả. Không có thí-nghiệm thì làm gì có sự thay đổi, làm gì có tàn bộ ? Không có thí nghiệm thì chúng ta tất còn ăn lông ở lỗ như tổ tiên thời thượng cổ ; và nếu trong sự giáo dục, không có thí nghiệm thì ngày nay ta cũng vẫn còn dùng chương trình Pháp của cái thời Pháp thuộc. Vậy thì tại sao lại sợ sự thí nghiệm như vậy kia ?

Mà nói cho cùng trong khi chưa kịp thông nhất, nếu có một số tiếng mà mỗi giáo sư dịch một khác thì ta cứ ghi cả lại hoặc ghi thêm tên quốc tế, có hơi rắc rối cho sinh viên thật, nhưng cũng chẳng có hại gì lớn. Việt ngữ hiện nay chưa được thông nhất, cái *rong* ở Nam người Bắc gọi là cái *hòm*, trái *na* ở Bắc người Nam gọi là trái *mãng cầu ta...*, nhưng không phải vì vậy mà người ta không dạy tiếng Việt cho trẻ.

*
* *

Tóm lại phụ huynh chúng tôi chỉ yêu cầu Bộ và Viện có một đường lối dứt khoát : dùng tiếng Việt hay không dùng tiếng Việt. Nếu dùng thì mấy năm nữa có thể bắt đầu dạy ở các năm thứ nhất các ngành Đại học — chúng tôi không đòi hỏi một sự thay đổi toàn diện ngay một lúc — nếu không dùng thì sửa đổi lại chương trình Trung học ra sao để con em chúng tôi có thể nói, nghe thông được một ngoại ngữ

khi học hết bậc Trung học. Chúng tôi chỉ cần biết rõ điều đó để hướng dẫn sự học của con em vì nếu bảy năm nữa mà vẫn để chuyên ngữ vẫn nằm ý ra như ngày nay thì chúng tôi sẽ tìm cách cho con em vào những trường trung học Pháp để khi lên Đại học, chúng khỏi bỏ ngỡ.

Một ông dân biểu, ông Trương-Thiếu, thắc mắc « không hiểu Bộ Q.G. G.D có hướng dẫn, học sinh dựa theo văn hoá Pháp không ». Theo một vị dân biểu thì « Bộ không có ý hướng thanh niên theo chương trình văn hoá Pháp, việc chọn sinh ngữ Anh, Pháp tự do là một bằng chứng.»

Vâng quả thực đó là một bằng chứng, song tôi tự hỏi không biết người ta cho con em học tiếng Anh làm gì khi mà hiện nay ở Đại học hầu hết các môn chỉ dạy bằng tiếng Pháp ?

Lời yêu cầu của ông Hoàng-Văn Nam, dùng cả tiếng Pháp và tiếng Anh ở Đại học Khoa học (Báo *Tự Do* ngày 22-1-61) không phải là vô lý : có vậy thì những học sinh lựa Anh ngữ làm sinh ngữ thứ nhất mới khỏi bị thiệt thòi. Bộ Quốc gia giáo dục và Viện Đại học đã nghĩ đến điều đó chưa ? Lẽ nào lại thật sách độn như vậy, mở thêm một Đại học dạy bằng ngoại ngữ nữa ở Sài Gòn này ?

Chúng tôi ngờ rằng vấn đề chuyên ngữ này có liên can mật thiết tới những vấn đề nào khác chẳng, nên nó mới hóa ra rắc rối đến nỗi các nhà học giả của chúng ta giải quyết mấy năm nay vẫn chưa ổn như vậy.

Sài Gòn ngày 23-1-1961

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

XÂM-NHẬP CHÂU MỸ LA-TINH

HOÀNG-MINH-TUYNH

(tiếp theo B.K. số 98)

D.— Cuba.

Cuba là điểm người ta có thể đứng tự do mà nhìn bao quát được Trung-Mỹ, Mexique, Texas và Floride. Về phương diện chiến lược, địa điểm ấy rất mực quan trọng vì nó là một đầu cầu của người Cộng-sản và nó đe dọa thường trực Hiệp-chúng-quốc và mối cò kết. Liên-Mỹ — Mạc-tu-khoa mai ngày có thể hy vọng thiết lập đại bản doanh trên phần đất chật hẹp nhất của đại-lục Mỹ-châu không? Nếu đặt được chân lên Cuba, các cường quốc phương Đông chắc chắn có thể cắt đứt trực Liên Mỹ Hoa-thịnh-đôn — Buenos-Ayres ở phía Bắc Vịnh Panama.

Hồi thứ nhất của tấn kịch đã khởi sự diễn từ năm 1956, khi Fidel Castro đổ bộ lên Cuba với tám mươi đồng-chí. Người Cộng-sản Cuba thoát đầu ủng hộ chính-phủ tại vị là chính-phủ Batista, nhưng từ sau khi Castro

thành-công, họ vội vã chuyển hướng rất mau và quay ra ủng hộ ông này. Một bài xã-thuyết đăng trên báo « Pravda » báo trước sự chuyển hướng trên của chính-sách cộng-sản, họ trình diễn Castro dưới danh hiệu một nhà ái-quốc, một nhà « cách-mệnh quốc-gia ». Castro liền đáp rất quả-quyết lại rằng « báo chính-phủ ông là chính-phủ chống Cộng quá ư chấp nhất là dấu hiệu tỏ ra nghi hoặc chèn-độ của ông. »

Tháng 11 năm 1959, lần đầu tiên, một phái-đoàn của chính-phủ Cuba đi vòng quanh lần lượt thăm các nước Á-Phi, Nam-dương, Ấn-độ, Tích-lan, Hối-quốc, Irak, Cộng-hòa Ả-rập và Soudan, chứng tỏ La Havane muốn cựa mình thoát khỏi cảnh ngộ cô-lập gây ra bởi áp-lực của Hiệp-Chúng-quốc.

Song thật ra, từ ngày 1 tháng Giêng 1960, cuộc tấn công Nga-Hoa mới khởi sự thành hình, như ta có

XÂM-NHẬP CHÂU MỸ LA-TINH

thể nhận xét thấy theo ngày tháng và những sự kiện dưới đây :

Trước hết là thỏa-hiệp Xô-việt — Cuba kết-thúc hồi tháng Hai. Hoàn-cảnh kết-thúc thỏa-hiệp này cho ta thấy rõ phương-pháp xâm-nhập rất đặc-biệt Mạc-tư-khoa đã tồn công nghiên ngẫm, sắp đặt, trước khi đưa ra áp-dụng.

Mùng 4 tháng Hai, ông Mikoyan qua La Havane khánh thành một cuộc triển-lãm Xô-việt. Ngày 7 tháng Hai, ông này tuyên-bồ khi tới La Havane : « Nước Cuba bảo không cớ ý muốn xuất-cảng cách-mệnh (nghĩa là không muốn ép buộc ai bắt chước mình) song gương của Cuba thiên-hạ chẳng nên coi thường, coi rẻ », và ông nói tiếp : « Cả Liên - Xô nữa cũng không muốn xuất-cảng cách-mệnh, nhưng Liên-Xô càng phát-huy những thực-hiện của mình thì càng làm cho thiên-hạ vừa lòng, đẹp ý ». — Như thế tưởng là rõ ràng lắm vậy.

Ngày 14 tháng Hai, vị chính-khách Xô-việt, sau một tuần lễ làm thượng-khách của Cuba bay trở về Mạc-tư-khoa, mang theo văn kiện một hiệp-ước thương-mại — hiệp-ước thứ nhất ký với Cartro — theo đó thì Liên - Xô cam-kết mua 425.000 tấn đường cho mùa gặt hái năm 1960 và một triệu tấn cho bốn năm sau liên tiếp. Ngoài ra, hiệp-ước cũng chấp-thuận cho Cuba vay của Liên-Xô 100 triệu mỹ-kim, lợi-xuất 2, 50 và trả làm mười hai năm.

Sau đó, tới lượt một phái-đoàn Đông-Đức tiếp xúc với các nhà cầm

quyển La Havane và tới lượt một phái-bộ nghiệp-đoàn Xô-Việt đến « hỏi thăm sức khoẻ » của các nghiệp-đoàn Cuba.

Ngày 9 tháng Năm 1960, quan-hệ ngoại-giao với Liên-Xô — bị gián-đoạn từ 1952 thời Batista — được tái-lập. Tháng Sáu, một trong những lãnh-tụ chính của đảng cộng-sản Cuba là Juan Marinello sang viếng Trung-Hoa lục địa. Đồng thời ông Kơ-rút-sốp và ông Chu-Ấn-Lai cũng mời ông Castro tới viếng Mạc-tư-Khoa và Bắc-Kinh.

Mùng 10 tháng Bảy, lợi dụng dịp một phái-đoàn Cuba lưu trú tại Đông-Đức, chính phủ Pankov đề-nghị với chính phủ La Havane thiết-lập giúp nhiều xưởng máy, sẵn sàng cung cấp cả tư bản lẫn chuyên-viên cho. Trong khi đó, Tổng Công-đoàn Cuba sang Trung-Hoa lục địa, tuyên bố nhiều lời « hữu nghị », trong đó, có câu đặc-biệt này : « Đê-quốc Mỹ đã đoàn kết chúng ta lại ».

Ngày 15 tháng Bảy, phái-đoàn chính thức đầu tiên của Trung-Hoa Cộng-sản tới La Havane. Phái-đoàn này do ông Bộ trưởng Ngoại-thương dẫn đầu. Mục tiêu là kết thúc một thỏa-hiệp thương-mại đầu tiên và thiết-lập quan-hệ ngoại-giao giữa hai nước. Thỏa-hiệp trên nhằm thực hiện một chương-trình mậu dịch hai chiều trị giá 70 triệu Mỹ kim : Cuba xuất cảng sang Trung-Hoa đường, nich-kên, đồng ; Trung-Hoa cung cấp lại cho Cuba sản phẩm kỹ-nghệ, máy móc nông-nghiệp, vải bô, lúa, đậu nành và đồ sứ.

Nhân cuộc thương lượng với các nhà cầm quyền Cuba, — (trong dịp thương lượng này, cũng có đề cập tới vấn đề tổ chức một cuộc trưng bày sản phẩm công thương của Trung-quốc tại La Havane) — vị bộ trưởng ngoại thương Trung-Hoa Cộng sản có đọc một bài diễn văn, tiết lộ cho ta thấy rõ tinh thần của các cuộc mậu dịch đều nhằm mục tiêu chủ yếu này là lần lần tách rời Châu Mỹ La-tinh ra khỏi phạm vi thê lực của Hiệp-chúng-quốc: « Nỗ lực thông khổ nước Cuba hiện đang chịu đựng, nước Trung-Hoa cũng đã từng phải chịu đựng từ trước, song nếu người Cuba vững lòng đoàn kết, chắc chắn họ sẽ đánh bại kẻ xâm lược và chiến thắng cuối cùng ». « Người Cuba sẽ thấy ở bên cạnh mình những quốc gia Châu Mỹ La-tinh (!), những dân tộc Phi - Châu, những quốc gia của thế giới xã hội chủ nghĩa (sic) và nước Trung-Hoa. Trung-Hoa đã ủng hộ Cuba ngay từ buổi đầu và sẽ ủng hộ tới cùng. »

Chúng ta nên ghi nhận đây là lần đầu tiên một nước Châu Mỹ La-tinh mở cuộc hiệp thương chính thức với chính phủ Trung-Hoa Cộng sản vậy.

Ngoài ra, chúng ta đều biết ông Kơ-rút-sốp cũng tuyên bố với ông Raul Castro, nhân dịp ông này qua viếng Liên-Xô, rằng ông sẽ sẵn sàng nhận lời mời của ông Fidel Castro nếu ông Tổng thống Cuba qua chơi nước Nga trước.

Sau hết, cũng xin nhắc lại việc các nhà cầm quyền Cuba tịch thu các nhà máy lọc dầu của người Mỹ, với chủ ý tự tiếp tế lấy dầu nhập cảng thẳng tự Liên-Xô qua.

Trước những sự kiện chúng tôi vừa lược trình trên, các độc giả cũng hiểu được phần nào mối lo âu của Hiệp-chúng-quốc. Mặc dù Hoa-thịnh-đôn đã thắng được một điểm đáng kể khi vận động để Hội đồng Bảo An Liên-hiệp-quốc bác bỏ việc cứu xét bản hồ sơ Cuba và giao cho Tổ chức liên hiệp các nước Mỹ châu, ta vẫn thấy có điều đáng ngại cho Hiệp - chúng - quốc là « chủ nghĩa Castro » hình như hiện nay đã lôi cuốn được khá nhiều cảm tình của các nước khác, như Mexique và Bolivie, là hai nước, đã có một thời, bị nghi ngờ là hai nước Cộng-sản. Ngoài ra, nếu không gây được cảm tình, thì ít nữa chủ nghĩa Castro cũng gây ra những xáo trộn và những chia rẽ bất lợi, như tại Caracas và Lima, nó đã là đầu mối của những va chạm khá mãnh liệt, nhiều khi đi tới chỗ chém giết lẫn nhau. Tại Rio de Janeiro, chính phủ từng khi dùng tới tiếng « persona non grata » (người bắt hảo) để gọi một viên chức của toà Đại-sứ Cuba, bị báo chí địa phương tố cáo là đã hoạt động cho Cộng sản.

Mặt khác, dù cho Hiệp-chúng-quốc có điều đáng phải ân hận trong việc đòi xử không đẹp với Cuba trước đây chẳng nữa, ta cũng không thể chối cãi chủ nghĩa Castro, với cuộc cách-mệnh Cuba, có thể là một đòn chí tử

đánh vào cái hệ thống phòng thủ địa phương và tình liên đới, cổ kết xưa rấy của lục địa Mỹ - châu. Hơn thế, các sự việc hiện đang xảy ra tại La Havane có nhiều điểm rất giống với những sự việc đã xảy ra tại xứ Guinée, hình như chúng cũng phát sinh từ một chiến lược: cũng áp dụng một thể thức viện trợ, cũng nỗ lực tránh nhúng tay vào nội bộ, cũng tuyên bố chúc tụng nồng nhiệt quá sức...

Phải, ta có lý do ngờ rằng, tại La Havane, sau bức màn khói tuyên truyền, Liên Xô quả nhằm mục tiêu chinh phục Mỹ-châu vậy.

* * *

Các nước hậu tiến Châu Mỹ La-tinh cũng có chung một số tính-chất đặc biệt, như cũng là những thuộc-địa cũ, nên cũng chuyên hướng nền kinh tế liên tục giống nhau. Ngoài ra, tuy đã thu hồi độc-lập từ trên dưới một trăm năm mươi năm nay mà cơ-cấu kinh-tế nước nào xem ra cũng chậm tiến phát, trừ tại Brésil và Mexique, phải có áp-lực của dân-chúng, phần nhiều là thổ dân, mới thấy thực hiện những cải-tổ về nông-nghiệp.

Đại quan, khuôn khổ căn-bản vẫn là khuôn khổ « đại nghiệp chủ » và nền kinh-tế vẫn có tính-chất chủ-yếu đầu cơ. Chính - quyền và phần lớn đất đai lọt vào tay một thiểu-số thế-lực thuộc dòng dõi Tây-ban-nha hoặc Bồ-đào-nha.

Do tình - trạng trên, phát sinh ra vấn đề trung-tâm, vấn đề chủ yếu cho

các nước Châu-Mỹ La-tinh, là vấn-đề nguyên liệu. Mặc dù hạ tầng kiến-trúc của họ, đã phát-triển tới mức quan-trọng và mau lẹ hơn hạ tầng kiến-trúc của các nước Á-Phi, mà các nước này chung-quí vẫn bị lệ thuộc vào sự xuất-cảng một hay nhiều nguyên-liệu căn-bản. Đó là: đường đời với Cuba; dầu lửa đời với Véné-zuela (tới 90% xuất cảng); cà-phê đời với Colombie (cũng tới 90%); đường và lúa gạo đời với Equateur; thiếc đời với Bolivie; bông gòn và mực-súc đời với Paraguay; cà - phê, bông gòn và ca-cao đời với Brésil; đồng đời với Chili; lúa mì và thịt đời với Argentine. Do đây, các nền kinh-tế địa-phương gặp rất nhiều trở ngại và bất tiện, như mới đây nền kinh-tế Argentine đã bị lũng đoạn chỉ vì giá cả nguyên-liệu và các sản-phẩm căn-bản bỗng sụt xuống bất ngờ.

Mặt khác, trên khắp lục địa Mỹ-Châu, hiện đang nhóm lên một cơn khủng-hoàng phát dục, gây ra bởi sự kiện kỹ-nghệ-hóa quá ư cuồng-nhiệt, khiến cho một phần lớn tư-bản, bị thu hút mà không đem lại cải-tiến gì cho các cơ-cấu xã-hội và kinh-tế vẫn còn vương mắc sâu đậm tính - chất nông-nghiệp.

Hình như tương-lai các cuộc mạo-dịch giữa Châu Mỹ La-tinh với khối Cộng-sản tùy thuộc vào các yếu-tố sau này :

1.— khả-năng thu dụng của thị-trường các nước Cộng-sản đời với nguyên - liệu và thực phẩm do các nước Châu Mỹ La-tinh sản-xuất.

2.— số lượng tư - bản các nước Cộng-sản có thể xuất-cảng để đầu tư vào các nước Châu Mỹ La-tinh.

3.— khả-năng cho vay mượn bằng hiện vật của các nước Cộng-sản để duy trì cán cân mậu-dịch mặt thẳng bằng của các nước đã đại dột hiệp thương với họ.

May mà các biên-cổ xảy ra tại Cuba và Panama, cũng như chuyển hướng của chính - sách kinh - tế Vénézuela, cuộc du-hành của ông Mikoyan qua Trung-Mỹ, cuộc du-hành của nguyên tổng-thống Eisenhower, các cuộc cho vay cho mượn cùng mậu-dịch kết-thúc giữa Liên-Xô và các nước như Argentine hay Brésil, đã khiến cho Hoa - thịnh - đôn cảm thấy cần phải duyệt lại cho mau chính sách đối ngoại của mình.

Nhưng Hoa-thịnh-đôn duyệt lại thế nào ?

Cổ nhiên Hiệp-chúng-quốc không thể hy-vọng thiết-lập ngay được một chế-độ ổn-định về chính-trị và kinh-tế tại các đảo Caraïbes và các xứ ở phía Nam Rio Grande, bao lâu Bắc - Mỹ chưa góp phần tích cực của mình vào trong việc giải-quyết vấn-đề nguyên-liệu, là vấn-đề sống chết đối với Nam-Mỹ.

Xét cho sâu xa, vấn đề đặt ra cho Hiệp-chúng-quốc trong việc đòi xử với các nước Châu Mỹ La-tinh không có gì khác biệt lắm với vấn đề thiết lập bang giao của các chính quốc Âu.

châu đòi với các thuộc địa cũ. Chỉ khác biệt về một điểm này là từ xưa đến nay hình như các giới người Mỹ vì quá thiên về thực tề, không chịu đưa mắt nhìn xa về tương lai hơn một chút.

Tuy nhiên, việc tung ra một kế hoạch Marshall thi hành cho Châu Mỹ La-tinh và việc tuyên cáo hồi tháng Bảy vừa qua sẽ cho Pérou vay một ngân khoản 52 triệu mỹ kim, chứng tỏ Hiệp-chúng-quốc đã bắt đầu ý thức sự cần thiết cải tổ chính sách đối ngoại của họ với Châu Mỹ La-tinh. Tuy nhiên, bước đầu bày tỏ thiện chí của Hoa-thịnh-đôn đó, các giới người Brésil cho là chưa được nồng nhiệt và còn xa mới đạt tới chỗ đầy đủ, khiến cho các nước « anh em » hài lòng.

*
* *

Phải có một cuộc đòi chọi giữa Hiệp-chúng-quốc, một trong hai nước lớn nhất thế giới, với một nước bé nhỏ trong quần đảo Caraïbes, Tây Phương mới kịp kinh ngạc nhận ra hiện nay Châu Mỹ La-tinh cũng đã tới lượt biến thành diễn trường của cuộc « chiến tranh lạnh », đặt Đông Phương Cộng sản đối lập với « Thế giới tự do ».

Sự phát lộ trên, xảy ra nhân có một cuộc xung đột về kinh tế giữa hai nước một lớn một nhỏ không phải chỉ có một giá trị tượng trưng. Biên cổ xảy ra vừa đúng lúc để nhắc cho mọi người biết rằng khi giới chủ yếu người

XÂM-NHẬP CHÂU MỸ LA-TINH

Cộng-sản dùng để triển dương thế lực của họ tại Châu Mỹ La-tinh cũng là một thứ khí giới họ đã dùng tại các nước hậu tiến Á-Phi : đó là khí giới viện trợ, mệnh danh là viện trợ « kỹ-thuật », dưới hình thức kinh tế hay văn - hóa, còn các đảng cộng sản địa - phương, nếu có, chỉ là khí giới thứ yếu mà thôi. Tình thế không phải vì vậy mà kém phần nghiêm trọng : Cuba, một khi trung lập hoá, kết quả, xét theo con mắt của Tây Phương, chẳng có gì là khác với một Cuba đã bị xích hóa chút nào. Gương Guinée hay hơn nữa, gương Ai-Cập của Nasser, chẳng đã chứng tỏ điều trên một cách rõ rệt sao ?

Nguy cơ thứ hai là tình thế có thể khiến cho chủ nghĩa Liên-Mỹ, đi tới

chỗ suy vi, biến chủ nghĩa này thành một bộ máy hiểm nghèo dùng để bóp chẹt Tây-Phương, bắt phải nhượng bộ trước những yêu sách gắt gao của khối Cộng-sản.

Các nguy cơ trên chỉ có hy-vọng khu trừ được nếu Hiệp-chúng-quốc và các cường quốc Tây-Phương biết thoả thuận với nhau mà thiết lập trước một chương trình viện trợ chung cho các nước hậu tiến Châu-Mỹ La-tinh. Tất cả vấn đề là coi xem « Thế-giới tự do » có biết chung lưng đấu sức với nhau mà đưa ra một chiến lược phối hợp để đối phó kịp thời với sách lược phân chia công tác rất chặt chẽ của khối Cộng-sản hay không vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

JEAN-PAUL SARTRE

Sinh năm 1905

* Trong phòng ngủ, tôi có sáu tấm gương. Khi nói, tôi sắp đặt để có thể nhìn thấy mình nói trong một tấm thôi. Tôi nói, tôi thấy tôi nói. Tôi thấy tôi như những kẻ khác thấy tôi ; cách đó làm cho tôi giữ được tỉnh táo.

(Sartre, Huis-Clos)

Kinh-nghiệm

Marlène Diétrich nói :

— Người đàn ông đứng tuổi chỉ là người đàn bà có nhiều kinh-nghiệm giữ được trẻ lâu hơn các em út.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Nhân loại hiệp nhất.

Phát triển cơ khí và tiến bộ kỹ-thuật đã tăng-gia nhu-cầu của loài người, nhưng đồng thời cũng tăng-gia phương-tiện thỏa mãn các nhu-cầu ấy lên gấp bội. Ít là về phương-diện vật chất, mức sinh-hoạt của người Việt trung-bình hiện nay phải công nhận là cao hơn mức sinh-hoạt của tiền nhân đời Lý, đời Trần và cả đời Nguyễn.

Không đề cho những huy-hoàng của quá khứ mê hoặc, chúng ta hiểu nhịp sản-xuất kinh-tế hiện đại, phát sinh do sự phân công và nghĩa liên đới, bắt buộc chúng ta phải triển dương quan-hệ tương giao từ phạm-vi, xã, tỉnh, bang, quốc ra tới những vị trí lớn lao hơn như liên-bang, liên-quốc.

Toàn thể nhân loại hầu như đã nhận thấy rõ ngày nay không một quốc-gia nào còn có thể tự hào sinh-hoạt biệt lập, không cần tới xung quanh. Họ hiểu rằng muốn trường tồn, cũng như muốn trở nên thịnh vượng, phú túc. điều kiện tất yếu cho mỗi quốc gia xa gần, là phải biết hợp tác, mậu-dịch với nhau trên căn bản bình quyền, bình đẳng, là biết giải tỏa lẫn lẫn những biên cương quốc-gia, vốn là những chướng ngại ngăn trở nhân loại hiệp nhất để giải phóng mình.

PHẠM-HOÀNG

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ hống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC :

(tiếp theo B. K số 98)

nhà văn

ANDRÉ MAUROIS

tự phê-bình

★ BÙI-HỮU-SÙNG



2. - PHẦN PHÊ-BÌNH

TRONG cuốn « Portrait d'un ami qui s'appelait moi » nhà văn A. Maurois đã tự phê-bình một cách minh bạch, đầy đủ với giọng khiêm tốn, thành thực. Những văn-sĩ trẻ đọc cuốn này có thể rút được khá nhiều kinh nghiệm, ví dụ như muốn viết tiểu thuyết hay chuyện ngắn, phải đọc nhiều, sống nhiều, tẩm mình vào trong « không khí » của câu chuyện mình định kể. Bài báo này đã quá dài, tôi rất tiếc không có điều-kiện để phê-bình sách này về văn-từ, bố cục và nội dung. Dưới đây tôi chỉ xét trong sách này chúng ta học được những gì để xây dựng thể phê-bình văn-học ở nước ta.

A) Sách của A. Maurois chính-chính những ý-kiến của các nhà phê-bình

Trước hết, một số nhà phê-bình như Robert Kemp, R. M. Albérès, Clouard,

cho Maurois là một nhà giáo lãnh nghề (excellent instituteur), chính Maurois cũng nhận thấy lời phê-phán ấy đúng.

Riêng đối với độc-giả hay nhà phê-bình Việt-Nam, quyển sách này có hai ý kiến mới, sửa chữa một phần nào mấy thành kiến đang được lưu hành trong giới phê-bình nước ta :

1) Đời sống một nhà văn không gắn liền với văn-phẩm.

2) Đừng quan-trọng-hóa mấy danh-từ « văn-phái ».

Thành kiến thứ nhất.— Xưa nay, một số đông nhà phê-bình chịu ảnh hưởng sâu đậm của Stö Beuve, Lanson, đi tìm chỉ tiết tỉ mỉ trong đời sống một tác-giả để giải thích văn hay tư tưởng của tác-giả. A. Maurois cho ta biết những sự tình-cờ xảy ra trong

việc giao-du, giáo-dục, chiến-tranh chỉ ảnh hưởng tới văn của ông chứ không phải là nguyên-nhân quyết-định (cause déterminante). Ông đã viết (trang 56) : « Vai-trò của tình cờ trong sự thai-nghén tác-phẩm của tôi rất lớn » (Le rôle du hasard dans la naissance de mes Œuvres est considérable). Thậm chí tư-tưởng của ông cũng không theo thời thế mà biến hóa, ông đã tuyên - bố đừng coi quyển nào là tác-phẩm đầu tay vì, tiện lúc nào, soạn cuốn đó. Vậy chúng ta rút kinh nghiệm, sau đây : ta đừng gán liền từng bước một, đời sống với văn của tác-gia. Tâm trạng con người văn - nghệ khi « bốc đồng » cầm bút làm thơ văn có khác với tâm trạng người ấy trong lúc bình thường nghĩa là khi làm cha, làm mẹ hay khi làm việc chuyên môn hàng ngày. Chính Marcel Proust cũng đã tố - cáo những sai lầm trong phương pháp phê-bình căn cứ vào tiểu - sử của Ste Beuve trong cuốn « Contre Ste Beuve ». Tôi nhắc lại điểm này vì gần đây, ở nước ta, có người gán ghép một cách cưỡng ép Thúy-Kiều của Nguyễn-Du với « Chi Cầm ngày xưa », (Chi Cầm tên một ca-nhĩ do Nguyễn Du gặp ở Thăng - long.) hay đời sống của Nguyễn - Gia - Thiệu với nàng Cung-phi trong Cung - Oán ngâm-khúc, mối hoài-niệm Lê - Triều với thơ của bà Huyện Thanh - Quan. Cố nhiên, văn bắt nguồn ở đời sống tác giả nhưng mối tương quan ấy rất bí hiểm như mối tương quan giữa chất phân bón cho cây hoa hồng với hương sắc của hoa hồng. Nó bí hiểm nên người ta chưa hiểu được nó, người ta gọi sáng tác văn-nghệ là một thứ khoa luyện đan (alchimie). Baudelaire đã nói một cách bóng bẩy rằng : « đời cung cấp cho ta chất bùn, ta đã biến bùn ấy thành ra chất

vàng » (Tu m'as [donné ta boue et j'en ai fait de l'or).

Thành kiến thứ hai. — Một số học giả nước ta, khi trẻ, dùng sách giáo-khoa của Pháp, chịu ảnh - hưởng sâu đậm của mấy danh từ như văn phái cổ-diễn lãng mạn, hiện-sinh v.v... sau khi rời ghế nhà trường vì không có thì giờ theo đuổi công trình khảo cứu mới dậy, không thu lượm được những tia ánh sáng mới để xét lại những nội dung những chữ tận cùng bằng *isme* kia (*classicisme, symbolisme v.v...*) Thật ra, trong văn học sử Pháp, những danh từ chỉ là những cái móc để học sinh nhận rõ con đường tiến triển của văn-học. Không có một văn phái nào chặt chẽ, dựng lên một hệ thống văn nghệ. Văn phái chỉ là những khuynh hướng gặp được hoàn cảnh thuận-tiện mà trỗi hẳn lên. Ai cũng biết cô Françoise Sagan từ chối không nhận mình là đồ đệ của Sartre. (Nếu Tân-Đà sống lại, có lẽ sẽ không muốn nhận mình là thi-sĩ lãng mạn). Còn A. Maurois đã nói rõ ràng (xem phần lược thuật ở trên) là đừng xếp ông vào một văn-phái nào cả : trong tạp-chí *Les Lettres Françaises* kỳ từ 8 đến 15 tháng 10 năm 1953, ông đã viết : « Các nhà văn Pháp hay thích họp lại xung quanh một danh từ tiêu tượng ; phái cổ-diễn, phái lãng-mạn, phái tả thực, phái tự-nhiên, phái tượng trưng, phái hiện sinh. Thật ra, nội dung của những danh từ ấy rất mơ hồ. Nhưng văn-hào không bao giờ chịu giam mình trong một chủ-nghĩa, cả những khi các ông ấy làm cha đỡ đầu cho chủ-nghĩa. Cái sự mạng sáng-tạo của các ông là phá tung các khuôn khổ (Les grands écrivains ne sont jamais les prisonniers d'une doctrine, même lorsqu'ils en sont les parrains. Leur puissance de création fait éclater les cadres).

B. — André Maurois đã can-đảm giữ vững tinh-thần dân-tộc Pháp trong giai-đoạn rối-ren

Chắc độc-giả cũng biết trong mấy chục năm gần đây, sau khi lý-trí của Descartes bị đánh ngã bởi trực giác của Bergson, xã-hội Pháp bị đảo lộn bởi mấy biến-cổ lớn, văn-học Pháp đi tìm những cái đen tối, tả những cái sa ngã, thám cứu những uẩn khúc trong tiềm-thức, một số đông văn-sĩ Pháp cho văn có « tối nghĩa mới có giá trị, thơ phải khó hiểu, « thơ hủ », mới là tân-kỳ, tiểu-thuyết phải phi-luân lý, hay vô đạo-đức mới tả đúng sự thật. Trong khi ấy A. Maurois vẫn chủ trương : văn phải sáng, ý phải giản-dị, đạo đức phải được tôn trọng. Chính trong cuốn « Portrait d'un ami qui s'appelait moi », ông đã viết tới hai ba lần là ông làm một công việc ngược đời (Aller contre le courant). Ông viết cả một truyện ngắn triết-lý nhan đề « La machine à lire les pensées » để chế giễu phương pháp tâm-phân-học (l. psychanalyse) của Freud đang thịnh hành ngày nay. Tuy ông cảm-phục Mallarmé và Valéry, nhưng vẫn cho rằng : « Baudelaire, Molière, Shakespeare, Dickens có cần phải bí hiểm đâu mà vẫn được thiện hạ ngấm đọc. Cái ý-tưởng tối nghĩa làm nên giá trị là một ý kiến mới đây ; nó ra đời từ ngày văn-chương « bác-học » xa cách với quần-chúng. Đã chủ-trương làm mối giới giữa văn-nghệ-sĩ với độc-giả, văn của Maurois bao giờ cũng giữ được mấy đức-tính căn-bản của nền văn-học Pháp, hay đúng hơn là căn-bản của giai cấp trung lưu Pháp (la moyenne bourgeoisie française) :

- a) minh bạch,
- b) mực thước
- c) tính cách nhân bản và thiên về tâm-lý

d) bảo vệ đạo-đức và gia-đình.

Ông ít tả tới những đời sống của giai-cấp cần lao, ít nói tới cuộc cách-mạng, hay những vụ xung - đột xã - hội, những thắc mắc về vận mệnh con người. Vì những lý do đó, tác-phẩm của ông không được những thanh-niên thích phản kháng hay thích đấu-tranh thương thức. Trái lại, ông rất được hoan - nghênh ở nước Anh, nước Mỹ được coi như tinh-hoa đặc sắc của tinh-thần Pháp trong lúc rối ren này.

Tôi không hoàn toàn đồng ý với ông nhưng tôi cảm phục cái can-đảm của ông dám đi ngược lại thời thượng và giữ vững lập-trường của mình trong khi sáng tác cũng như trong khi phê-bình. Nhất là nhà phê-bình cần phải có cái học uyên bác, có một thái-độ cương-quyết, bảo vệ tinh-thần dân-tộc mình ngõ hầu tránh được cái bệnh a-dua phỏng theo người hay đuổi theo « một ». Phê-bình gia phải sáng suốt nhận định cái hay của nước người để tiếp nguồn sinh-lực vào cho văn - học nước nhà mà không đi đến chỗ « mất gốc » không rơi vào bệnh « lai căng ». Dung hòa ! nói dễ nhưng thực hành rất khó nhất là trong địa hạt văn-học. Dung hòa đòi hỏi óc nhận định sáng suốt, óc phân-tích mau lẹ và óc tổng-quát thông-minh hợp thời.

C) André Maurois đã làm giàu văn-học nước Pháp với loại văn mượn của người Anh : loại tiểu-sử

Loại tiểu-sử không phải là tiểu-thuyết-hóa (romancer) — như nhiều người hiểu nhầm — đời sống của một danh-nhân hay của một văn-sĩ hay nghệ-sĩ. Nó loại bỏ những chi-tiết hoang-đường và nó nhằm mục-đích vẽ đúng, vẽ truyền hình vừa giống như in, vừa có nghệ-thuật. Nói khác

đi, loại văn này vừa là một khoa-học căn-cứ vào tài-liệu chính xác vừa là một nghệ-thuật làm sống lại một nhân-vật thuộc về quá-khứ. Loại văn này thịnh-hành ở nước Anh. A. Maurois đã «nhập-cảng» vào nước Pháp, ông vừa trình-bày phương-pháp và lý-thuyết về loại ấy trong quyển « Aspects de la biographie » vừa soạn hơn mười cuốn rất có giá-trị. Có lẽ sau này, hậu-thế nhớ đến Maurois nhà biên soạn tiểu-sử (biographie) hơn là Maurois tiểu-thuyết-gia hay Maurois sử-gia. Có thể nói trong mấy chục năm gần đây ông đã độc-đáo trong loại văn này vì ông có mấy đức-tính sau đây mà chúng tôi chưa thấy ở các nhà văn khác :

1) Ông có tính tò mò sâu rộng. Từ thời còn là học-sinh cho tới nay 75 tuổi, ông vẫn còn muốn hiểu biết những vấn đề xã-hội, khoa-học, tâm-lý. Bao giờ ông cũng ham biết sự thật, nhất là sự thật tâm-lý.

2) Gặp được người vợ công tác một số bạn khuyến khích và nhiều trường hợp cung cấp cho ông những tài liệu chưa ai biết tới (documents inédits).

3) Ông có biệt tài, tìm thấy những động cơ tâm-lý của danh-nhân trong đồng tài-liệu từ tứ phương gộp lại.

4) Hơn nữa ông có thiên tài biến một cuốn tiểu-sử thành một nghệ-phẩm (une oeuvre d'art) vì ông nhờ trực giác tìm thấy ở mỗi nhân vật một nhạc-chỉ (thème musical). Ở trên, tôi đã nói trong đời Georges Sand ông tìm thấy hai nhạc-chỉ chính : nữ sĩ đi tìm tuyệt đối trong tôn-giáo, chính-trị, ái tình và mỗi khi thất bại, nữ-sĩ quay về ấp Nohant tìm mỗi an-ủi (Tựa như ở bên ta, Nguyễn Khuyến tìm mỗi an-ủi bằng cách đi chơi các ngọn núi ở vùng quê thi-sĩ) Trong đời của thi-sĩ Shelley, Maurois tìm thấy

nhạc-chỉ là nước : thi-sĩ Anh, thừa nhỏ, mơ mộng ở bờ sông, làm thuyền giấy ném xuống nước, sau chết đuối ở vịnh Spezzia. Nhạc-chỉ ở Disraeli là hoa, hoa do chị tặng hay của Nữ-Hoàng Victoria ban cho ; Nhạc-chỉ roust là bệnh hoạn. Thành ra tác-phẩm nào cũng được soạn như một bản nhạc. Riêng xét về mặt phê-bình văn-học ta thấy loại tiểu-sử đã giúp cho nhiều độc-giả hiểu các tác-phẩm trứ danh. A. Maurois, lúc đầu viết tiểu-sử của Shelley, còn tách đời sống xa với tác-phẩm, nhưng về sau, ông gắng đặt mối tương quan mật thiết giữa văn và người mà không rơi vào cái tật máy móc hay tỉ mỉ như một số đồ đệ của Ste Beuve và Lanson. Gần đây, mấy cuốn về Georges Sand, về Victor Hugo, về Proust nghiêng về phê-bình văn-học và mang lại những điều nhận xét vừa đúng vừa mới. Giới giáo-sư đại-học cũng thừa nhận và căn cứ vào đây soạn các bộ văn-học sử Pháp quốc xuất bản sau đại-chiến thứ hai. Trong Histoire de la littérature française du Symbolisme à nos jours, giáo sư kiêm phê-bình gia, H. Clouard coi A. Maurois như « một bậc thầy và những bài giảng thâu đáo của ông về Proust, khiến bọn chúng mình chỉ đáng làm học trò của tiên sinh ». Can đảm giữ vững lập trường mà vẫn khiêm tốn, tận tụy cả một đời thu-thập tài liệu hết sức khách quan để khám phá ra những sự-thực tâm lý và thơ mộng (vérité psychologique et poétique), đây là mấy đức tính mà A. Maurois đã nêu ra trong cuốn tự phê-bình của ông. Mỗi nhà phê-bình Việt-Nam thiết tưởng cần phải có mấy đức tính tối thiểu ấy để thể phê-bình ở nước ta mới có đi tiến mạnh trong giai đoạn chấp chững này.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách tên báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dượckhóa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

KỂ CUÔNG TÍN

★ VŨ-THỊ-QUÝ

Phỏng dịch theo
tạp chí Réalités

Denis J., một sinh viên Pháp bị lôi cuốn vào Đảng Cộng-Sản năm 19 tuổi. Anh kể lại cuộc phiêu lưu của mình qua những hàng sau đây :

CUỘC họp tờ vừa bắt đầu. Tất cả các bạn ngồi quây quần chung quanh một cái bàn gỗ tạp. Trên tường là ảnh mẫu của các lãnh-tụ, ảnh Maurice, Jeannette và ảnh ông già Cachin.

François Patret, bí-thư của tờ mở đầu : « Các đồng-chí, trước khi báo cáo về tình-hình chánh-trị, tôi nhường lời cho đồng-chí Georges Moreau trong liên tờ có việc rất quan-trọng nói với các đồng-chí ».

Tóc húi ngắn, mặt xanh nhợt, mắt xâu hoắm vì thức đêm, Georges là một chiến-sĩ điển-hình. Anh ta móc túi ra một tập giấy viết chi chít rồi đọc, giọng trịnh-trọng :

« Các đồng-chí,

Đồng-chí Pierre Sillot không xứng đáng là đảng-viên của Đảng ta ».

Không khí bỗng nặng như chì, các bộ mặt khép lại. Mọi người quay về phía bị cáo. Pierre Sillot tái nhợt. Các bạn nhìn anh, đáng ngờ vực, có đôi chút khinh bỉ. Anh quay lại như muốn tìm cầu cứu về phía Jacqueline, vợ anh ngồi gần đây, hay về phía Henri, bạn thân nhất của anh. Cả hai người đều quay mặt đi.

Các bạn đều rõ anh thật trung-thành với Đảng. Đồng ý là anh hơi thiếu kỷ-luật, anh không biết cầm đầu vắng lời như cái máy, anh hay có thắc mắc. Nhưng thử hỏi xem, ai xung phong đi dán khẩu hiệu, ai cặm cụi suốt đêm quay truyền-đơn với cái máy ronéo cộc cạch. Lấn nào cũng vẫn là anh.

KÊ CUỐNG TÍN

Ấy thế mà, bây giờ từ phía người ta kết tội anh. Ai này biết rằng Đảng sắp có một quyết định không thể cưỡng lại, nên về hòa với nhau buộc anh đủ điều. Nào anh là tiểu tư sản, Nào anh không ăn vận giống anh em — Có người còn nói thêm : « Bữa nhóm đại hội thanh niên đoàn, hẳn ta hai lần không đứng dậy hoan hô thành tích của Đoàn ».

Lần này là hết rồi. Georges Moreau đọc xong bản cáo trạng rồi kết luận : « Pierre Sellot đã có những hành động vô kỷ luật có phương hại tới Đảng ; thái độ đó không thể đi đôi với tư cách đảng viên ».

Lập tức Georges yêu cầu biểu quyết khai trừ Pierre ra khỏi đảng. Tất cả mọi người đều giơ tay, kể cả Jacqueline vợ anh, kể cả Henri, bạn thân nhất của anh. Thất vọng và ngỡ ngàng, Pierre Sillot cũng giơ tay biểu quyết khai trừ chính mình, để đồng ý một lần chót với Đảng đang kết tội mình.

Từ ngày gia nhập Đảng, lần này là thứ bốn Denis J. được chứng kiến một cuộc khai trừ đảng viên. Trước đây anh đã chứng kiến Đảng khai trừ Miko, người Nam-Tur tị nạn sang Pháp từ 1940, và khai trừ năm 1952 vì bị ngờ có tư tưởng ủng hộ Tito. Rồi đến lượt nữ đảng viên Odette bị gạch tên vì sau khi Kroutchev hô hào sửa sai tại Đại hội Cộng-sản kỳ thứ 20, cô ta trong một cuộc mất tinh đã tro vào mặt Thorez mà hỏi : « Tại sao đồng chí đã sang Mạc-tư-Khoa mà lúc về đồng-chí cũng nín thinh không nói

gì tới những sự lệch lạc dưới thời Staline ? ».

Sau đó là khai trừ Jean thuộc đảng Cộng-Sản An-Giê-Ri ; anh ta bị đuổi vì đã không hiểu tại sao Đảng Cộng-Sản Pháp phải xung đột trong một thời gian rất lâu với phong trào Cách Mệnh An-Giê-Ri.

Những bản án khai trừ đó làm Denis rất ghê sợ và sau đây mỗi lần anh lại thấy lòng tin của anh bị lung lay thêm. Nhưng lần này anh như ly nước đầy tràn. Pierre bị tống cổ đi như thế thật tàn nhẫn ! về phần anh, anh sẽ không lấy thẻ đảng viên năm tới nữa. Denis không muốn bàn tới vì duyên cớ gì đảng đã khai trừ Pierre, chắc đảng có đủ yếu-tò rồi mới kết tội, nhưng cách xét xử vô nhân đạo đó làm anh kinh tởm. Cái lời tuyên án từ cặp trên phán xuống như một lưỡi dao rơi, rồi lại không cho ai bào-chữa, những lời hằn học của các bạn buộc tội một người bạn khác trong tổ, sự đề nghị người bị cáo đền nổi người này giơ tay biểu quyết khai trừ chính mình.

Lúc anh trở về nhà theo những đường phố đen ngòm và vắng ngắt, Denis chợt nhớ đến những ngày mới gia nhập đảng. Anh nghĩ lại ngày anh còn là sinh-viên và được trường tổ ở Toulouse trao cho thẻ đảng viên lần đầu tiên, mà thấy lòng mình vẫn còn cảm động.

Bây giờ có thể người ta sẽ cho là vô lý nhưng trước kia thật tình anh đã vì yêu nước mà gia nhập đảng. Cha

anh đã hoạt-động chống Đức trong toàn quân kháng-chiến và ngày còn nhỏ anh sống trong một khung cảnh thật là khác thường. Các vấn đề gác lại đó chờ xong chiến - tranh, tất cả mọi người, đều chung lo chống giữ đất nước và người cộng-sản lại rất hăng hái.

Vì thế cho nên vào năm 1946, giữa lúc anh còn lay động thầy Mỹ can thiệp vào chuyện nước Pháp, một người bạn đã tới rủ anh : « Đền với bọn tao, chống lại đế-quốc Mỹ để bảo vệ tổ-quốc của thợ thuyền », anh đã hăng hái đi ngay.

Bây giờ anh mới thấy quyết - định của anh đã đè nặng lên số phận mình.

Dần dần cả cuộc sống của anh đã thay đổi hoàn toàn. Anh đã say-sưa phục-vụ đảng. Năm đầu anh vừa học Luật vừa hoạt-động chính-trị. Nhưng anh cũng còn thích du ngoạn và chơi tem. Trước hết người ta đã buộc anh phải hy - sinh những cuộc đi chơi. Trưởng tổ luôn luôn nhắc : Anh còn nhiều việc phải làm cho đảng và giai cấp vô sản, bây giờ không phải lúc đi thơ thẩn hái hoa với những tên phản động, hay đi hút những lời êm ái bên tai bạn gái ». Sau đó, anh phải hy sinh nốt cả thú chơi tem.

Cộng-sản 24 giờ mỗi ngày !

Năm sau, việc học của anh đã phải chịu nhiều sao lãng. Anh vừa đủ số điểm trong kỳ thi năm thứ hai. Những công tác của đảng gặm dần hết thì giờ của anh. Trước hết là họp tổ, mỗi

tuần hai lần về buổi tối. Rồi đến các lớp huấn luyện, những lớp anh phải theo học và những lớp anh phải đứng giảng giậy. Rồi đi dân biểu ngữ, phát truyền đơn, bán báo Humanité. Rồi phải tham dự các tổ chức quần chúng, Denis phải đều đặn tới khuyến khích các đoàn thanh niên, giúp đỡ các đoàn phụ nữ, ủng hộ các đoàn phụ lão. Rồi cũng không được quên các tổ chức « hữu nghị quốc tế ». Còn tối nào rảnh thì phải tới dự các buổi họp của những tổ chức dân chủ Pháp — Nga, Pháp — Tây-ban-Nha, Pháp — Nam Tư. Đôi khi họ cần anh tiếp tay với tổ chức « cứu trợ binh dân » hay diễn thuyết tại câu lạc bộ sĩ quan, hạ sĩ quan.

Năm thứ ba là cả một tai nạn. Denis trượt kỳ thi cử nhân luật, gây lộn với gia đình rồi nhập ngũ. Thẻ giới cộng sản dần dần khép chặt lấy anh. Các bạn cũ xa anh dần, có bạn được gia đình khuyến khích, có bạn vì không có thì giờ. Và lại giữa anh và các bạn còn điểm nào gặp nhau nữa đâu ? Anh chỉ để ý đi xin chữ ký vào kiến nghị Stockholm và chống đế quốc Mỹ. Trong một thời gian, anh vẫn còn tới lui với Jean, bại hồi nhỏ mà anh quý lắm. Anh đã gắng rủ Jean vào đảng, nhưng Jean thật là một anh phản động chỉ biết hăm hở theo Tập đoàn Công dân Pháp. Denis đã nhiều lần giảng cho Jean biết anh ta đã lầm đường khi đi với bọn « phát xít ». Nhưng vô ích ! Tuy vậy thỉnh thoảng Denis vẫn tới thăm Jean. Cho đến một ngày kia, trong tổ đã cảnh cáo anh một cách kín đáo nhưng cương quyết : « Thẻ

nào ? Denis, anh ở đây để giúp đỡ giai cấp thợ thuyền hay để ngao du với kẻ thù giai cấp ? » Denis hiểu ngay và anh cắt đứt nốt tình bạn với Jean, sợi dây liên lạc cuối cùng còn nối anh với thế-giới bên ngoài. Từ đó anh sống như trong một cái hũ nút.

Về phương-diện tinh-thần cũng vậy. Có một thời-gian anh còn được đọc báo Le Monde và năm chừng mười họa một tờ báo « tiểu tư sản ». Nhưng bây giờ thì hết cách rồi, chương-trình đọc sách báo của anh đã bị người ta lên chặt : Báo « Humanité » mỗi buổi sáng, và những « cuốn sổ cộng sản », là dĩ nhiên phải đọc hết rồi. Ngoài ra anh cũng phải xem đều đặn « Phê bình mới », « Nước Pháp mới », « Đời sống thợ thuyền », nghĩ hè phải đọc thêm tờ « Trái đất ». Anh cũng phải nghiên cứu những bộ sách căn bản của học thuyết Marx, Engels, Lenine, Staline. Tay cầm bút chì, anh đã suy ngẫm hàng giờ về toàn tập của Maurice Thorez và đang chuẩn bị làm quen với Jdanov.

Muốn giữ đúng chương-trình đó anh đã phải hy sinh gần hết những vụ nghĩ hè. Và lại, nói làm gì đến nghĩ hè... Vừa về chơi nhà bà nội, anh đã phải trình diện bí thư tiểu tổ để nhận công tác.

Năm cuối cùng ở ban Luật, anh đã phải bỏ hết cả đi xem hát, coi chiều bóng. Anh tưởng như anh đã ăn cắp thì giờ quý báu của đảng khi đi dự những cuộc giải trí tiểu tư sản đó. Thỉnh thoảng có một phim

Nga hay phim Tiệp-Khắc, cả tổ đi coi tập đoàn và rù cả những người có cảm tình đến coi. Denis đã tự phê bình nhiều lần nhưng anh cũng không làm sao ngăn nổi mình khỏi thất vọng vì một số phim Nga rất tồi. Có một bữa, anh đang nói chuyện với vài người bạn về nhận xét đó thì một nữ đảng viên đã ném vào mặt anh : « Nếu đồng chí không thích phim Nga là vì đồng chí chưa đủ tiên-bộ để hiểu nổi xã - hội Sô-Viêt », Anh im bật, không dám hé răng thêm.

Trong thời gian quân dịch, anh đã chịu bao nhiêu rắc rối vì người ta luôn luôn bắt anh mang truyền đơn và sách cầm vào trại. Lúc giải ngũ, anh thầy sung sướng được gặp lại các bạn cũ trong tổ. Vì anh chưa có văn bằng Luật học, nên anh khó kiếm việc làm. Đảng thầy anh có đôi chút khả năng nên đã tuyển anh vào bộ máy của đảng và bây giờ anh rơi tọt vào giữa một hệ thống chặt chẽ. Người ta kêu anh lên Paris để làm việc. Nếu ở các cuộc bầu cử có đến 5 triệu lá phiếu cộng sản thì chỉ có chừng 300.000 đảng viên chính thức được tổ chức thành tổ. Trong số 300.000 người đó chỉ có một phần ba đảng viên gọi là trung kiên mà đảng có thể tin cậy được. Trong số còn lại đó, đảng lại thanh lọc lấy độ 25 đến 30.000 người vào « bộ máy » và chỉ có một số ít được lĩnh lương. Thực ra đảng thu xếp, hoặc trả lương họ, hoặc vận động cho họ được bầu vào những chức vụ có thù lao, và trường hợp sau này nhiều hơn (nghị sĩ, xã trưởng

cỏ vắn kinh tê v.v...) Những đảng viên được lĩnh tiền hưởng một số lương căn bản tương đương với lương một người thợ chuyên môn. Năm 1952 lương đó là 27.000 quan, và bây giờ vào khoảng giữa 400 và 450 quan mới. Người nào mà chức vụ cho hưởng thù lao lớn hơn thì phải ký giấy ủy quyền cho thủ quỹ của đảng lãnh hộ. Thủ quỹ sẽ trả đúng cho 450 quan mới, và giữ lại số còn dư. Ngoài số lương căn bản đó, cán bộ nào giữ những phần vụ quan trọng còn được hưởng thêm vài quyền lợi khác. Cán bộ cao cấp được ở các biệt thự (cho dễ bảo vệ hơn) và cán bộ khác trong những khu nhà rẻ tiền tại các thị xã chịu ảnh hưởng cộng sản.

Không có điều gì giấu Đảng!

Ở Paris, Denis mới bừng hiểu Đảng là một bộ máy vĩ đại nhưng chạy rất im lặng và trơn tru. Người ta cho anh trông coi một tờ báo tuyên truyền dành cho thanh niên. Nhưng trước khi đó anh đã bị thử thách, điều tra tỉ mỉ và cung-khai lý-lịch. Trước khi trao cho anh một trách-nhiệm gì, Đảng bao giờ cũng chú ý đến lý-lịch: cơ-quan công-an của đảng điều-tra kỹ càng về cha mẹ, ông bà, gia-đình, bạn hữu, về những nếp sống, những thói quen của anh. Không có một xó kín nào về đời sống của anh mà lại thoát khỏi sự bới móc của họ. Cung khai lý-lịch cũng là một việc không dễ dàng gì. Họ bắt anh trả lời một bản lục-văn đầy cộm, rồi họ đem so sánh câu trả lời của anh với kết-quả cuộc điều-tra. Có cả một đoạn dành riêng để dò

hiểu thái-độ của anh khi ký hiệp-ước Nga Đức. Denis đã ghi về đoạn này: « Khi đó tôi còn nhỏ » nhưng đối với những đảng-viên đã có tuổi, đó là một sự thử thách đau đớn. Thứ nhất là dưới câu hỏi có ghi một giọng chữ ngả như một lời đe dọa: « Không được giấu Đảng điều gì hết ». Thề là phải thú thực, — nhưng trời ơi thật là nặng nề —, thú thực rằng mình đã nghi ngờ rất nhiều khi thấy Staline ký-kết hiệp-ước với Hitler.

Qua cơn thử thách đó, Denis mới bắt đầu cuộc sống mới của một cán-bộ Đảng. Năm sau anh cưới vợ. Lẽ tất nhiên anh đã lấy một nữ đồng-chí. Bây giờ anh mới nhận thấy là đa số các bạn anh đều lấy những người vợ khảng khiu, trông như những chị bầy trưởng sói con đã phá bỏ lệ luật. Hầu hết những nhân-viên bộ máy của đảng đều lấy vợ là nữ đảng-viên. Những người vợ này dễ chấp nhận sự cam-kết toàn-diện của chồng họ, và như vậy vấn-đề an-ninh gián-dị hơn, Denis biết Monique ngày anh vào tổ quận 19, quận anh cư ngụ. Monique là con một gia-đình công-chức trung-lưu và đã có một thời thơ ấu sung sướng. Nàng theo Thiên-chúa-giáo và rất ngoan đạo. Rồi cha nàng đổi sang làm việc bên Algérie. Nàng được chứng kiến nỗi khổ cực của những người Hồi-giáo và gặp một đảng-viên Cộng-sản tổ-chức nàng vào đảng. Nàng chợt tìm thấy ở đảng một phương-pháp kỳ-diệu và toàn-bị, dựa trên một căn-bản khoa-học, để giải-quyết những vụ lộn xộn ở Bắc Phi-Châu. Nàng bỏ đạo và lao mình

vào hoạt-động chính-trị. Bây giờ nàng dạy ở một trường trung-học tại Paris.

Một cuộc hôn nhân « chính thống »

Denis đã chọn cưới nàng vì anh biết là Đảng muốn có cuộc hôn nhân đó. Đảng cho tự do kết hôn miễn là lâu dài, và cho cả sống tạm với nhau miễn là đi tới tự do kết hôn. Đảng viên nào chỉ chạy theo đàn bà con gái sẽ được cảnh cáo ngay : họ làm mất nhiều thì giờ quý báu của Đảng.

Với Monique, Denis đang « xây dựng một đơn vị cho xã-hội ngày mai » theo như anh trưởng tổ nói, Denis hiểu rõ bốn phận của mình lắm : là một người chống Cộng-sản nghĩa là « tích cực tham gia vào công việc nội trợ, giữ nhà trông con để cho vợ có thể làm tròn những trách vụ chính trị và xã hội theo tinh thần của Đảng ».

Năm sau Denis mắc bệnh nặng, sức kiệt vì công tác và thức đêm. Thầy thuốc của Đảng khám bệnh và báo phổi anh hơi yếu. Ông ta lại còn cho anh một bài giảng : « Đồng chí đã mắc một lỗi lầm lớn đối với Đảng vì đã không để ý đến sức khỏe của mình. Bây giờ đồng chí phải bỏ công việc Đảng mà nghỉ 3 tháng ». Trưởng tổ bảo anh : « Tôi đưa anh 3 tháng lương, anh tới nhà đồng chí Banchon, được sĩ ở vùng núi Alpes. Anh giúp việc hắn ta một chút, hắn ta sẽ trông nom sức khỏe cho anh ». Khởi bệnh Denis lại trở về.

Vụ nghỉ hè đảnh ta muốn cùng vợ sang Đức, vì chị ta là giáo sư Đức ngữ nên muốn học thêm tại chỗ. Anh xin phép Đảng. Năm lần bảy lượt Đảng mới chịu cho phép vợ chồng anh sang thăm nước của Adenauer và bè lũ thâm thù. Thực ra chỉ có hai nước là cảm hẳn không cho đảng viên tới trừ phi có đặc vụ : Tây-Ban-Nha vì có Franco, và Nam Tư vì có Tito.

Ở Đức về, Denis bắt đầu có những cuộc khủng hoảng tinh thần đầu tiên. Vài tháng trước, Kroutchev đã đọc bản báo cáo này lưa ở Đại hội Cộng sản Sô-viét kỳ thứ 20. Denis thấy rằng ngay trong Đảng cộng sản Pháp, kể từ cấp lãnh đạo cũng không thiếu gì những lỗi người ta trách Staline. Anh đã hy vọng Paris sẽ thay đổi đường lối. Nhưng chẳng có gì khác cả. Anh nói chuyện với trưởng tổ và ngỏ ý muốn thôi hoạt-động. Trưởng tổ đã gay gắt cự anh : « Đồng chí có thể tha hồ phê-bình Đảng, tha hồ chỉ-trích, nhưng đồng chí không thể nào bỏ Đảng được, vì Đảng là tiền quân của giai cấp thợ thuyền. Đồng chí có thể phê-bình mẹ đẻ của đồng chí, nhưng đồng chí không thể từ bỏ mẹ được ».

Công-an của Đảng được báo-động ngay và bắt đầu theo dõi anh ; dần dần người ta giảm bớt những công việc giao cho anh. Rồi người ta để cho anh hiểu anh nên kiếm việc ngoài mà làm. Vợ anh bị các bạn trong tổ đay nghiến, nên trở mặt lạnh nhạt với anh. Đời sống chung không thể kéo dài được nữa. Thất vọng, Denis tuy

vẫn hoạt-động trong tổ nhưng đã gửi đăng lời rao tìm việc làm trong báo Le Figaro. Một nghị-sĩ viết cho anh ngỏ ý muốn mượn anh làm thư ký. Thận trọng, anh xin phép Đảng và được Đảng « chính » cho một trận : « Đồng chí không biết xấu hổ sao, đồng chí nhận làm việc cho một kẻ thù giai cấp hay sao ? ».

Năm nay, Denis không lấy thẻ đảng viên nữa như anh đã quyết định sau khi Pierre Sillot bị khai trừ. Cảnh cửa thẻ - giới cộng - sản không có tự nhiên mở. Rời bỏ Đảng sau mười năm hoạt động, thật là một sự day dứt, đau mình không đồng ý, đau mình tin chắc là Đảng lầm. Mình như có ngọn sóng nào đã lôi cuốn mình, mình đã nhận một sự cam kết toàn diện, thế mà nay bỗng chốc thấy mình như anh lính đánh thuê thời Napoléon, bị giải ngũ, không có lẽ sống không quen giới hạn mục tiêu của mình ở đời sống gia đình và chức nghiệp. Vì thế mà nhiều chiến hữu bỏ đảng cộng-sản lại nhảy luôn sang chông cộng dữ dội. Đời với họ là một cách để thoát khỏi sự trông rông ghê gớm sau khi bỏ Đảng. Họ đã mất

một đạo quân, họ phải tìm ngay một đạo quân khác.

Về phần Denis, anh muốn tìm một con đường khác. Đầu quân anh không muốn nữa rồi. Âm thầm với một công việc nhỏ anh tập sống cho thích - nghi dần với hoàn cảnh mới. Một sự kinh ngạc đầu tiên : anh đã đọc Malaparte và Céline. Trước đây đâu có thể được : và anh thấy rằng họ cũng chẳng phải là « phát xít » như đảng đã dạy. Dần dần anh bỏ được lối nhìn một chiều nó biểu thị đặc tính của một đảng viên cộng sản chân chính.

Không phải nhất đán anh đã đổi thay ngay như thế. Thỉnh thoảng, anh thấy thất vọng về xã hội chung quanh anh ; mỗi khi gặp một đồng chí cũ, anh lại có mặc cảm phạm tội. Nhưng dần dần anh ngạc nhiên thấy mình lại khám phá ra một thế giới mới, anh như một đứa trẻ mới ra đời.

Phỏng dịch J. L. Clément
trung tạp chí Réalités
số tháng 10 năm 1960

VŨ-THỊ-QUỲ

* Không. Chẳng có đâu thiếu tôi cả, chẳng phải hề tôi đi thì trống chỗ. Xe lửa chật như nêm cối, tiệm ăn đông nghẹt những người, đầu óc người nào đầy nhóc những nỗi lo âu vụn vặt. Tôi lén ra khỏi thế-gian, thế-gian vẫn đông đủ. Như một quả trứng. Phải tin rằng tôi chẳng phải là người thiết yếu đến nỗi không có không được.

(Sartre, Morts sans sépulture)

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OcéANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng

SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Nicolo
Paganini



PAGANINI

vị thiên thần
của đàn vĩ cầm

★ TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

At có thể đoán trước được tương lai mà họ không thể chứng kiến? Tôi nói không chút ngần ngại: « Không bao giờ còn xuất hiện trong thế giới loài người một Paganini thứ hai ».

LISZT

CÓ những kẻ, sau khi chết, đã lưu lại ở thế gian nhiều dấu vết quá sức rực rỡ khiến mọi người đều như cảm thấy rõ sự bất lực của mình, một niềm tuyệt vọng.

Nicolo Paganini sanh ngày 18 tháng 2 năm 1784 tại Gênes. Cha tên Antonio làm nghề ở bến tàu. Lúc bé, Paganini ốm yếu và đã có một sự cảm xúc kỳ lạ về âm thanh. Cha chàng biết chơi đàn tây ban cầm. Đứa trẻ Paganini đã hình dung qua những hòa âm của đàn này, một thế giới mơ hồ, huyền bí, kỳ diệu: thế giới của âm nhạc. Lúc lên 6 tuổi, có một bận mẹ chàng dắt chàng đi

dạo chơi trên bến tàu ở Gênes. Lần đầu tiên, Paganini nghe một nhạc công kéo vĩ cầm, chàng nổi lên khóc nức nở và té vật người mê man.

Triệu chứng của Định mệnh!

Lên 12 tuổi, Nicolo Paganini đã làm cho nhiều giáo sư nhạc Ý kinh ngạc. Trong những phòng hòa tấu, chàng đã được thính giả hâm mộ — Chỉ mới 12 tuổi, chàng đã là một tay vĩ cầm nổi danh rồi. Năm năm sau, chàng bỏ gia đình ra đi, vồn vện trong tay 1 cây đàn vĩ cầm, say sưa bước vào cuộc sống. Từ đây, đời với chàng nhạc sĩ mẫn sương, cuộc sống bắt đầu sôi nổi, vĩ đại, nhiều

PAGANINI VỊ THIÊN THẦN CỦA ĐÀN VI CẦM

lúc đến tối âm u đến không thể tưởng được và cũng là một cuộc sống kỳ dị!

Cờ bạc, rượu và đàn bà đã làm cho chàng nhạc sĩ trẻ trung ấy xao lãng gần như bỏ hẳn trong một thời gian khá dài sự luyện tập đàn vi cầm. Nhưng mỗi lần sắp sa ngã hẳn xuống hố trụy lạc, chàng lại cố sức vươn lên.

Ngoài những sự lầm lạc phút chốc kể trên, trong suốt cuộc đời Paganini, chàng chỉ có 3 điều say mê cực độ : đàn vi-cầm, tiền và đứa con trai duy nhất của chàng tên là Achillino.

Là một nghệ-sĩ thận trọng, Paganini đã trình-bày nhiều loại « Récitals » thật đầy đủ và xuất sắc. Nhưng vốn ham tiền thái quá, chàng buộc giá vé vào cửa phải bán tăng gấp ba gấp tư để xứng đáng với tài hoa của chàng. Chàng tự đi kiểm soát chỗ bán vé và từ chối tất cả những thiệp mời. Do đó, mỗi lần trình-diễn, khi bước ra sân khấu, người nghệ-sĩ tài hoa đã mệt như, áo quần đầm cả mồ hôi. Luôn luôn chàng nhắc nhở một số thính-giả : « Paganini no replica » (1) vì số thính-giả này hay quen yêu cầu chàng đàn lại một lần thứ nhì bản đàn vừa trình-bày xong. Chàng quan-niệm rằng khi một nghệ-sĩ trình-bày lần thứ hai một soạn-phẩm vừa trình-bày xong, nghệ-sĩ ấy phạm phải một sự sai lầm lớn về phương-diện tâm-lý, do đó nghệ-sĩ không còn truyền cảm được và tự cảm thấy mệt mỏi... không có một chút lợi nào!

Đến năm 30 tuổi, danh tiếng của Paganini đã lẫy lừng khắp thế-giới. Người ta

tôn sùng Paganini nhất là về cách sử-dụng cung đàn (archet)

Một cuộc đấu thách lịch-sử

Kẻ đối thủ của Paganini là một nhạc-sĩ vi-cầm trứ danh người Pháp, thuộc vào hạng nhạc-sĩ thượng hạng của Pháp trong thời kỳ ấy : Charles Philippe Lafont, một nhạc-sĩ độc tấu vi-cầm được vua Louis XVIII quý trọng, người nhạc-sĩ độc-quyền một cách cao-đẳng về loại cổ-điển của vi cầm. Lafont rất tự hào và tự phụ. Sự vươn lên bất ngờ và nhiệm màu của người nhạc sĩ Ý làm cho danh tiếng Lafont lu mờ. Lafont đấu thách Paganini trong một cuộc song tấu nhạc.

Paganini, người nhạc sĩ thuộc phái lãng mạn, nhận lời đấu thách ấy, không một chút thối mắc.

Ngày 11 tháng 3 năm 1816, tại Scala de Milan trong bầu không khí vô cùng hào hứng của hàng vạn thính giả, hai ông vua vi cầm so dây qua hai thử thách : 1^o/ Song hòa khúc của Kreutzer (double concerto de Kreutzer) 2^o/ độc tấu một soạn phẩm của chính tác giả.

Vào hiệp đầu, Paganini lấn át Lafont một cách rõ rệt. Đến hiệp độc tấu soạn phẩm của chính mình, tài hoa thiên thần của Paganini làm cho đối phương choáng váng, thính giả hoan hô rầm rộ. Lafont rút lui im lặng và đau khổ.

Cuộc gặp gỡ thứ hai.

Sự thất bại của Lafont vang dậy và càng làm cho danh tiếng của Paganini lẫy lừng thêm. Ba nhạc sĩ nổi danh, hai người Đức tên Ludwig Spohr và Meyer-beer, một

(1) Paganini không trình-diễn một lần thứ hai.

người Ba Lan tên Lapinski, sau những cuộc hành trình khó nhọc, đã tìm đến để thưởng thức ngón đàn của nhạc sĩ. Họ đã theo Paganini từ thành phố này qua thành-phố khác, luôn luôn sống gần gũi bên chàng, nuôi hy vọng quyết học cho kỳ được bí quyết kéo đàn của nhạc sĩ. Mỗi lần độc tấu xong, Paganini muốn mọi người ý thức và nhận định rằng bí quyết diễn tấu của chàng xuất phát từ một nguồn cảm hứng kỳ dị. Chàng thích đùa với người bạn của chàng tên là F.S. Fétis : « Nếu đem phổ biến bí quyết của tôi, tất cả nhạc sĩ vĩ cầm của quả đất này sẽ ngạc nhiên kinh hãi ».

Người nhạc sĩ Ba-Lan tên Lapinski được Paganini mến nhất. Ngày 17 và ngày 23 tháng 4 năm 1818, trên một sân khấu của Florence, hai nhạc sĩ Lapinski và Paganini tranh tài, nhưng chỉ tranh nhau trong tình bạn hữu. Vì vậy, người nhạc sĩ Ba-Lan không bị xấu hổ nhiều về cuộc tranh đua này.

Qua những thử thách nguy hiểm

Nhiều tay « tổ » khác, ít tự phụ hoặc đúng hơn là thiếu can đảm, muốn tìm cách « hạ » Paganini, cố nhiên không phải trong

những cuộc đấu thách tay đôi công cộng mà bằng cách « gài » Paganini bằng những cái « bẫy âm nhạc » (1) tại những buổi hoà tấu.

Tại Véronne, nhà nhạc sĩ vĩ cầm Valdobrani, trưởng giàn nhạc của Đại kịch viện, khi sắp bắt đầu hoà tấu, báo cho Paganini hay rằng ông ta vừa soạn trong bản hòa tấu này một bè nhạc, bè này gồm có một đoạn khúc mắc mới lạ, không ai có thể diễn tả ngay được nếu không tập trước. Là một nhạc sĩ chuyên đánh tất cả soạn phẩm nhạc lần đầu tiên để dưới tầm mắt mình. Paganini bảo Valdobrani hãy cứ để bè nhạc ấy lên giá đàn và chàng diễn tả ngay tức khắc. Khi kéo đến đoạn mà Valdobrani bảo là không thể diễn tả ngay được, Paganini để cung đàn xuống. Để tỏ cho Valdobrani hiểu tính thiếu khiêm nhường của y trong sự viết nhạc, Paganini lấy một cọng lau thế cho cung đàn. Chàng vẫn tiếp tục diễn tả bằng cọng lau ấy, xuất kỳ còn thêm nhiều lối khó khăn hơn với một sự điêu luyện thung dung. Toàn thể thính giả buổi hòa tấu ấy ngây ngất hoan hô.

(1) Pièges musicaux.

Vật kỳ lạ

Armand Salacrou hỏi :

— Phải chăng người ta đã quá lạc quan khi bảo loài người là động vật có lý trí ? Thật ra loài người chỉ là một động vật ưa cãi cọ.

Bí quyết của Paganini

Sự xuất chúng vô song của Paganini đã làm cho một số đông văn sĩ và nhà chép sử nhạc để ý và kinh ngạc. Họ tán dương tài xuất chúng ấy bằng đủ cách nhưng chỉ cốt để làm cho độc giả thích thú và cũng là để lôi kéo độc giả. Phần lớn các nhà chép sử nhạc bản hoan viết ra những luận đề về cuộc đời nhạc sĩ. Họ ca ngợi cuộc đời vĩ đại ấy và nhận định rằng thiên tài ấy là một định mệnh, một bí quyết, bí quyết về cách sử dụng nhạc cụ một cách lạ lùng. Họ phân tích rất hời hợt về bí quyết ấy và cuối cùng cho rằng, trước khi chết, người nhạc sĩ tài hoa không thấy có bốn phần truyền « bí quyết » của mình cho mai hậu. Lý luận của các nhà chép sử đến đây là chấm dứt.

Đối với tài hoa thiên thần của Paganini, ai ai cũng nghi ngờ, cho đến những bạn đồng nghiệp của chàng trong thời ấy cũng không thể cảm thông được người nhạc sĩ vĩ đại kia. Chưa một nghệ sĩ nào mà tài danh lại phải bị quan niệm một cách quá nông nổi như Paganini. Mặc dù sắc diện lạ lùng của chàng đã ảnh hưởng ghê gớm đến thính giả, mặc dù số thính giả có trình độ thưởng thức đã bị cảm hóa đến mức độ mà sự cảm xúc lấn át mọi cảm giác khác, mặc dù kỹ thuật kinh khủng và tuyệt vời đã làm cho một số nhạc sĩ vĩ cầm ngỡ ngạc, ghê sợ và cảm phục, mặc dù thế, dư luận chung, trong thời kỳ ấy, vẫn hình dung nhạc sĩ như một nhà ảo thuật kỳ lạ, một nhà làm trò tà quỷ, một loại nhạc

công mê hoặc, giá-trị không hoàn-toàn chân thật.

Cho đến ngày nay, màn bí-mật như vẫn còn khép chặt. Và nếu có nhờ Liszt (chỉ nhạc-sĩ này đã tỏ ra hiểu người nhạc-sĩ vĩ-dại kia) nếu có nhờ Schumann và Brahms mà sự tôn sùng đã được vang lên trong đám mai hậu đối với tác-giả của 24 « Caprices » (1), hiện cũng còn nhiều nhạc-sĩ vĩ cầm ngày nay, khi bàn đến vấn-đề kỹ-thuật Paganini, vẫn còn chưa hoàn-toàn tin tưởng. Cho nên phải nhận rằng đừng nên đề-cập đến những phương-pháp thông thường khi bàn đến một nhân vật quá ư xuất chúng như Paganini. Quả vậy, chúng ta không tìm đâu ra dấu vết của một qui lệ nào, cũng không tìm ra được những khởi điểm hoặc căn cứ vào một căn bản nào để có thể dừng ở đây. Cuối cùng, chúng ta sẽ lầm lạc nếu chúng ta căn cứ trên những tiểu sử tạo nên do tinh-thần địa-phương quá ấu trĩ, để giải thích tâm-lý của nghệ-sĩ qua tâm-lý người Ý.

Nhạc sĩ tính tình kín đáo, không bao giờ thổ lộ tâm tư, chính vì điều này nên chúng ta thấy có lý rằng những bạn đồng nghiệp của nhạc-sĩ thích chọn những khía cạnh bí-biếm, kỳ dị để giải thích tài hoa thiên thần ấy. Và cũng do những tâm hồn thiếu suy xét, khi chúng kiến một sự cao cả quá tầm mức tưởng tượng của mình, ưa tìm giả-thuyết của sự « tuyệt vời » và cũng do đó, sự truyền tụng cho rằng Paganini là một nhân vật quái thai, cảm hứng do một sức mạnh ghê/gớm của Âm-ty. Sự truyền

(1) Loại bài tập cao đẳng về vĩ cầm.

rao ấy trở thành một trợ lực cho việc quảng cáo và người ta không quên vận dụng vào công việc buôn bán đầu cơ hạ cấp.

Tất cả những điều kể trên không tạo được một chút ảnh hưởng gì đến nhạc-sĩ : phản đối, công nhận, mỉa mai. Tất cả đều vô ích, và nghệ-sĩ duy nhất đã cố gắng biến cho thính-giả tất cả những gì cao siêu của tâm hồn mình bằng những phát-minh ghê sợ, mặc dù phải chịu đựng cái nhãn hiệu nhục nhã do một số quần-chúng thiếu sáng suốt đã gán cho chàng.

Nghệ-sĩ đã phải mang cái nhãn hiệu quỷ thần suốt cuộc đời chàng, cho nên chúng ta cũng đừng ngạc nhiên mà nhận thấy nhạc-sĩ tỏ ra yếm thế. Sự xa rời quần-chúng do đây tăng lên mãi. Đối với một số thính-giả, nghệ-sĩ còn tỏ ra khinh bỉ « Đối với hạng này — có lẽ nhạc-sĩ đã nghĩ thế — bản « Carnival de Venise » cũng đã quá lắm rồi. »

Những cảm nghĩ giống thế hình như đã nhiều lần làm xao xuyến tấm lòng của Liszt — người đã cảm - thông sâu sắc sự cao cả và định-mệnh bi đát của Paganini. Chỉ có một mình Liszt đã quyết - tâm làm sáng chói ngôi sao định mệnh ấy, hơn cả mọi nhạc sĩ vĩ cầm lúc ấy. « Sự cao cả của thiên tài vô địch ấy đã làm mất hẳn ý tưởng về một sự xuất hiện lần thứ hai trong mai hậu — Không ai còn có thể đặt chân trên dấu vết chân của nhạc sĩ và cũng không còn ai có thể đặt vinh quang của mình bên cạnh vinh quang của nhạc sĩ ». Đó là lời tuyên bố của Liszt, một trong những nhạc công lớn nhất của thời ấy và cũng là một trong những nhà suy tưởng có chân giá trị. Những lời tuyên

bố của Liszt có đáng cho chúng ta suy nghiệm không ? Có nên phải nghĩ rằng ngoài Paganini « chuyên môn », ngoài Paganini nhạc công lỗi lạc, còn một Paganini nội tâm cao cả, siêu việt để xứng đáng cho tâm hồn cao cả của Liszt tôn thờ ?

Tiếp đây là sự nhận xét của Berlioz — « Khi tiếp chuyện với nhạc sĩ, tôi đã có ngay một cảm tưởng tôn sùng — Âm thanh của giọng nói ấy chỉ có thể phát ra ở những tâm hồn lớn lao. Âm thanh ấy hình như đã chiếu tỏa ra một hào quang thom-mộng, xung quanh người nhạc sĩ.

Sự bất lực trước nhạc khí

Để sáng tỏ vấn đề, chúng ta cần nêu lên sự cách biệt giữa những dòng dõi vĩ cầm, giữa những nhạc sĩ vĩ cầm tên tuổi để phân biệt người này với người khác.

1) Những nhạc sĩ chuyên về sáng tác và biết sử dụng vĩ cầm.

2) Những nhạc sĩ chuyên về vĩ cầm để diễn tả soạn phẩm của kẻ khác.

3) Những nhạc sĩ chuyên về vĩ cầm và diễn tả soạn phẩm của chúng mình. Trong loại nhạc sĩ thứ nhất, chúng ta có thể xếp thành một số đông những nhà sáng tác của thế kỷ thứ 17 và 18, khoan nói đến Bach, Mozart và Bethoven — Đối với những bậc thầy của thời kỳ này, kỹ thuật sử dụng nhạc khí không làm bận tâm họ và cũng không gây trở ngại chút nào cho sứ mệnh sáng tạo của họ. Sự hiểu biết về kỹ thuật sử dụng nhạc khí (vĩ cầm nói riêng) chỉ là một sự trợ giúp để phong phú thêm cho nghệ thuật âm thanh của họ mà thôi.

PAGANINI VỊ THIÊN THẦN CỦA ĐÀN VỊ CẦM

Còn bàn đến những nhạc sĩ vĩ cầm chỉ chuyên diễn tả những soạn phẩm của kẻ khác, chúng ta bước vào địa hạt đáng thương của những người suốt đời phụng sự thiên tài của kẻ khác. Họ đạt lý tưởng của cuộc đời, một đời cặm cụi, trong sự trình bày trung thành và đứng đắn những soạn phẩm về vĩ cầm không phải của họ.

Khi bàn đến những nhạc sĩ chuyên sử dụng vĩ cầm và diễn tả soạn phẩm của chính mình, chúng ta đề cập đến những kẻ áp dụng một kỹ thuật riêng biệt để thể hiện tính chất của bản ngã độc lập, cố gắng thu hẹp sự mệnh mông của nhạc khí (vĩ cầm là nhạc khí chúa tể trong các nhạc khí), nghiên cứu, tìm tòi, sửa đổi kỹ thuật, luôn luôn có ý thức về sự mệnh của họ. (Nhạc sĩ vĩ cầm nào cũng muốn tự diễn tả soạn phẩm của chính mình. (Goethe)

Những nhạc sĩ vừa kể trên là Corelli đã lưu lại một số khổng lồ nhạc phẩm, Tartini đã viết hơn 50 « sonates » và 18 « concerti »; Viotti, một thiên tài đau xót; Kreutzer, Rode, Spohr, Gaviniès, Ernest, Vieux Temps, Wienawski Bériot và còn nhiều nữa.

Hình như đối với số phận của những nhạc sĩ này, một điềm bất hạnh phải xảy ra.

Ít kẻ trong số nhạc sĩ nói trên tránh được điềm bất hạnh kia — và không một kẻ nào đã hoàn thành được cái mộng bên trong — dù đã đem tất cả nghị lực và sinh khí để thực hiện.

Trong lúc ngủ, Tartini mơ nghe một « sonate », 1 âm điệu tuyệt vời, diễn tả với một sự điêu luyện vô song, một sự bình tĩnh cao cả. Cho dù cảm xúc đến bột phát, một tài hoa cao siêu cũng không tài nào tiến đến mức diễn tả ấy được.

« Tôi đã bị cảm xúc đến mức bời thối gần như bị đứt. Tôi tỉnh dậy. Tôi vỗ ngay cây vĩ cầm cố sức diễn tả lại và cố sức ghi lại ít nhất một phần nào điệu nhạc mà tôi vừa nghe trong giấc mộng. Vô hiệu quả ! Bản nhạc mà tôi đã ghi lại trong đêm đó quả thật là âm điệu vừa ý nhất trong những soạn phẩm của tôi từ trước đến nay. Tôi đã đặt tên âm điệu là « Sonate du Diable » nhưng giữa âm điệu này và âm điệu đã làm tôi xao xuyến trong giấc mơ kia, hiện lên bao nhiêu là cách biệt. Do đó, tôi muốn đập vỡ tan cây đàn của tôi và vinh biệt nghệ thuật âm thanh ».

Tiếng kêu tuyệt vọng kia đã vang lên trong mỗi cuộc đời nhạc sĩ vĩ cầm sáng tác. Càng điêu luyện bao nhiêu, niềm tuyệt vọng càng đau xót chừng nấy.

« — Hình như tôi đã bị thúc đẩy đến chỗ không biết nên làm gì cho nghệ thuật âm thanh nữa. Tôi có bao giờ thiếu ý chí thiếu nghị lực đâu ? Đời tôi chỉ biết tôn thờ âm nhạc. Tôi vui vẻ hy sinh tất cả cuộc sống của tôi cho nghệ thuật. Nhưng tôi không làm được gì cả, hoàn toàn bất lực. Hình như đã xảy ra một điều bất hạnh không thể chống chọi nổi. »

Tất cả những lời kêu than trên cũng chưa thấm vào đâu, khi chúng ta chứng kiến được sự tuyệt vọng của Joseph Joachim lúc chàng đạt đến mức cao nhất của sự vinh quang về nghệ thuật vĩ cầm.

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

Đối với tất cả những nhạc sĩ vĩ cầm, chúng ta đã tìm thấy dấu vết của thời khắc thất vọng, khuất phục đau xót trước sự mệnh không đạt thành, đối với tất cả, trừ đối với một người, người ấy là nhạc sĩ Paganini.

Chỉ có Paganini là đã tiến đến mức tuyệt đối của sự diễn tả. Tất cả những lối bỏ ngón, tất cả những lối kéo cung, chàng đã tự cho phép thực hiện vì chàng đã khám phá được sự bí mật của nhạc khí. Chàng buộc nhạc khí nói lên được những uẩn khúc của tâm hồn mình, và trên lĩnh vực này, nhạc sĩ đã chiếm một địa vị riêng biệt trong đám nhạc sĩ vĩ cầm danh tiếng, địa vị này chỉ có thể ví với địa vị của Liszt trong đám nhạc sĩ dương cầm.

Paganini là nhà nhạc sĩ vĩ cầm cá tính và độc lập, một nhạc sĩ vĩ cầm sáng tạo duy đã thể hiện được cái mộng bên trong tâm hồn nhạc sĩ. Sáng tác phẩm cũng như kỹ thuật diễn tả đã đến mức độ mà thính giả không còn thể phân biệt được giá trị của tác phẩm với giá trị của tài diễn xuất cùng sức mạnh vô biên của nguồn cảm hứng và suy tưởng.

Paganini chỉ diễn tả những soạn phẩm của chàng nhưng diễn tả đến mức độ mà không còn ai sau chàng còn có thể diễn tả được. Sự sáng tạo dính liền với thiên tài diễn xuất và sở dĩ soạn phẩm của Paganini trở thành bất hủ là vì những soạn phẩm ấy không còn ai diễn tả được.

Paganini biết rằng soạn phẩm của chàng sẽ càng tàn tạ theo nguồn sinh lực của chàng, và chính do linh cảm đau xót này của nhạc sĩ mà chúng ta tìm được câu trả lời về câu hỏi sau đây :

— Vì sao Paganini không chịu ghi lại những bản độc tấu của chàng ?

Vì sợ bất chước ? một số người đã có ý nghĩ như vậy.

Với luận điệu trên, xin trả lời lớn rằng : không phải ! Nếu có những nhà vĩ cầm danh tiếng đã có thể độc tấu nhiều soạn phẩm nhạc đúng theo sự ghi chép của tác giả, không có một nhạc sĩ vĩ cầm nào đã cho chúng ta, khi đến tả những soạn phẩm nói trên, một cảm xúc giống như Liszt và Schumann đã ghi lại, một cảm giác kỳ lạ đưa chúng ta qua thế giới mộng ảo, khác hẳn với thế giới hiện tại.

Không, Paganini không bao giờ ngại sự đua tranh, cũng không bao giờ không muốn truyền lại cho mai hậu soạn phẩm nhạc của chàng = Paganini là một hiện tượng mà lịch sử nghệ thuật âm thanh chỉ thấy xuất hiện một lần duy nhất ..) (Liszt)

Nếu Paganini có ghi lại những sáng tác của chàng với một kỹ thuật hùng vĩ đến mức nào đi nữa Paganini cũng chỉ thực hiện được công việc ghi lại sự phản chiếu nhợt nhạt phát từ một tâm hồn trong sạch và nhiệt thành (Goethe). Chính người nhạc sĩ đã biểu rõ rằng nguồn sinh lực vô biên của chàng bám chặt vào sức sáng tạo của chàng, và nguồn sinh-lực kia sẽ lịm dần theo sự tàn tạ của cơ thể chàng.

Đến 46 tuổi, Paganini từ già nước Ý để bắt đầu đi biểu diễn ở nước ngoài — Lúc bấy giờ, chàng đứng trước thính giả không những chỉ với sự điêu luyện tột bậc, một trình độ bậc thầy đầy đủ và hoàn toàn, mà còn với một sự thách thức ghê hồn thường được xuất-hiện trên con người nghệ sĩ chân chính.

PAGANINI VỊ THIÊN THẦN CỦA ĐÀN VI CẦM

Đây là giờ phút mà kẻ « bị ma ám ảnh nhọt nhọt », ý thức được sức mạnh của mình xuất hiện trước đám quần chúng và ngay phút đó, chúng ta nhận thấy đám quần chúng này cúi đầu trước cái thần say mê của nghệ sĩ, dưới ngọn lửa cảm xúc bùng cháy ngút trời. Nghệ sĩ buộc đám quần chúng quên tất cả những vị thần mà họ đã tôn thờ. Khi nghệ sĩ cầm ở tay cây đàn vi cầm là lúc mà số quần chúng của nghệ sĩ bị đẩy vào một thế bị động. Không phải « Les Streghe », cũng không phải « I palpiti », càng không phải nữa tất cả những soạn phẩm nhạc mà hiện nay biết bao nhiêu nhạc sĩ vi cầm nổi danh đã diễn đạt hoàn toàn và đứng đắn.

Paganini, như một nhà phù thủy Ấn Độ, ám thị mọi người và bắt họ nghe một âm điệu mà không ngòi bút nào có thể ghi lại được.

«..... Paganini đã tạo một ảnh hưởng ghê gớm trên sự cảm xúc của thính giả đến mức độ cảm giác trở thành bất định, thiếu hẳn sự sáng suốt để phê bình. — Khi mà thính giả còn ở trong tình trạng thôi miên ấy, thính giả khó lòng trở lại với thực tại được ».

(Trích ở một bài phê - bình của năm 1829.)

Trong đám quần chúng bị chinh phục ấy, chúng ta đã nghe những nhà phê bình sáng suốt nhất nói những gì ?

«... Đám nhạc của Paganini ! Thỏa mãn đến tột độ phải không ? Âm nhạc của một thế giới khác lạ. Hạnh phúc hoàn toàn... » Schumann đã ghi mấy dòng trên đây trong quyển nhật ký của chàng. Còn về phần Marx, một nhà khảo luận nhạc, ông này đã dám

viết lên : « Những kẻ bị Paganini truyền cảm và thôi-miên sẽ không hiểu tại sao những nhạc-sĩ khác vẫn tiếp tục diễn-tả nhạc Mozart hay Mercadante — Paganini không phải diễn-tả bằng cây vi-cầm, cũng không phải là âm-nhạc nữa, chính là một trò ảo-thuật — tóm lại, cũng là âm-nhạc nhưng không phải loại âm-nhạc nhìn thấy được ».

Léon Escudier tìm thấy trong lối độc-tấu của Paganini « sự ngạo mạn mỉa mai của Byron, sự truyền hoặc hoang đường của một cốt chuyện Hoffmann, nỗi buồn hiu hắt của Lamartine và địa-ngục bùng cháy của Dante ».

Sau hết, thuật lại một buổi trình-diễn nhạc của Paganini, Henri Heine nói :

« Đó là những âm-thanh mà thính-giác chưa bao giờ nghe, chỉ có quả tim mới cảm thấy... »

Ai có biết rằng những cơn mộng đau xót mà Paganini đã trải qua đã khiến Paganini đem tất cả nghị-lực để nghiên-cứu nghệ-thuật vi-cầm ?

Chính nhạc-sĩ cũng đã vấp phải trở lực và nhiều lần cảm thấy bất lực trước nhạc-khí. Trong những năm cặm cụi làm việc để khai thác ở nhạc-cụ những sự phát âm mới mẻ, nhạc-sĩ cũng đã nhiều lần nằm mơ nghe những nhạc-khúc thần-tiên tuyệt-mỹ, và sau đó những nhạc-khúc vang lên trong giấc mơ của nghệ-sĩ cũng đã tàn theo với giấc mộng và ở tâm hồn nghệ-sĩ chỉ còn vương lại dư âm yếu ớt, đôi nét nhạt màu của một nguồn cảm hứng vừa bùng khởi đã lịm tắt.

Paganini cũng đồng số phận với Joachim trong giai đoạn mà sự bất hạnh hiện đến

cho cả hai người. Nhưng Paganini quyết-định để riêng một bên cây vĩ-cầm và chúng ta nhận thấy người nhạc-sĩ đi tìm tòi trên một nhạc-khí khác những điều mà chàng chưa khám phá được trên cây vĩ-cầm. Có phải chăng một con đường mới về hòa điệu đã làm nhạc-sĩ chú ý? Về điểm này, chúng ta không thể biết được — Chúng ta chỉ biết 4 năm trước, nhạc-sĩ trở về đồng quê ẩn dật và nghiên-cứu cây tây-ban-cầm. Về đàn này, nhạc-sĩ cũng đã tiến đến mức cao-siêu về kỹ-thuật sử-dụng — Ở giai đoạn này, chúng ta có thể biết sự tiến-triển nghệ-thuật của nhạc-sĩ như thế nào không?... Chúng ta không thể biết được gì thêm — Vì rằng nếu 24 « caprices » của nhạc-sĩ có giúp chúng ta đi vào con đường mới mà nhạc-sĩ đã vạch ra, trong lĩnh vực chuyên-môn, 24 bài tập cao-đẳng ấy cũng không mang lại một điều gì có thể gọi là màu sắc nghệ-thuật của Paganini.

Paganini đối với chúng ta xa xôi và khó hiểu và chính trong sự xa cách đó, trong sự khó bề cảm thông nổi đó, Liszt đã nói giúp chúng ta :

— « Nhạc-sĩ là bậc vĩ-nhân và chúng ta làm sao biết được giá-trị của sự vĩ-đại ấy ?

Paganini mà Henri Heine đã đọc được trên đôi mắt của chàng « nổi bản khoán của kẻ phạm tội », Paganini, người nhạc-sĩ thiên-thần kia, người đã biết chân giá-trị của mình.

Thật ra, bí-quyết của Paganini được cụ-thể-hóa bằng một sự làm việc vô cùng khổ sở và không ngừng. Thêm vào đó, Paganini đã sẵn có những khả năng ghê gớm. Người nhạc-sĩ thiên-thần ấy đã tập đàn 12 giờ trong một ngày dù bị

đau hay phải nằm ở giường bệnh — nhạc-sĩ còn có ý chí xa lánh những chỗ phần hoa, đô hội, kiếm nơi yên tĩnh để tập luyện, say sưa làm việc trong những khoảng thời gian dài.

Nói tóm lại, một nhạc-sĩ vĩ-cầm, tức là đôi bàn tay, một cung đàn và một cây đàn. Sự xa cách giữa 2 nhạc-sĩ vĩ-cầm đứng về phương-diện sử-dụng nhạc khí, chỉ do yếu-tố tinh-thần khác nhau, phương-pháp áp-dụng khác nhau. Tưởng không có gì lạ lùng cả.

Nếu tài hoa của Paganini là một Định-Mệnh, giá-trị của kỹ-thuật phải là kết-quả trực tiếp của một sự làm việc có phương-pháp và không ngừng của nghệ-sĩ.

Karl Guhr, một nhà chép sử nhạc có danh tiếng, người Đức, sau khi nhận xét tường tận kỹ càng kỹ-thuật của Paganini, đã ghi được những điểm đặc-biệt sau :

— « Phương-pháp so dây đàn, nghệ-thuật điều khiển cung đàn, cách pha trộn và nối liền các âm thanh do cung đàn phát ra cùng các âm thanh do những ngón tay trái búng lên, lối dùng những âm thanh trường (sons harmoniques) đơn hay kép, cách diễn tả trên dây Sol, sức kéo mạnh liệt nhưng dịu ngọt của cung đàn, tất cả những phát minh ấy chỉ có thể đạt được là do một sức rèn luyện kinh khủng. Điều đó, tưởng ai cũng phải nhận thấy như vậy.

Một quái kiệt

Trong những bài tường thuật về vô số độc tấu mà Paganini đã trình-bày khắp Á-châu, các nhà phê-bình đã viết lên những cảm tưởng sau đây : « Quí Satan » « Một sức mạnh vô biên » « Do Satan

gửi xuống trần » « Bác-Sĩ Faust » « Phù-thủy Ý » « Paganini Satan » « ông Thần của Địa Ngục » « nhân vật quái dị » v.v...

Trong tất cả những bức họa chân dung Paganini có bức của Schocky là gần sự thật ghi đúng theo những giọng chữ tả chân còn để lại sau đây :

« Nhạc-sĩ ốm o vô chừng. Màu da nhợt nhạt, cái mũi ó quắp tóỉ trước và những ngón tay xương ngòong ngèo dài. Hình như nhạc sĩ vừa đủ sức mang bộ đồ nỉ nặng nề. Khi nghiêng mình để chào thính giả, thân hình cử động một cách quái dị, cho ta cảm giác thân hình sắp rời khỏi hai chân và toàn thân sụp xuống biến thành một đồng xương. Khi kéo đàn, chân phải để ra đằng trước, đánh nhịp một cách sôi nổi buồn cười bằng những cử động vô cùng lạ lùng, tuy khi gương mặt nhạc sĩ vẫn giữ vẻ thân nhiên lạnh lùng của người chết. Một nụ cười mỉm chỉ thoáng qua gương mặt đó, khi vang dậy những tiếng sấm vỗ tay. Sau đó, đôi môi lại trở ra đằng trước và đôi mắt, sâu sắc nhưng thiếu hẳn sự dịu dàng, lướt qua một lượt khắp gian phòng. Trong lúc nghỉ đàn, thân hình chàng gắn liền với đôi chân thành một hình tam giác, cong xuống một cách khó tả, đầu và chân phải lại trườn ra đằng trước... »

Paganini đã chết vì bệnh ung thư ?

Ở tại Nice, ngày 27 tháng 5 năm 1840, tại căn nhà số 23 của con đường hiện nay gọi là Rue de la Prefecture, Paganini đã mất hẳn giọng nói, bị bệnh đau cuồng họng, theo lời Fétis. Nhiều nhà viết tiểu sử xác định rằng Paganini đã mắc phải bệnh ung thư ở cổ và bệnh này đã ăn đứt dần cuồng họng của nhạc sĩ.

Hiện nay, thiên tài của Paganini chỉ còn lưu lại qua những bản chứng của Sử và qua nhiều câu chuyện truyền khẩu kỳ lạ. Máy ghi âm phát minh trễ quá !

Nhạc sĩ đã để lại cho con tên Achillino lúc bảy giờ đã lên 14 tuổi, một gia sản khổng lồ trị giá đến 4 triệu. Bốn triệu thời kỳ ấy bằng mấy trăm ngàn triệu ngày nay.

Nhạc sĩ còn lưu lại 8 cây đàn vĩ cầm quý giá, loại Stradivarius và Guarnerius cho 8 nhạc sĩ vĩ cầm xứng đáng. Riêng cây đàn chính tay nhạc sĩ sử dụng, một loại Stradivarius, chàng biếu cho thành phố Gènes để « mi mãi giữ về sau. »

Vĩnh biệt cõi trần

Người ta biết rằng thi bài của người nhạc sĩ tài hoa đã phải chịu trải qua suốt 56 năm trường những đau vò tàn nhẫn, rồi mới được yên nằm tại nghĩa địa Parme ở Ý.

Đúng như vậy, sau khi Paganini chết, giám mục thành Nice, ông Salvano, cấm không cho chôn nhạc sĩ tại đất Thánh, viện lẽ rằng bình sanh Paganini đã phạm phải nhiều hành động vô luân và phản đạo, vì vậy, áo quan của nhạc sĩ lúc sắp đem chôn phải khiêng để tại nhà thương. Thỉnh lịnh một con giồng tổ nổi dậy làm bật cả áo quan. Dư luận lúc ấy, phần đông dị đoan, cho rằng Paganini là hiện thân của quỷ Satan, nổi lên căm giận và không tiếc lời nguyền rủa nhạc sĩ. Mặc sự yêu cầu tha thiết của Achillino, giám mục Tadini cũng nhất định từ chối không cho chôn nhạc sĩ tại đất quê hương.

Trong lúc ấy, áo quan được di chuyển lần lần đến Villefranche-sur-Mer, rồi được

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

bí mật di chuyển đến một hòn đảo hoang vu ở Saint-Jean-Cap-Ferrat. Nơi đây, linh hồn người nhạc sĩ tài hoa tạm được nghỉ ngơi, tránh được mọi tai tiếng phàm trần.

Ngày 17 tháng 4 năm 1844, áo quan được bí mật chở trên một chiếc tàu nhỏ « Maria Maddalena » chạy thẳng đến Gênes, và được đem chôn tại Polcevera biệt thự riêng của nhạc sĩ. Dân chúng trong vùng hay được lại nổi giận và nguyện rửa nữa, quan niệm rằng sự hiện diện thể xác quý Satan sẽ làm thiệt hại cho vùng này. Lại một sự di chuyển thi hài nhạc sĩ đến một biệt thự khác ở Gaïona gần Parme. Năm 1890, một lần di chuyển thứ tư

đến nghĩa địa Parme — Achillino đau xót nghĩ rằng áo quan thật sự còn chứa đựng thi hài của cha chàng không? Achillino vẫn tiếp tục di chuyển một lần thứ năm vào năm 1893.

Cuối cùng vào năm 1896, đúng 56 năm sau khi Paganini chết, thi hài nhạc sĩ được đưa con trai duy nhất di chuyển một lần thứ sáu và là lần chót, để được vĩnh viễn chôn tại nghĩa địa Parme.

TRƯƠNG-BÌNH-CỬ

Tài liệu tham khảo :

(La vie des artistes — Les grands destins — Paganini et son secret (Albert Jarosy) Paganini, le sortilège de violon (Carlos d'Agulla).

THƠ HOÀNG-BÍCH-NHƯ

MỘT KHOẢNG

Nửa khuya mưa giọt điều tàn
Cúi đầu nói với mặt bàn vô tri,
Giả băng hồn nhỏ thềm thì
Xót xa linh thể đời vi vu sầu
Một vì sao giữa đêm thâu
Một sinh vật nhỏ trên bầu trời đen.

H. B. N.

CHỜ XUÂN

TRÚC - LIÊN

Xa xăm nhà ai pháo nổ,
Xuân đã về đâu trên non sông ?
Mà đây rộn lòng nhung nhớ,
Xóm nghèo ngồi đếm long đong.
Hồn chiều nay sao nức nở ?
Bụi mờ vương trước sông.
Nghe như có gì ngăn trở,
Có gì u uất trong không

Mừng xuân, hoa chẳng nở !
Không thăm cầu ân tình,
Lòng ai không cửa mở,
Hương sắc nhạt màu xinh

Ba trăm dư ngày sáng tối,
Xóm nghèo vẫn đợi bình minh.
Đường lãng quẽu,
Giờ đây lạc lối,
Làm sao gọi bớt tâm tình.
Nơi đây nẻo đời đứt nối,
Tình đời rạn nứt nhiều nơi.
Nơi đây là bóng tối,
U buồn dâng không thôi.
Nơi đây,
Có những người,
Quanh năm không nụ cười.
Mừng xuân manh áo rách,
Con, vợ buồn không người.
Nơi đây,
Có cuộc đời,
Lạc lõng sầu chơi vơi.

Mirng xuân toan tinh số,
Toàn dử dang trong đời.
Nơi đây,
Có nẻo đường,
Chia cách không tường ngăn,
Vẫy vùng thêm nghẽn lối,
Xây xát buồn năm năm.

Xa xăm nhà ai pháo nổ.
Xuân đã về chưa trên non sông ?
Mà dày rộn lòng nhung nhớ,
Xóm nghèo hé cửa chờ mong.

Xa xa phương trời hững sáng,
Kinh thành ngợp sắc hương.
Người vui trên những lụa,
Chưa biết nghĩa tình thương !
Xuân tràn trên sóng mắt,
Tình tràn trên khoé môi.
Nghĩa đời trong mắt liếc,
Tin yêu trên miệng cười.
Vàng son pha mắt biếc,
Đắm hồn nơi xa khơi,
Mùa xuân trời bất diệt,
Tưng bừng mãi không thôi.

Xóm nghèo sâu bóng lối,
Ngắm hoa đèn xa xôi.
Xuân đã về chưa hay lạc lối ?
Mây buồn giăng khắp nơi.
Hồn chiều nay sao nức nở ?
Sao có gì ?
Vừa đồ vỡ trong lời.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

NHỮNG LỄ

TẾT ĐẦU XUÂN

★ BỬU-KẾ

TRONG số Bách-Khoa Tết Tân-sửu, tôi có trình bày về Lễ Tết-xuân, lễ Tịch điền, nay tôi xin kể tiếp trình bày một vài lễ khác của Triều đình Huế.

Lễ Ban sóc.

Trong triều, người ta lo đến việc tổ chức các lễ Tết bắt đầu từ tháng chạp.

Lễ trước tiên cả là lễ Ban sóc, tức lễ phân phát lịch. Trong tháng II, Khâm thiên Giám phải làm cho xong mới để kịp cử hành lễ Ban sóc. Hôm lễ, các hoàng thân, các vị đại-thần mặc triều-phục đứng sắp hàng trước cửa Ngọ môn. Một viên quan ra xưng : « Bửu lịch và quan lịch đã làm xong. » Các hoàng-tử và các quan lạy tạ trước ngai vàng bốn lạy. Đoạn một viên quan đem lịch ra phân phát. Những viên quan lớn thì được bửu lịch còn quan nhỏ thì quan lịch.

Tưởng chúng ta cũng nên phân biệt chỗ khác nhau giữa quan lịch và bửu lịch. Hình

thức thì hai quyển lịch này không khác gì nhau cả, chỉ khác chăng là cái bìa. Nhưng quan hệ lại chính là chỗ đó. Quan lịch, bên ngoài bìa, đóng bằng con dấu của Khâm thiên giám, còn Bửu lịch đóng bằng dấu của vua. Người ta sở dĩ quý bửu lịch chỉ vì con dấu ấy. Sau khi làm lịch xong Khâm thiên giám dùng dấu đóng vào bìa, còn một số ít đem vào nội và lấy dấu của vua để đóng.

Có nhiều người tin rằng, treo bửu lịch trong nhà có thể đuổi được tà ma. Và mỗi khi thân nhân có người chết trùng, họ giấu giếm xé bìa lịch bỏ vào quan tài, và cho rằng làm như thế thì thần trùng không còn dám trở về bắt con cháu nữa.

Sau lễ Ban sóc, lịch mới được phép đem bán cho dân chúng.

Lễ Phát thức.

Nói một cách nôm na là lễ lau chùi các ấn ngọc, ấn vàng, kim sách, ngân sách.

NHỮNG LỄ ĐẦU XUÂN

Trong khoảng tháng chạp, chọn được ngày lành, triều đình lo tổ chức lễ Phát thực. Chỉ những vị Hoàng thân, các viên quan lớn, nhưng người làm việc tại Nội Các, Cơ-Mật tức là những cơ quan gần gũi nhà vua mới được tham dự.

Sáng ngày hôm đó, bộ Lễ đã sắp sẵn những cái bàn tại điện Cần Chánh. Tại điện này, nguyên đã có để sẵn sáu cái tủ lớn chạm trổ tinh xảo. Trước sự hiện diện của vua và các vị hoàng thân, các đại thần và những người dự sự, một viên quan mở niêm, lấy trong tủ ra những cái ấn rất lớn bằng vàng, những cái ấn cỡ vừa, cỡ nhỏ bằng ngọc; ấn của vua, của các bà hoàng hậu, trải từ đời này sang đời khác, những quyển sách bằng vàng (kim sách) tương tự như loại bằng cấp, cấp cho vua khi lên ngôi, những thẻ bài vàng của các vua và các hậu v.v... lại có một cái phù tín, tức một cái tượng cọp bằng vàng, cắt hai mảnh cân nhau. Công dụng phù tín này, ban đêm, hoặc có biến cố bất thường xảy đến, trong khi vua rời khỏi cung điện thì mang theo một nửa, một nửa để lại cho những viên quan tin cẩn. Lúc vua trở về đưa nửa kia ra để làm tin.

Các viên quan dự vào lễ phát thực đều mặc áo rộng xanh. Người ta dùng thứ nước nấu với hoa thơm (hương - thủy) để rửa các con dấu và sau đó lau bằng cái khăn vải màu đỏ. Buổi lễ xong xuôi, các người tham dự đều được vua ban yến tiệc.

Lễ Nguyên đán.

Ngày 30 tháng chạp, buổi mai và buổi chiều đều có cúng trong các miếu rồi thì vào lúc 5 giờ chiều, trên Kỳ đài (cột cờ) bắn 100 tiếng lệnh. Nghe lệnh nổ thì tất cả các đình chùa, công thự, các làng miếu đều

phải lên nêu, trồng hai cây tre, nhưng nhất định phải là tre đực.

Ngày mồng một, trên Kỳ đài và các cửa thành đều treo cờ. Rạng ngày hôm ấy, trong sân điện Thái-Hòa, quân lính mang gươm giáo, tàn quạt, cờ lọng sắp hàng đứng hầu. Các hoàng thân, các quan văn quan võ, các ông tôn tước (những người bà con vua và đã được tập tước, các ông phò mã, đều tề tựu trước sân điện. Tại điện này có đặt một chiếc ngai vàng; trước ngai có hai cái bàn, một cái trên trải khăn vàng, một cái trải khăn đỏ. Trên bàn trải khăn đỏ, một viên quan đã đặt sẵn hai cái tráp, một tráp đựng biểu chúc mừng của các quan ở các tỉnh, một tráp đựng biểu chúc mừng của các quan trong triều.

Các hoàng thân và các vị quan lớn sắp hàng hai bên ngai và khi đến giờ, vua từ điện Cần-Chánh, ngự ra điện Thái-Hòa, mình mặc đại-triều (áo thêu rồng, có đai ngọc và cánh diều hai bên), chân đi hia, đầu đội mũ cửu-long, có chín con rồng nho nhỏ, tay cầm cái hốt bằng ngọc trấn-quê. Trong lúc ngai đi, có nhạc theo hầu, trên lầu ngọc môn thì rung chung, đánh trống,

Lễ lạy mừng đầu năm bắt đầu, có nhạc và có thày tức là hát. Đoạn một viên quan xướng: « Dâng hạ biểu » Trong lúc đó, một viên quan khác, bưng cái tráp đặt trên bàn trải vải đỏ qua để tại trên bàn trải vải vàng,

Các quan lạy mừng và ra về, thế là lễ chấm dứt.

Lễ du xuân.

Đời Lê vua có lệ ngự du xuân. Ngày mồng một, sau khi nghe sủng thần công báo tân xuân, nhà vua liền cỡi cỗ y phục của

năm cũ, thay y phục mới, ra triều để cho các hoàng-thân cùng các quan chúc mừng. Sau đó vua bắt đầu ngự du xuân. Ngài mặc bộ hoàng bào lông lầy, theo sau có các quan, người cỡi ngựa, kẻ cỡi voi và quân lính mang cờ quạt khí-giói theo hầu. Qua ngày mồng ba lại có lễ bắn ngự-vương Mạc.

Các nhà sư, các thầy cúng đi đến một cánh đồng rộng. Ở đó, quân lính đã đóng sẵn. Khắp nơi giữa cánh đồng đều có thết hương án để cúng các tướng sĩ đã bỏ mình vì nước.

Khi mọi người đã tề tựu đông đủ thì vua ngự đến giữa những tiếng tung hô vang dậy. Các nhà sư làm lễ, cầu vong linh các tướng sĩ phù hộ cho nước nhà, đoạn vua thân hành lạy bốn lạy. Lạy xong, Ngài cầm cung và tên bắn 5 phát, ngụ ý bắn nghịch vương nhà Mạc.

Đời nhà Nguyễn không thấy nói đến các cuộc du xuân của vua.

Mãi đến triều Đồng-Khánh, nhà vua đã tổ chức một buổi lễ du-xuân, nhưng lại là du xuân chính trị.

Lúc bấy giờ Kinh-đô bị thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn, các nhóm văn-thân đứng lên chống Pháp. Có một nguồn dư luận trong nước cho rằng vua Đồng Khánh bị người Pháp giam lỏng trong cung điện. Muốn đánh tan cái dư luận ấy, Đại tướng Prudhomme mới yêu cầu vua, hãy nhân

dịp đầu năm, đi dạo chơi một vòng cho dân chúng trông thấy.

Người Pháp hy vọng vàng sau cuộc du xuân này vua lại tiếp tục đi ra ngoại tỉnh để kêu gọi phe Kháng chiến về hợp tác. Nhưng mưu mô này đã thất bại. Vua Hàm-Nghi vẫn không chịu trở về và nhóm văn thân vẫn tiếp tục đánh lại Pháp trong vòng mấy năm nữa.

Tôi xin lược thuật, theo báo Figaro miêu tả cuộc du xuân của vua Đồng Khánh hồi đó.

Trước hết là hai con voi và hai con ngựa của nhà vua, có người dắt, kế đó là một đoàn nhạc và binh sĩ Pháp, quan võ của Việt-Nam thì mang gươm, quân lính cầm cờ và lọng.

Vua ngồi trên một cái kiệu, bên mặt thì có Đại tướng Prudhomme, bên trái Thiếu tướng Brissaud, cả hai đều cỡi ngựa. Theo sau kiệu của vua với hai tướng, có cả một đoàn tùy tùng gồm các hoàng thân, các quan và những nhân viên làm việc với Pháp. Sau cùng là sáu con voi có nai cỡi.

Trên các con đường vua đi ngang qua, trước mỗi nhà đều có treo cờ và đặt hương án để lạy mừng. Đến Thương Bạc, vua xuống kiệu, vào dự tiệc rượu do người Pháp thết, đoạn lên kiệu trở về Đại nội.

Sau vua Đồng-Khánh, đến vua Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định đều có lễ du xuân cả.

* Chỉ một người căm thù một người là đủ để sự căm thù lần lần xâm nhập toàn thể nhân loại.

(Sartre, Le diable et le bon Dieu)

GIẤC MƠ

BÔNG-ĐÀO

ĐOÀN-THÊM

Khoác áo màu thu biếc
Đi về lối đẫm sương
Trao xuân tùy gió lộng
Cho cỏ bén mùi hương.

Lang thang vài thế-kỷ
Ngơ ngác hỏi thăm đường
Khách chỉ vùng mây khói :
Đầu non, cõi nhớ thương.

Nắng đốt bầu thơ cạn
Trăng tàn mộng viễn-phương
Gầm trời không quán trọ
Gió bạc cuộn trùng-dương

Uống sàu, say đập chén
Chưa thấy điện Tây-Vương
Tỉnh giấc bên người cũ :
Trần-gian, cũng Giáng-Hương l

Đ. T.

Lăng Hoàng đế Quang Trung?

* NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Ở cách Hà-nội bốn cây số, về phía Nam, đường di Hà-dông, có một cái gò gọi là **gò Đống Đa**.

Gò này khiến ta nhớ tới một chiến công oanh liệt của một người trai đất Việt, ấy là Hoàng đế Quang-Trung đã thắng quân Tàu xâm lăng, chỉ trong một trận, vào năm Kỷ Dậu (1789.) đúng ngày mùng năm tháng giêng.

Tháng sáu, năm Giáp thìn 1784, Ngài đã thắng quân Xiêm ở Rạch Gầm, ở phía nam Mỹ-Tho.

.....
Công đánh Tàu.

Công đánh Xiêm.

Giữ vững giang sơn.

Bảo vệ dân tộc.

Vị quân nhân và Hoàng đế này cũng đã lại là một nhà đại cách mạng quốc gia...

Lăng Ngài ở đâu?

Chúng tôi đăng bài sau đây của ông Nguyễn-Thiệu-Lâu.

Vị nào có chí đi tìm hiểu thời sẽ có thể theo nhờ chỉ dẫn trong bài này mà đi tìm lăng Ngài Quang-Trung.

Lăng Ngài, hồi dân ở mấy xóm gần đây, hồi trẻ mục đồng thời, nôm na, gọi là mộ Ba Vòng.

VÀO năm 1941 tôi ở Huế, sinh nhai bằng nghề gõ đầu trẻ. Nhưng cũng vì tôi giảng về môn sử-ký và địa-lý nên tôi phải khảo-cứu và dẫn anh em học-sinh đi học tại chỗ.

Có một vấn-đề sử-học đặt ra, ấy là lăng Hoàng-đế Quang-Trung ở đâu?

Sử ghi rằng Ngài an táng ở phía tây kinh thành (Huế) ở trong miền núi.

*
* *

LĂNG HOÀNG ĐỀ QUANG TRUNG ?

Tôi đã đi tìm lăng Ngải, bản đồ tỷ - lệ 1/100.000 ở tay, viễn - kính địa-bản.

Sở dĩ tôi đi tìm lăng Ngải Quang-Trung là do cha *Cadière*, một nhà khảo-cứu, đã bảo tôi, đại-khái như sau này. Cha nói bằng tiếng Pháp :

« Le tombeau de Nguyễn - Huệ est dans la région montagneuse, à l'Ouest de Huế. Cherchez le et vous en ferez une étude. »

Dịch ra tiếng Việt như sau :

« Lăng Nguyễn - Huệ ở trong miền núi, phía Tây thành phố Huế.

Ông đi tìm lăng ấy đi và ông sẽ khảo cứu. »

Sở dĩ cha bảo tôi như thế là vì tôi là nhân viên *Đo thành Hiếu cổ xã* (Association des Amis du Vieux Huế) mà cha thời là chủ bút tạp kỷ yếu của hội học này.

Vốn là người trèo núi, tôi ra đi, bị gậy và con chó lên đường.

Cả một cuộc hành trình.

*
*
*

Tôi từ dốc bên Ngự đi lên đường Nam - Giao, theo đường lăng Khải-Định.

Mặt đất dần dần cao. Miền núi trước mặt. Làng mạc lơ thơ.

Tới lăng Khải-Định, tôi ngồi nghỉ. Tôi nhìn trên bản đồ và đánh giầu địa điểm.

Trước mặt, qua một cái khe là một dãy đồi.

Tôi xuống khe và trèo lên đồi.

Đồi chắt đá là thứ đất sét rắn (*schisto - gréseux*) mà các đồi song song chạy với nhau (*relief appalachien*)

Có một thứ cây mọc ấy là cây chổi sể (*bruyère*).

Đứng trên đồi cao, nhìn về phía Tây bắc thấy một thung lũng. Rồi núi non, trùng trùng điệp điệp.

Không có một làng một xóm nào cả.

Viễn kính chiều xa.

Tôi đã nản.

Vì đi từ sáng sớm, mười một mười hai giờ mới tới đỉnh đồi này.

Trèo đã mệt.

Con khuyên chạy cũng đã mệt.

Thấy trờ ngồi ăn.

.....

Rồi chúng tôi cứ theo đỉnh đồi mà đi, từ đồi này sang đồi khác. Cây chổi sể hồi đó ra hoa, không khí thơm phưng phức.

Cây chổi sể mọc cao đến bụng.

Viễn-kính ở tay, tôi nhìn tứ phía.

Dãy đồi này không khác gì dãy núi *Tiên-Du* ở Bắc-Ninh.

Ở trên dãy đồi này mà nhìn, vừa đi vừa nhìn qua viễn-kính.

Rồi tôi nhìn thấy, ở trong một thung lũng, một cái thành.

Tôi tự bảo : xuống xem.

Hỏi đó tôi còn trẻ và có sức.

Tính phòng thời từ ngọn đồi mà xuống tới nơi, độ ba cây số, nhưng mà phải lên lên xuống xuống, mà không có đường mòn!

Trời đã quá ngọ rồi.

Tôi và con khuyên lẩn mò tới cái thành đó. Nếu tôi không đem theo địa-bản thời nhất định là bị lạc.

Chúng tôi tới sát thành, sau khi đi qua một vùng toàn lau sậy.

*
* *

Thực là một sự lạ.

Trong đời tôi, đi cũng đã nhiều nơi, bây giờ nhớ lại, tôi mới biết rằng hôm đó tôi đã làm một công việc theo bốn phận nhà nghề của mình... và có kết-quả.

Tôi tin chắc đây là lãng Hoàng-đế Quang-Trung.

Tôi loanh quanh lẩn quẩn, quan sát, suy nghĩ, trèo lên mây ngọn đồi trên, lấy dây đo, xụt xuống dưới, tới chỗ một cái khe cạn vì mùa mưa đã hết.

Trời tà, khí núi bốc, mây xám, mưa phùn, một làn gió nhẹ...

Tôi vỗ con khuyên ra về. Con khuyên nhớ đường đi nên nó dẫn tôi về tới nhà, quá tối mịt.

Miền này có hổ.

*
* *

Sau hôm đó đèn quá nửa tháng vì phải để thời giờ suy nghĩ và tìm

tài liệu, tôi rủ anh em học sinh lớp đệ nhị, đệ nhất ở trường Khải-Định cùng đi học với tôi.

Tôi bảo là đi học địa lý thiên nhiên. Độ vài ba chục anh thích đi.

*
* *

Chúng tôi vừa đi vừa quan sát các đá, ở hai bên giọc đường. Đá mài (grès), đất sét rắn (schiste), đá vôi già (Calcaire primaire plissé). Quá lãng Khải-Định, tôi chỉ mấy ngọn đồi và tôi bảo anh em trèo lên đây, nghỉ, rồi về.

.....

Trèo lên đồi, sau khi đi qua khe, chúng tôi ngồi nghỉ, chia nhau thức ăn.

Tôi đã đánh giàu chỗ nhìn rồi.

Tôi đưa viên kính cho các anh em nhìn và tôi bảo : « Lạ thật, có cái gì đằng kia, ở giữa miền núi. »

Anh nói thế này, anh nói thế nọ.

— Một cái thành ?

— Một cái mộ cổ ?

— Sao lại có thành ở đây được ?

— Sao lại có mộ ở đây được ?

— Chúng ta xuống xem !

.....

Tôi vội can thiệp.

— Các anh muốn xuống thời xuống, tôi chờ ở đnh đồi này. Nhưng nhìn kỹ phương hướng, kéo mà lạc.

Các anh em thanh niên chia nhau từng lớp mà đi.

LĂNG HOANG ĐỀ QUANG TRUNG ?

Tôi lấy viên kính theo rồi họ.

Mục đích của tôi là để cho họ đi trước, để cho họ bàn với nhau, cùng họ được hưởng thú treo núi.

Rồi tôi và vài anh em đi theo sau.

Tới nơi, tôi thấy các anh em, kẻ ở chỗ này người ở chỗ khác, kẻ ở dưới đất, người ngồi trên tường thành.

Lần trước tôi đi, có một mình, không leo được lên mặt thành. Lần này, nhờ hai anh em công kênh, tôi lên được mặt thành và ngồi, lấy viên kính nhìn kỹ.

Để cho các anh em bàn tán lao sao, rồi tôi lại nhờ hai anh em cho tôi xuống đất.

Rồi chúng tôi nói chuyện.

Đại để câu chuyện như sau này :

* *

Tôi : Lạ nhỉ, tại sao ở miền núi hoang vu như thế này lại có một cái thành.

Một anh : Thành này kiểu lạ, có ba thành hình tròn, ôm lấy nhau. Ba cửa mở theo một hướng,

Tôi : Sau cửa mở vào, có một cái bia to. Bia này bằng đá dày, rắn lắm. Anh nào khá chữ Hán thử cõ đọc mà xem.

Mấy anh xúm xít lại đọc. Họ lấy khăn tay chùi bia. Họ chẳng đọc được chữ gì cả.

Một anh : Bia này mòn.

Tôi : Anh nhìn kỹ đi. Bia này không có thể mòn được một cách nhanh

chóng vì chất đá rắn lắm. Anh nhìn kỹ xem. Các chữ khắc xâu ở trong bia đã bị các nhát búa rập đi.

Vết các nhát búa đó hãy còn, tuy bia ở ngoài trời, chịu mưa, chịu nắng không biết đã từ bao nhiêu năm rồi.

Dựa vào bia, nhìn vào giữa thành thứ ba, anh thấy một cái mộ to.

Mộ này xây bằng vôi mặt còn ba thành đều xây bằng đá ong.

Mộ này phải là mộ của một ông quan to, thuộc triều đại nào không biết.

Các anh xem kỹ mộ đi.

Tôi cầm búa đập chan chát vào mộ. Búa chỉ nảy ra mà thôi. (Nguyên là đi học địa lý, bao giờ chúng tôi cũng phải giắt một cái búa dài để đập đá.)

Tôi chỉ một lỗ hồng trong mộ. Lỗ hồng này nhỏ. Vì bị đất chung quanh dần dần lấp đi. Lỗ hồng này đã phải to, đủ cho người chui vào, và vào xâu, để đào, đào xâu.

Đào để làm gì ?

Phải chăng để lấy của trong áo quan ?

Phải chăng để lấy xương ?

— *Một anh* : Chắc để lấy của.

— *Tôi* : Các anh suy nghĩ đi.

Đã phải có một sự liên lạc giữa cái bia bị búa rập chữ và cái hồ đào này. Rập bia để cho hậu thế không đọc được.

Đào mộ lấy xương để báo thù. Báo thù người chết nhưng cũng để

cho con cháu người này không mờ mà mờ mặt được.

— *Một anh* : Đây chắc là mộ một ông quan khi sống độc ác, có kẻ thù : kẻ này chờ sau khi ông ấy chết bèn rập bia, đào mộ.

— *Tôi* : Gán Huế, ở các xã An Ninh, Nguyệt Biều, Kim Long, có biết bao nhiêu mộ to. Có mộ mà bia bị chìm xuống đất.

Nhưng chỉ thuộc về hai kiểu. Một kiểu thuộc về đời Nhà Tây Sơn. Một kiểu thuộc về đời Nhà Nguyễn.

Các anh đã biết hai kiểu mộ ấy rồi.

Đây là một mộ to, có ba thành bằng đá ong bao bọc. Chung quanh thành ngoài, như các anh đã đứng trên mặt thành mà nhìn, thời là các ngọn núi, chạy vòng quanh với nhau, ôm lấy ba cái thành, nghĩa là cái mộ ở giữa một vùng hình lòng chảo vì chát đá mềm đã bị suối đào. (cuvette d'érosion).

Nói tóm lại, lối kiến trúc hùng vĩ trong một khung cảnh đặc biệt của thiên nhiên, cái bia chữ thật to, bị rập và cái mộ bị đào, ba chi tiết này khiến tôi nghĩ rằng đây là mộ một vị cấp cao chứ không phải là một ông quan thường, dù là nhất phẩm, Văn hay Võ.

...
Các anh em suy nghĩ đi.

...
Một lúc lâu tôi mới trả nhời : Đây là lăng Hoàng - đế Quang - Trung.

Chúng ta hôm nay đến cung chiêm lăng Ngải.

Bây giờ tôi nói các anh rõ. Tôi đã tới đây một lần. Hôm nay tôi bị dẫn các anh lại đây...

1) Bia của Ngải đã bị Hoàng-đế Gia-long cho rập.

2) Tâm của Ngải đã bị đào. Hài cốt đem về cho vào một cái chum, có xích xiềng, để ở dưới khám đường ở Huế.

3) Nhưng Ngọc - Hân công - chúa, con gái vua Lê và là Hoàng - hậu hay quý-phi của Hoàng - đế Quang-Trung được tha tội chết và được tuyên vào hầu hạ Hoàng đế Gia-long ở trong cung.....

Các anh muốn biết công của Hoàng đế Quang-Trung với dân tộc nhà thê nào, sau này, các anh học sẽ biết....

* * *

Trời đã tà.

Anh em chúng tôi đi hàng một vach lau mà về..... Tỉnh thoảng có anh quay lại, đứng nhìn lăng Ngải...

Chúng tôi im lặng mà về.

Sau cuộc cung chiêm lần thứ hai này, cùng với anh em, tôi không có dịp quay lại lăng Ngải nữa.

Các ảnh mà tôi đã chụp đã bị mất!

Vào năm 1952, tôi đã có dịp trở lại Huế nhưng đã không có

LĂNG HOÀNG ĐỀ QUANG TRUNG

phương tiện để lại cung chiêm lăng Ngải.

Bây giờ, tôi chắc rằng lau mọc trên mặt thành vẫn nhiều, bóng phát phơ trước gió. Đứng trên ngọn đồi mà lấy viên kính nhìn thời thấy thực là đẹp.

Chung quanh lăng, chắc toàn là lau sậy, cỏ ranh hay nếu có cây đại mộc thời cũng chỉ là mới đây.

Oái oăm thay, ở gần chỗ mà tìm Ngải bị đào, tôi có thấy một cái mộ con, không có bia. Mộ này, tôi đã hỏi ra, là mộ một thường dân

ở gần đây, đem an táng để mong được phước.

Trong mùa mưa, nước ở trên núi đổ về phía sau lăng và chảy vòng quanh. Đến phía cửa lăng thời tụ lại và chảy theo một cái khe:

Nhà Nguyễn đã thu thập để hủy tất cả sử liệu về Nhà Tây sơn, cũng như đã rập bia, đào má...

Bây giờ, chúng ta nhớ tới lăng Hoàng đế Quang Trung.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.821 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GẦY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Sai-gon

KỸ THUẬT CHÂN CHÍNH

★ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Tiếp theo B.K. số 98)

Jack London khuyên một thanh-niên mới tập cầm bút : « Muốn viết thì trước hết phải có gì để mà nói đã ». Vâng, phải có cái gì đáng kể đã, hoặc là một việc đã xảy ra, hoặc là một tình cảm nó phát ra trong lòng, một ý nó hiện ra trong óc. Khi đã có những cái đó rồi, khi rết nó đã đáng kể rồi thì cứ việc kể ra, làm sao cho người đọc hiểu được, cảm được như mình, thế là mục-đích đã đạt.

Còn kỹ-thuật chỉ là phương-tiện gây cảm thối. Phép bố-cục chỉ là để cho ý tưởng của ta rõ ràng, người đọc mau hiểu. Phép tu từ chỉ để giúp người đọc tưởng tượng như thấy sự thật ở trước mắt. Niêm luật và vần chỉ để cho lời thêm du-dương mà lòng người dễ động, do đó mà dễ cảm.

Nhưng khi người chí thân chết, lòng ta đau xót như điên như dại, muốn kể lẽ cho vợ nói lòng đi thì đâu còn nghĩ đến phép bố-cục nữa, còn phá, loạn, kết làm gì nữa. Vì vậy mà sống sau Hàn-Dũ trên ngàn

năm, ta vẫn còn nghe thấy giọng ông khóc cháu. Khi một hành-vi, một thái-độ đã tốt bực cao đẹp, càng tô chuốt chỉ càng hỏng thì phép tu từ hóa ra vô dụng, cho nên trong đoạn văn tả cái chết của Socrate ta có thấy một hình ảnh nào đâu. Và khi trong lòng ta đã có một cái nhạc riêng của nó thì gò câu văn lời thơ vào luật bằng trắc, ghép nó với niêm và vần, có thể chỉ thêm phần giả tạo, khiến lòng người đọc sẽ hết cảm ; cho nên bài *Tương kiến tửu* niêm luật đã không có, số chữ trong mỗi câu không nhất định mà vẫn cũng phóng túng, bắt đó rồi bỏ đó. Người say đâu có nghĩ tới chuyện sửa mũ áo cho ngay ?

Nói như vậy không phải là tôi phủ nhận giá-trị của kỹ-thuật. Nó rất có ích cho những người mới tập viết và cả cho những người viết từ lâu nhưng tài tầm thường như phần đông chúng ta. Và lại, những quy-tắc, luật lệ mỗi thời đặt ra, như quy-tắc biến ngẫu ở thời Lục-triều, niêm luật trong thơ ở đời Đường, lối ưa bóng bẩy,

dùng nhiều tính từ ở thế-kỷ lãng-mạn lối tượng trưng, siêu thực... thời gần đây ở bên Pháp, đều có công dụng giúp cho nhà văn dễ hòa mình vào cái điệu, cái « một » của thế-hệ, mà dễ được quần chúng thưởng thức hơn, vì do hoàn-cảnh xã-hội, do không khí thời - đại, do tâm - trạng con người... mỗi thời có ít nhiều tiêu chuẩn riêng về cái đẹp, để cảm riêng một lối đẹp nào đó. André Gide sau cuộc thế-chiến vừa rồi, thấy giọng thơ của Victor Hugo nhạt nhẽo, huênh hoang, đầy những tiêu xào, rồi ông giận Victor Hugo và giận cả chính bản thân vì không tìm được lý lẽ gì để bênh vực nhà thơ « vĩ đại » đó mà mấy năm trước cả thế hệ ông coi như một vị thánh. Thế hệ của chúng ta cũng vậy: hồi còn ở Trung học bận chiếc áo the thâm, đi đôi giày Gia-Định, chúng ta ngâm nga những bài phú, kinh nghĩa của Lê-Quý-Đôn, Phạm-Thái, Trần-Tế-Xương y như các cụ đồ; mà bây giờ, nếu không phải là đề dạy học thì ít ai có can đảm đọc lại những danh tác đó nữa. Ngay đến văn của Phạm-Quỳnh, nghiêm trang đạo mạo, chúng ta cũng đã thấy ngán, chúng ta thích văn của Phan-Khôi hơn. A. Gide khi nói:

« Những tiêu chuẩn cũ về cái đẹp đã chết rồi ». « Nghệ thuật không thể trở lại được » là muốn chỉ những kỹ thuật đó.

Nhưng trên tất cả những kỹ thuật của mỗi thời, có một quy tắc bất dịch: là từng trải cho nhiều, cảm xúc cho sâu, suy nghĩ cho cao rồi diễn tất cả những cái đó cho thật đúng, đừng thừa đừng thiếu, một cách tự nhiên và bình dị. Những đoạn văn tôi dẫn ở trên, có đoạn của phương Đông, có đoạn của phương Tây, hết thấy

đều đã chịu được sự thử thách của thời gian, đều được coi là bất hủ, và đều có tính cách bình dị, tự nhiên của cái kỹ thuật muôn thuở ấy.

Lâm-Ngũ-Đường trong cuốn *The importance of living* bàn về đức bình dị trong văn, có những nhận xét sâu sắc. Ông viết:

« Sự bình dị... là dấu hiệu ở bên ngoài nó cho ta biết rằng tư tưởng ở bên trong thâm tâm. Theo tôi thì nó là điều khó đạt được nhất trong khoa học cũng như trong văn chương. Sự sáng sủa của tư tưởng là điều khó biết bao; mà chỉ khi nào tư tưởng sáng sủa thì văn mới có thể bình dị được (...) Muốn được bình dị thì trước hết phải tiêu hóa nội tư-tưởng và óc cũng phải già dặn: khi chúng ta về già, tư tưởng của chúng ta sáng sủa hơn; ta bỏ ra một bên những phương diện không quan trọng mà có lẽ sai lầm của vấn đề, không băn khoăn về nó nữa; ý tưởng của ta thành hình một cách rõ ràng hơn và những chuỗi tư tưởng lăm lăm tự hiện lên thành những lời văn gọn gàng, giản dị (...) Ta không thấy phải gắng sức nữa mà sự thực hóa ra sáng sủa và do đó hóa ra bình dị. Sự tự nhiên của tư tưởng và bút pháp đó mà các thi sĩ và các phê bình gia Trung-Hoa rất tôn trọng, được coi là một sự già dặn tiệm tiến. Khi chúng ta nói đến sự già-giặn tiệm tiến trong văn xuôi của Tô-Đông-Pha, là chúng ta muốn bảo rằng họ Tô đã lần lần tiến lại gần sự tự nhiên, tiến gần tới một bút pháp thoát ly được cái thói phù hòa, thói dờm, cái thói khoe tài, thói dàn cảnh của tuổi trẻ. »

Tôi thường lần thẩn tự hỏi văn học phát triển theo cái đà như ngày nay thì ba trăm năm nữa, trong cái cuốn văn học sử soạn cho

học sinh Trung học, người ta sẽ phải loại đi biết bao nhiêu nhà hiện nay còn chễm chệ ngồi trên văn đàn của mỗi thời. Trong văn học sử của ta chẳng hạn, người ta còn tìm ra được chỗ nào đề nhét những tên như Tuy-Lý-Vương, Chu-Mạnh-Trinh không nhỉ? Rồi e rằng đến Cao-Bá-Quát có lẽ cả Nguyễn-Công-Trứ nữa cũng vị tất đã còn chỗ đứng. Chắc chỉ còn truyện Kiều, Chinh-phụ-ngâm và Cung-oán-ngâm-khúc, và người ta cũng chỉ thích những đoạn bình dị, tự nhiên, cảm động nhất trong những tác-phẩm đó, còn những đoạn tuy rất khéo, nhưng dùng nhiều điển cố, nhiều thuật tu từ, riêng của thời xưa thì có đem ra dạy cho học-sinh cũng là dễ cho « cụ thể », để tồn cổ mà thôi. Trong Văn học sử Trung-Hoa, Viên-Mai nay lắm chỉ còn được in chữ « cơ » 6, các thi-sĩ Văn-Đường sẽ bị loại gần hết, mà bất đại gia không biết còn được những ai: Hàn-Dũ, Tô-Thức, Âu-Dương-Tu? Trong Văn học sử Pháp, Victor Hugo đã đương bị hạ bệ thì những nhà nòi thấp hơn sẽ còn có địa vị gì nữa?

Khi mà tiêu chuẩn đã thay đổi thì có vô số ngôi sao tắt lẩn, tắt lẩn; chỉ những nhà văn nào theo cái tiêu chuẩn của muôn thuở, tức sự bình dị và tự nhiên, là sẽ còn lưu danh. « Nói đến nghệ-thuật là nói đến cảm thông » mà người thời nào cũng cảm thông cái gì cao đẹp, bình dị và tự nhiên. Giữa thời Lục Triều mà tờ biểu *trần tình* của Lý-Mật, giữa đời Đường mà bài Văn-tế *Thập-nhị-lang*, bài *Xuân nhật túy khởi ngôn chí* bài *Dạ tư*, bài *Tương tiễn từu* của Lý-Bạch đều được quý trọng hơn cả những bài phú viết theo thể biến ngẫu, những bài thơ luật kỹ thuật rất cao siêu thì

đủ biết cái mỹ cảm của con người vẫn có cái gì nhất định.

André Gide, sau khi than thở rằng tất cả những tiêu-chuẩn về cái đẹp ở thế kỷ XX đã mất, tự hỏi: « Trong cái tai biến nhất định đó, còn lại cái gì? Chỉ còn lại cái cảm xúc của cá nhân. Nhưng cái cách đề quảng bá, đề truyền đạt nó? »

Vâng, chỉ còn lại cái cảm xúc của cá nhân. Người viết phải cảm xúc thật mạnh mà người đọc cũng muốn cảm xúc thật mạnh. Còn cách truyền đạt ư? Là cách bình dị và tự nhiên, không thừa không thiếu, rất chân thành, không phóng đại. Chắc có độc giả cho tôi là theo thuyết « văn tông tự thuận » của nhóm « bạch thoại » ở cuối đời Thanh, hoặc theo chủ trương của các nhà « thơ tự do » bây giờ. Vâng... nếu tác phẩm của họ làm cho tôi xúc động. Nhưng thực tâm thì tôi chẳng muốn theo ai cả, chỉ muốn theo cái luật tự nhiên mà cổ nhân thời nào cũng đã áp dụng từ Khổng-Tử, Lão-Tử, Giê-Su, Aristote đến Lý-Mật, Lý-Bạch, Hàn-Dũ, Nguyễn-Du... Khi người ta cảm xúc mạnh đến cái mức nào đó thì người ta không còn nhớ đến tiêu chuẩn, đến quy tắc, luật lệ gì nữa, người ta không bị cái gì ràng buộc cả mà hóa ra tự nhiên; và khi cái người ta muốn diễn, một cái gì tự nó cao đẹp rất mực rồi, thì không ai nghĩ đến cách tô điểm nó cả, mà càng tô điểm thì lại càng hỏng, chỉ diễn cho thật đúng là được.

Nhưng cái khó, cái khó vô cùng là ở chỗ cảm xúc cho mạnh đó. Những quy tắc hành văn, những niêm luật cùng phép tu từ, bố cục... học chỉ ít tháng là thuộc, luyện chỉ ít năm là nhuần, đến như cái thuật cảm

xúc và tư tưởng thì luyện suốt đời cũng chưa xong mà không phải riêng ai cũng có thể luyện được.

Phải từng trải cho nhiều, đau khổ cho lắm như Tur-Mã-Thiên, Hàn-Dũ Dostoievs-ky — « cùng nhi hậu công » là nghĩa vậy — được coi nhiều cái kỳ quan của vũ trụ như Lý-Bạch, Jack London, phải học cho thật rộng như Tô-Thức, Vương-Dương-Minh, Tagore, suy nghĩ cho thật chín như đức Thích-Ca ở dưới gốc Bồ-đề, như Giê-Su ở trong núi, lại phải được trời phú bẩm cho một tâm hồn thanh-cao, một trí óc sáng suốt, tóm lại phải vào hạng siêu nhân, lại tốn công tu luyện — Jack London thiếu công đó — mới đạt được cái nghệ thuật siêu đẳng là bình dị, tự nhiên, biết thế nào là không thừa, không thiếu, không non sót mà cũng không phóng đại.

Còn bọn thường nhân chúng ta có muốn bắt chước lối đó cũng không được, vẫn chỉ nhạt-nhẽo vì nhãn quang hẹp hòi, cảm xúc hời hợt, tư tưởng nông cạn mà tâm hồn thì phàm tục. Cho nên chúng ta cứ phải đeo gọt, tô chuốt để giấu cái tầm thường

của mình, và nếu lại phóng túng để lộ nó ra thì đọc lên nghe không được. Và cũng vì cái kỹ thuật muôn thuở đó nó khó quá nên từ xưa tới nay những tác phẩm để lại nghìn sau mới rất hiếm, mỗi thời chỉ được ít người, mỗi người chỉ được ít bài. Đến ngay như Nguyễn-Du mà còn ngờ rằng hậu thế sẽ có ngày quên ông thì chúng ta cứ nên như André Gode gần đây mà lại hơn. Bực văn hào của Pháp đó trước kia, đang cái thời danh ông đã vang khắp thế-giới, mà còn bảo rằng mình « chỉ thắng kiện ở tòa thượng thẩm thôi », rằng mình « viết để cho người ta đọc lại » ; nghĩa là phải đợi những thế hệ sau người ta mới xét đúng được giá trị của ông. Nhưng sau cuộc thế chiến vừa rồi, lòng tự tin của ông mất hẳn và ông nhận rằng tất cả những lời tuyên bố bấy giờ hóa ra vô nghĩa, vì không còn vấn đề « chống án » ở tòa thượng thẩm nữa, không còn vấn đề « đọc lại » nữa, tóm lại là các thế hệ sau không còn đọc văn của ông nữa đâu. Kể ra ông cũng hơi quá nhũn.

Sài Gòn ngày 10-12-1960.

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

★ Chúng ta có thể đạt tới chỗ dập tắt hay giấu giếm phiền muộn đi không ? Chúng ta không thể nào tiêu trừ phiền muộn vì chúng ta chính là phiền muộn.

(Sartre, L'être et le néant)

★ Chúng ta không thể gì thoát ra khỏi cảnh khó khăn. Dù chúng ta cảm lạnh như đá sỏi chẳng nữa, tính cách bị động của chúng ta cũng có thể có tác động.

(Sartre, Situations, II)

biển cát

• PHAN-DUY-NHÂN •

Lòng tôi biển cát bao la
Dấu chân từng dằng người qua vẫn còn
Phũ phàng sóng táp bãi mòn
Mà riêng hình cũ trong hồn chưa phai
Vết chân người đó người ơi
Ấn sâu cho dấu chân người đậm thêm
Cuộc đời rồi sẽ người quên
Hồn tôi rồi sẽ lên miền mây bay
Chỉ mong đôi dấu chân bày
Đã in trên biển cát này còn nguyên

Sớm mai sóng sẽ đưa thuyền
Gió đưa buồm trắng qua miền phiêu du
Hồn tôi vạn bến, muôn bờ
Mở yêu thương thiết tha chờ thuyền ơi
Vòng tay tôi rộng tuyệt vời
Cánh tay tôi với theo người bao dung

Người qua đời cũng qua dần
Trắng phau lòng cát còn nắng gột người

P. D. N.

1959



chiều hết niềm đau

★ HÀ-HỢP-NGUYỄN

Dáng xuân vừa hiện lên màu áo
Gờn gợn niềm vui mộng buổi chiều
Thôi thả mây buồn cho quá khứ
Đem về ánh sáng giữa hoang liêu

Em đã no rồi chuyện đã qua
Hồn ghen hoen ở giấc mơ ngà
Chiều nay sau giấc trưa đầy đủ
Em ái tòn phai ý cõi già

Tóc bông dòng suối dài đen tối
Ánh mắt gửi về xứ khói sương
Dáng-dấp ưu-phiền xin gột rửa
Mượn màu trang điểm để yếu đương

Lầu vắng trắng treo trả lại người
Trầm tư mòn giữa tuổi đôi mươi
Nay xin làm vết dầu phai lợt
Để giấy trình ngà nguyên vẻ tươi

Bồng bênh sóng áo trôi tha thướt
Chân vương niềm vui lớt vĩa hè
Đô thị bùng men chiều gió lộng
Đưa người dạo phố đến say mê

Em kiếm chiều nay một dáng người
Đã từng ngược đãi thưở xuân tươi
Mong tìm trên mặt xanh như tượng
Trong nét buồn le lói nụ cười

Hồn xưa ớn lạnh chiều sâu thăm
Về sưởi bên em ánh mắt nồng
Hãy đến tìm dài theo đại lộ
Hương màu trang sức tỏa mệnh mông

H. H. N.

Spring



Thuốc thơm điển đại :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ

**GIA[®]
BÌNH DÂN**

10%

ĐỀ KHƠI MẠCH SỐNG CHO CỔ NHẠC VIỆT...

TRẦN-VĂN-KHÊ

Ng. xa cách.

ĐINH viết thư cho bạn đề nói về công việc chuẩn bị các Đại-nhạc-hội Đông-Kinh và Téhéran (Tê-hê-răng) trong mùa Xuân tới mà không tìm ra thì giờ. Nhất là trong hai tuần nay ngoài công việc thường lệ còn tiếp rước một người giáo-sư cổ-nhạc nước Iran (I-răng) sang dạy tại Trung-tâm nghiên-cứu nhạc Đông-Phương; dự nhiều phiên nhóm của Ban chấp-hành Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc, tôi thấy không còn sức viết thư cho bạn.

Nhưng cũng vì mấy phiên nhóm ấy mà tôi thấy có những đềm cần bàn ngay với bạn.

¹⁰⁾ Từ nay, trong các nhạc-hội quốc-tế mà đề-mục là sự gặp gỡ giữa hai văn-hóa Đông-Tây, người ta đã nhớ đến nước Việt. Không phải người trong ban tổ-chức nghĩ đến nhạc-công, nhạc-sĩ Việt chỉ vì sự có mặt của tôi, hoặc có ý muốn mời tôi tham-dự. Hiện giờ, trong các nhạc hội quốc-tế, nếu tôi có thì giờ thì gần như tôi có phận sự tham-dự với tư cách nhân-viên ban chấp-hành Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc. Việc mời tôi tham-dự không thành vấn-đề. Nghĩ đến nước Việt vì người ta nghĩ đến một truyền-thống

cổ-nhạc mà họ được biết ngang qua tôi. Tôi đã thường nói với họ rằng trong nước Việt còn rất nhiều người đàn hay gấp mấy tôi, chỉ vì không có cơ hội cho những bậc lão thành trong cổ-nhạc thi - thố tài nghệ và trình bày cổ-nhạc Việt với những đặc điểm của nó. Nên họ cũng muốn có dịp được biết thêm những người có thể đại diện cho một truyền-thống, nhất là lúc này các nhạc-sĩ Tây-phương không còn mặc-cảm tự-lôn và mong tiếp xúc được với những lối nhạc chính-thống ở phương Đông, để học hỏi và tìm cách làm giàu thêm cho nhạc-ngữ của họ. Người ta đã hỏi tôi về sinh-hoạt âm-nhạc bên nước nhà — trong giới cổ-nhạc — vì đối với họ cái đặc-điểm và cái hay trong một loại nhạc là không phải bắt chước Âu-nhạc một cách khéo léo mà ở chỗ giữ một cá tánh không tìm thấy trong loại nhạc khác. Thành ra, tôi thấy rằng lúc này hơn lúc nào cả, phải cần khai-thác vốn cổ.

2^o) Khai-thác vốn cổ vì sao ?

a) Không phải khai-thác vốn cổ vì chịu theo thị hiếu của những nhà khảo-nhạc phương Tây. Không phải trở về vốn cổ với một tinh-thần bảo-thủ đi ngược lại trào-lưu tiến-hóa của dân-tộc. Khai-thác vốn cổ vì đó là một của quý mà chúng ta sẵn có. Chúng ta có thể dùng nó trong công cuộc « trao đổi văn-hóa » với các nước khác mà không hồ thẹn mặt với người. Đã là « trao đổi văn-hóa » thì mình phải có một thứ văn-hóa đặc biệt, khác hẳn với thứ văn-hóa người ta đem đến mình. Nếu trong cuộc trao đổi văn-hóa giữa người Việt và người Đức chẳng hạn, họ đem đến ta một giàn nhạc quản-huyền để biểu-diễn những giao-hưởng khúc của Beethoven (Bê-t-hô-fan) rồi ta cũng đem ra một giàn nhạc quản-huyền gồm những nhạc-công đàn kém hơn họ, không lọt được tinh-thần nhạc Đức, để họ có thể so sánh mà khen: « Người Việt, tuy là người ngoại quốc mà đàn cũng khá ». San bằng ta đem một ban Đại-nhạc như ban Đại-nhạc ngày xưa chẳng hạn gồm có 20 cái trống, 8 minh ca, 4 câu giốc, 4 sa la, 4 tiêu sa, 2 hải loa, có phải hơn không ?

Ngày nay sở dĩ nhạc giới trên hoàn cầu khâm phục nhạc Nhật bởi một phần nhỏ chỉ vì người Nhật có một mức biểu diễn nhạc Âu châu khá cao, nhưng phần lớn nhờ họ còn giữ được truyền thống đặc biệt trong giàn nhã nhạc (gagaku) và lối hát tuồng No.

b) Khai thác vốn cổ để cho vốn cổ không bị những lối nhạc ngoại lai làm chết đi. Hiện nay, trên thế giới những lối nhạc khiêu vũ do màn ảnh và đài phát thanh tung ra bừa bãi, lối nhạc ấy có cái hấp dẫn của nó vì nhạc khúc dễ nhớ, tiết điệu rộn ràng nhưng đi vào bề sâu một chút nó có cái gì ? Thế mà trong nhiều nước lối nhạc ấy làm cho một số đông thanh niên mê theo nó mà không để ý và khinh rẻ truyền thống của chính dân tộc mình. Trong lịch sử văn hóa có rất nhiều truyền thống mất đi sau một

thời gian dân tộc bị đô hộ — Nước Việt sau bao nôi chìm, qua những giai đoạn Bắc thuộc thời xưa và Tây thuộc trong thời cận đại, còn giữ được một truyền thống tuy do người Trung-Hoa đem đến một phần lớn, nhưng cũng còn rất nhiều đặc tính dân tộc. Ngày nay, trước sự tấn công ồ ạt của một lối nhạc dễ dàng mà không sâu sắc từ Âu-Mỹ tràn đến, nếu người còn giữ vốn cổ ấy không tìm cách khai thác nó, người trẻ tuổi hướng về một lối nhạc không diễn tả được tinh thần dân tộc Việt, truyền thống xưa sẽ héo lèn và đi đến chỗ bị tiêu diệt.

c) Khai thác vốn cổ không phải chỉ trở về với khuôn khổ cũ, chỉ đem làm sống lại những lối nhạc, có thể hợp với tâm hồn người Việt thời xưa mà rất xa lạ với người Việt đời nay. Khai thác vốn cổ để cho vốn ấy chẳng những trường tồn mà còn phát triển.

Muốn phát triển một lối nhạc cổ truyền, trước hết phải thấu đáo những đặc điểm và bí quyết của truyền thống đó. Muốn thấu đáo một truyền thống phải học hỏi sưu tầm. Nếu không, thì việc nhập cảng những nhạc thuật nước ngoài có thể làm cho một truyền thống chết ngót; hoặc sinh ra một lối nhạc ngoại lai không được ai thừa nhận — Mà truyền thống nước nhà cần được thấu đáo trước khi hấp thụ một truyền thống nước khác. Học nhạc Âu Mỹ cho rành rồi mới học qua loa nhạc Việt làm sao lột được cả tinh thần nhạc Việt, làm sao tránh khỏi sự sai lầm ở chỗ xem xét nhạc Việt với tiêu chuẩn của truyền thống nhạc Âu? Một người Việt, vì hoàn cảnh học nói tiếng Âu-Mỹ trước khi nói tiếng Việt, làm sao khỏi bị lơ lơ, làm sao nói ra tất cả các giọng huyền sắc nặng hỏi ngã? Muốn cho nhạc Việt phát triển mà không mang tính cách ngoại lai, cần có nhiều người, nhất là các bạn trẻ học cho **thấu đáo** truyền thống nhạc Việt rồi với ý nguyện làm giàu cho nhạc Việt, xem xét coi trong nhạc thuật ngoại quốc áp dụng được thứ gì? Tôi nói ngoại quốc chứ không nói Âu Mỹ vì tại sao lại bắt buộc, phải hướng về Âu Mỹ khi các nước trong châu Á như Ấn-độ, Nam-đương (Trung-Hoa và Nhật-Bản không nói đến vì chung một truyền thống với Việt-Nam) có những truyền thống rất khác và rất đáng cho ta học hỏi và trong các lối nhạc đó có rất nhiều đặc điểm mà ta có thể áp dụng để phát triển nhạc Việt — nhưng vấn đề đó tôi sẽ đề cập đến sau.

Khai thác vốn cổ vì chúng ta cần có một bảo vật trong việc trao đổi văn hóa với nước ngoài, vì chúng ta cần bảo vệ đặc tính của văn hóa Việt, cần thấu đáo truyền thống của ta để có thể khơi mạch sống mới cho nhạc Việt mà không để ra những đứa con lai.

3^o) Nhưng khai thác vốn cổ bằng cách nào? Bằng cách sưu tầm, học tập và phổ biến vốn cổ. Có người nói học tập thì ta có gì đáng học tập!

Quanh đi quanh lại chỉ có 6 bài Bắc, 3 bài Nam, 7 bài lễ, v.v... Không bạn ơi ! Học tập không phải chỉ thuộc bản đờn mà thấu đáo căn-bản. Giọng Bắc, giọng Nam có gì khác nhau ? Hệ-thống âm-giai, cách chuyển giọng cách thêm thắt chữ nhạc của mọi loại có đặc-diểm gì ? Và vốn cò của ta đâu phải chỉ có ngần ấy. Trong vốn cò có kho-tàng của nhạc dân-tộc, các điệu hò, các bài hát lý, hát quan họ, các điệu hát chèo, hát ả-đào, hát chầu văn, hát tuồng, hát bội, các bài nhạc phụ họa các điệu múa như Mã-Vũ, Phụng-Vũ, múa Tứ-Linh, múa cảnh hoa v.v... Nếu chỉ học tập cho biết mà không có dịp đem ra trình-bày hay phổ-biến thì người học cũng thối chí ngã lòng. Nên đi đôi với việc học tập, ta cũng nghĩ đến việc trình-bày. Nếu trình-bày một lối nhạc Việt một cách thật đặc-sắc thì có lý nào người Việt không đi xem, đi nghe ? Học tập vốn cò tuy đã có trường dạy nhạc, có nhạc-sư dạy ở nhà nhưng cần phải gây một phong-trào học cò-nhạc cần phải giải thích cho các bạn trẻ thấy chỗ ích lợi của việc học cò-nhạc, khuyến khích các bạn ấy trong bước đầu. Phổ biến vốn cò thường là một công việc của chánh-phủ hay là do một chánh-phủ ủng-hộ, vì trong bước đầu tổ-chức những buổi hòa nhạc cò thể nào cũng lỗ lã. Ngay như bên này mà nhà hát Opéra (Đại-nhạc-kịch) phải được tiền trợ-cấp của chánh-phủ. Các hội học cò-nhạc do tư-nhân sáng-lập cũng được tiền trợ cấp của chánh-phủ. Nhưng dầu không có sự nâng đỡ của chánh-quyền, thì nếu khéo cò-động có lẽ có nhiều tư-nhân giúp cho trong bước đầu.

Stru-tăm nghiên-cứu cũng vậy. Bên này Trung-tâm nghiên-cứu khoa-học trả tiền cho mấy ngàn học-giả để họ khỏi lo về đời sống mà nghiên-cứu những vấn-đề khoa-học mà trong đó có vấn-đề nhạc-học.

Vì cần thiết phải khai-thác vốn cò, vì cấp bách phải khai-thác vốn cò mà khi Phạm-Duy bàn với tôi về việc thành-lập một cò-nhạc-học-hội tôi rất tán thành Phạm-Duy có nhã ý mời tôi làm Hội-trưởng, nhưng tôi không dám nhận vì công việc nghiên-cứu nhạc Việt với tài-liệu đang có bên này, và công việc trong Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc giữ tôi ở hải-ngoại một thời gian, và nhất là ở bên nhà có những bậc lão thành xứng đáng điều dắt hội-viên trong việc học hỏi. Tôi sẽ hết sức giúp hội với tư cách cố-vấn, tôi có thể đưa hội ra mắt và tiếp xúc với những hội nghiên-cứu cò nhạc trên thế-giới. Tôi có đề-nghị với Phạm-Duy lập ngay một hội học cò-nhạc, stru-tăm những đĩa hát cũ mà tư-nhân không dùng đến, hoặc có thừa, hoặc out-lòng cho hội, thâu thanh bản đàn do những nhạc-sư lão thành biểu-diễn theo truyền thống, tổ-chức những buổi nói chuyện về cò-nhạc và in những bài thuyết trình vào một tập Kỷ yếu, phát giải thưởng cho thanh-niên nào đã tiến bộ nhất trong năm về sự học hỏi, stru-tăm hay phổ-biến. Rồi tôi có

thề giao dịch với các nước Á - Châu hoặc Âu - Châu để họ mời những nhạc-sư, nhạc-sĩ Việt biểu-diễn nhạc Việt.

Và cạnh bên vấn - đề học hỏi nhạc bại có một vấn - đề học hỏi về văn - hóa và ngoại - ngữ. Nhạc - sĩ Nhật Shinichi Yulze ; nhạc - sĩ Ấn Ravi Shemkar, Kay Ali Akbar Khan biết nói tiếng Anh thành ra dễ tiếp xúc với nhạc-sĩ ngoại-quốc và được mời đi biểu-diễn ở nhiều nước bên Âu - Châu. Nhạc - sĩ Nhật Yamamoto thời tiêu rất hay nhưng không nói được ngoại - ngữ, nên trong sự tiếp xúc với nhạc - sĩ Tây-phương rất khó khăn. Nếu các bậc lão thành mà học được ngoại-ngữ thì có chi quý bằng. Nhưng nhiều khi điều kiện học không thuận tiện cho các ông các bác. Tôi chỉ mong các anh, và nhất là các em đang lên khi có một trình độ văn hóa trung học, biết nói một vài ngoại ngữ mà sẵn sàng học nhạc cổ truyền thì còn gì quý hơn nữa.

Không định viết thư dài cho bạn, mà bao nhiêu điều tôi thấy cần nói ngay với bạn, để có dịp bạn gặp Phạm-Duy, Nguyễn-Hữu-Ba, Lê-Thương bàn về việc tổ chức, những bậc lão thành hay bậc đàn anh như cậu tôi ông Nguyễn-Tri-Khương, các nhạc sĩ Sáu-Tùng, Tư-Huyện, Bửu-Lộc, Vĩnh - Phan, những người tuy không sống với nghề nhạc nhưng rất sành nhạc như bác sĩ Nguyễn-văn-Bửu, bàn về việc giúp đỡ cho hội học cổ nhạc, để cho hội lo việc sưu tầm và phổ biến cổ nhạc. Tôi rất tiếc không biết tên tất cả những người ở trong giới cổ nhạc hoặc có lòng nâng đỡ cổ nhạc để kêu gọi những người có thiện chí giúp cho các bạn trẻ học được truyền thống, cổ nhạc, chỉ biết bạn là người có thể nói tiếng tôi mà kêu gọi các bạn trẻ nên để ý đến việc khai thác vốn cổ việc ấy tuy trường kỳ nhưng rất cấp bách. Nhiều nhà khảo nhạc nghĩ rằng hiện giờ có máy ghi âm cứ thu thanh giữ lại những bản nhạc xưa là đủ. Không đủ đâu bạn ơi ! Nhạc ghi lại trong những cùm băng, hay chép lại bằng ký âm, là một loại « nhạc chết », nhạc « tĩnh » chẳng khác thực phẩm loại đồ hộp — Nó thiếu chất tươi. Truyền thống phải « sống » và phải « động » Mà truyền thống sống khi nào các bậc lão thành bằng lòng trao nó mà không giấu nghề cho những bạn trẻ sẵn sàng nhận lãnh nó, khi nào một số đông người Việt thấy cần giúp nó chống lại với nạn « ngoại xâm » của một lối nhạc có thể làm cho nó chết đi. Tôi rất mong chờ hội học cổ nhạc Việt thành lập, để có thể lợi dụng chỗ tôi đang ở hải ngoại và thường tiếp xúc với các tổ chức quốc tế mà giúp cho hội tiến mạnh và tiến mau. Tưởng tượng đến ngày nhạc Việt dưới nhiều hình thức tham gia các nhạc hội quốc tế, mà tôi thấy trong lòng tôi tràn ngập sức hăng hái làm việc và niềm hy vọng thành công xa xôi.

TRẦN-VĂN-KHÊ

THƯỢNG DU

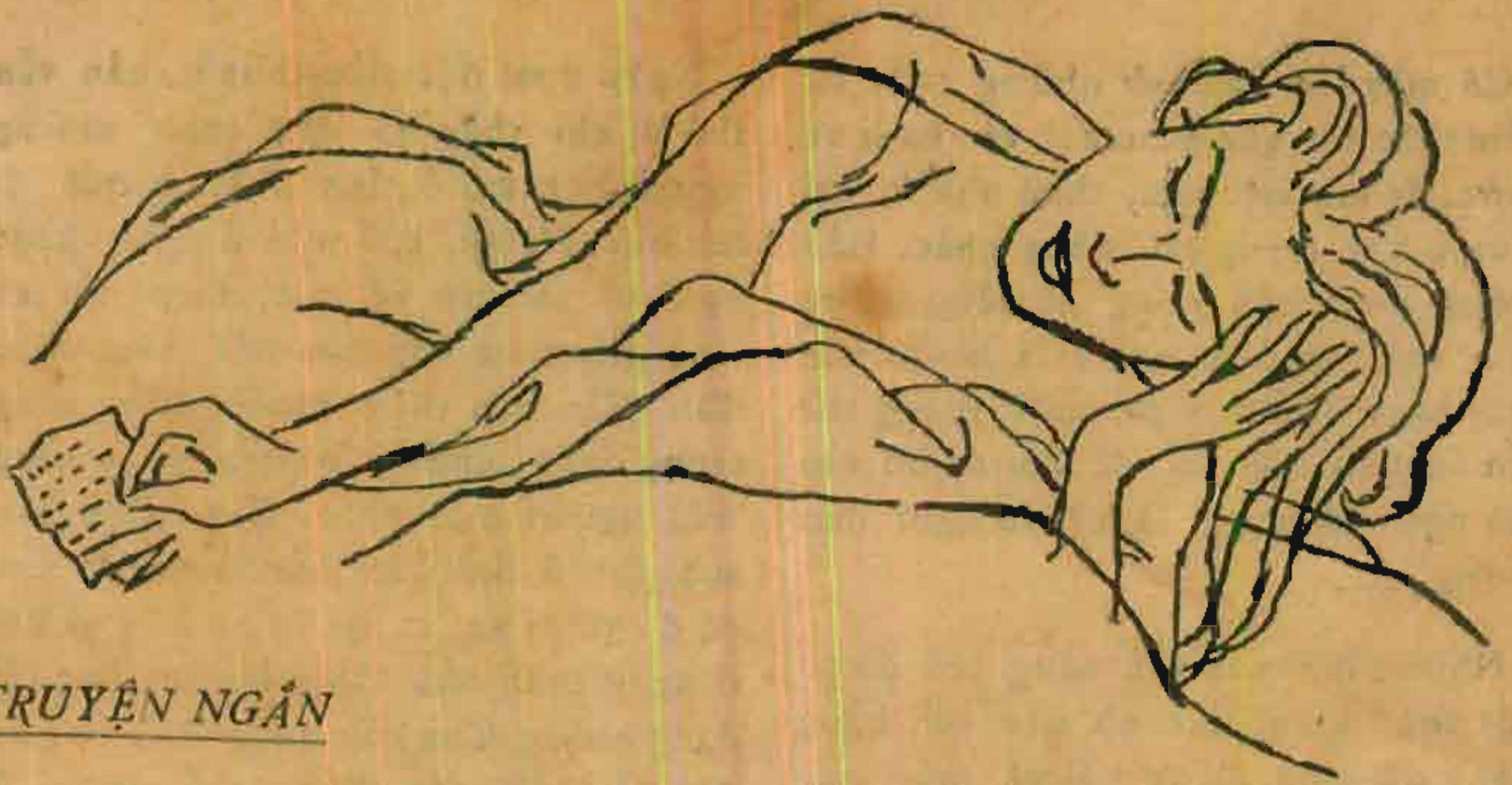
Lá theo nước lũ trôi về
 Thượng du với nỗi buồn té lòng người
 Chiều mưa rừng núi chơi vơi
 Đêm sương lạnh ngắt trăng cười héo hon
 Buồn hoang vu chảy từ nguồn
 Suối về tận biển vẫn còn hoang vu

LỜI XUÂN

Em còn nuôi giấc chiêm bao
 Mùa xuân tha thướt theo vào mái tranh
 Ta ru với ý thơm lành
 Cánh tay trai biển nguyên hình gối to
 Ngàn hoa tô điểm Sông Hồ
 Chim ca giọng dệt lời thơ gấm vàng
 Xóm nghèo tiếng trẻ ca vang
 Guốc reo tiếng chuỗi nhạc ron rụ cười
 Tiếng chuông cầu nguyện cho đời
 Nắng hồng lên, nắng hồng tươi xóm nghèo
 Nhìn Em, ta muốn mơ theo
 Hồn trong giấc mộng có nhiều say mê

1-61

HOÀNG-KHANH



TRUYỆN NGẮN

KHÔNG ĐỢI THƯ NHÀ

★ MINH-ĐỨC

TỪ ba năm nay mỗi lần tết đến hẳn không đợi thư nhà nữa. Trái lại hẳn còn tỏ vẻ sợ hãi mỗi khi nghĩ đến và mỗi khi nghĩ đến là hẳn cảm thấy như mình đang sống trở lại ba năm về xưa. Những cảm giác đau xót, những giọt nước mắt không ngừng, tất cả đều trở về như mới cách mười lăm phút trước...

Hắn nằm dài trên giường, lười biếng nghĩ đến ngày tết sắp đến chưa biết nên làm gì để cho quanh năm được vui vẻ. Tuy rằng sống ở Âu châu từ bao nhiêu lâu mà hẳn vẫn còn tin rất nhiều chuyện nhảm nhí, nếu các bạn hẳn ở quê nhà biết được chắc sẽ chê cười. Nhưng mặc chứ, hẳn thấy kệ tất cả những lời phê bình chung quanh. Tính hẳn lừng khừng tự thưở nào.

Độ một tiếng đồng hồ nữa thì người phát thư đến, chắc hẳn sẽ có thư nhà. Ngoài kia trời xám, một màu xám nặng nề như đang muốn rơi xuống đầu người. Những cành cây gãy guộc, xơ xác đứng khép nép dưới trời đông cổ sức thu mình cho đỡ lạnh.

Tết nào rồi cũng giống tết nào, ai vui đâu ày chứ hẳn thì chỉ thấy mỗi cái tết đến như một nét gạch đậm lên hai chữ cô đơn của cuộc đời. Lỗi không phải ở ai cả mà chỉ là ở hẳn, tại cái bệnh lừng khừng của hẳn. Hẳn thuộc vào hạng người vừa đi tròn cái cô đơn vừa đi tìm đến nó. Hẳn vẫn sợ cuộc sống bình yên, cuộc sống phi nhiêu, đầy đủ mà bao nhiêu người đã hống học chạy theo.

KHÔNG ĐỢI THU NHÀ

Có mấy lần hân mở những cuộc tự kiểm thảo rất ghê gớm rồi xách va-li về nước, đi xin việc làm, thuê nhà ở, với ý định xây dựng rất vững chắc. Hân tưởng rằng hân cũng sẽ sống được như mọi người nghĩa là bình yên ngày ngày đi làm việc, cuối tháng trừ tiền ăn tiêu còn thì để dành bỏ vào nhà ngân hàng gọi là biết lo nghĩ đến tương lai.

Nhưng lần nào rồi cũng chỉ được một thời gian, lúc số tiền cất hân tháng đủ mua được cái vé máy bay hoặc vé tàu thủy để đi đâu xa một chút là y như hân cảm thấy tâm hồn bức rứt ngứa ngáy. Rồi một đêm nào đó, suy nghĩ không kỹ lắm, hân nằm đợi sáng để dậy lo việc đi xin giấy thông hành, thu xếp trả nhà, gửi đồ đạc sửa soạn chuyện lên đường. Tự bào chữa hân bảo rằng tại cái số chưa giữ được của nên mới xui ra thế và hân sung sướng lên đường không hề thắc mắc. Nói thế cũng không đúng, hân đã thắc mắc rất nhiều mỗi khi nghĩ đến người mẹ già đã thương hân hơn tất cả, hân về mẹ hân chưa kịp mừng thì hân lại đi mất rồi. Tuy vậy hân vẫn cứ đi vì hân biết rằng xa hay gần; mẹ vẫn thương mình và trên đời chỉ có thứ tình-cảm ấy là không bị thời gian xóa mờ.

Nghĩ mãi mà vẫn chưa biết nên làm gì trong ba ngày tết, giá có gia-đình ở gần thì cũng về một chuyến cho nó ấm-cúng nhưng gia-đình ở xa quá lại còn thêm tiền vé máy bay nữa, làm việc cả năm để dành mới mua nổi chứ nào có phải dễ.

Ngày xưa, đọc tiểu-thuyết, hân vẫn thú-vị khi thấy tả đèn cảnh những người học trò ở tỉnh hoặc ở quê đi lên học Hà-nội, rồi mỗi dịp tết hoặc nghỉ hè thì trở về quê, được tất cả láng-giếng bà con đèn hỏi thăm chào đón. Hân vẫn thèm muốn được sống trong hoàn cảnh ấy nhưng cuộc sống mỗi người mỗi khác. Gia-đình hân suốt đời ở tỉnh lớn, hân là con út đâu có được đi xa, vả lại đi xa làm gì khi ở ngay cạnh nhà đã có trường học rất đàng hoàng. Cha hân quen thân từ ông đốc cho đến các thầy giáo, người ở nhà hân là bạn đồng-chí của người phu quét trường. Vì thế hân không bao giờ được hưởng cái thú về quê ăn tết cả.

Mùa chiến-tranh đến, hân theo mọi người cũng đi đánh nhau, nhưng đi là một chuyện mà về lại là một chuyện khác. Hân đành chịu ăn liền mấy cái tết xa gia-đình, xa tất cả mọi thân yêu và vì thế hân mắc phải cái bệnh lưng khừng, bệnh của những kẻ cô-đơn. Ngày hân trở về với gia-đình thì cái bệnh lưng khừng của hân đã thâm-nhiễm quá nặng, nan-y. Hân cảm thấy hình như hân và gia-đình không nói cùng một thứ tiếng với nhau nữa, thế là hân lại ra đi.

Cứ thế, mỗi lần ra đi, mỗi cái tết cô độc lại phủ thêm một lớp giá băng lên tâm-hồn hân. Những lớp băng trong như pha-lê người ta có thể nhìn suốt qua nhưng người ta không thể nào nắm lấy được.

Dấu sao, những công việc bôn-phận phải làm trong dịp tết đến, hân

Đã thanh toán xong, đây là cái việc viết thiệp chúc mừng mọi người. Một hình phạt đối với hắn vì phải nói những gì mà mình không hề nghĩ. Hắn nhớ những lời chúc : mạnh khoẻ, phát tài, sống lâu, hạnh phúc, bằng năm bằng mười năm ngoái. Người ta chúc nhau nhưng sự thật nếu người được chúc không mạnh khoẻ, không phát tài, không sống lâu, không hạnh phúc thì họ cũng chẳng cần hay là họ lại càng mừng. Chỉ trừ có viết thư cho mẹ là hắn không thấy cực hình và quả thật lúc hắn cầm bút, người hắn sôi lên cái ý định về thăm mẹ, ở với mẹ.

Tính nhằm thư hắn viết đã hơn một tuần rồi máy bay chậm lắm cũng chỉ trong bốn ngày là thư đến nhà. Chắc mẹ hắn sẽ mừng lắm, gần một tháng nay vắng thư có lẽ mẹ hắn đang lo làm hộ mứt bánh tết cho bà con, thế nào rồi hắn cũng sẽ có quà. Chỉ có mỗi lần nghĩ đến mẹ là hắn thấy hối hận. Hắn chắc lười nói một mình :

— Tí nữa nhất định sẽ có thư.

Hắn bói thăm, tính hắn đã bảo là hay tin nhằm nhất là hay bói vật như thẻ, nào là đi bói phỉm đầu năm, nào là đi từ nhà đèn trường nếu gặp đủ mấy chục cái xe hơi hiệu gì thì sẽ được chuyện gì. Đại khái là thẻ, lần này hắn bói nếu tí nữa có thư nhà thì tất cả mọi sự đều may mắn yên lành trong năm tới.

Muốn cho đỡ sốt ruột hắn đưa tay mở máy vô tuyến điện tìm âm nhạc đợi giờ phát thư.

Chín giờ, hắn là người phát thư đã đi qua, lay trời cho hắn có thư nhà. Bước những bước dè dặt xuống cầu thang hắn muốn kéo dài cái phút chờ đợi ra vì từ xa hắn đã liếc nhìn được qua khe hở của hộp thư, hắn sung sướng thấy có máu trắng của phong bì ở bên trong.

Lúng túng mở vội cái khóa nhỏ, hắn đưa tay quờ tất cả mấy bức thư. Có thư nhà, có thư nhà, thẻ là hắn bói được tốt, thẻ là năm nay sẽ bình

★ Có hai hạng nghèo, một hạng nghèo chung với nhau và một hạng nghèo riêng một mình. Hạng trên là hạng nghèo thật, hạng dưới là hạng giàu nhưng không gặp may mắn.

(Sartre, Le diable et le bon Dieu)

★ Tôi không lo việc từ chương. Tôi viết là để nói rõ một vài trường-hợp. Nên coi chừng vấn-đề văn tự. Phải viết phóng theo ngòi bút mà không cần tìm tiếng, tìm lời.

(Sartre, La nausée)

KHÔNG ĐỢI THƯ NHÀ

yên, và hần quay gót nhảy ba bước một cho chóng lên đèn phòng mà đọc thư. Cờ nhiên bức thư nhà được mở ra trước tất cả.

Em : Báo cho em biết mẹ đã mất sau mấy ngày ốm. Các sĩ ở Huế chữa cứ bảo không sao, chỉ có mấy cái nốt nên chẳng săn sóc kỹ. Đưa vào nhà thương họ cũng bỏ mặc, đến khi chị về để chớ mẹ vào Saigon thì chậm quá rồi, và mẹ đã mất ngày hôm sau. Mẹ nuôi em nên không nhắm mắt. Ngày mai nấy làm đám.

Đọc bức thư một hơi từ đầu đến cuối, tim hần như muốn ngừng đập, cổ hần nghẹn ngào và trong ngực như có gì chần ngang. Hần vẫn chưa tin đây là sự thực vì sự thực không thể nào có thể tàn nhẫn đến như thế.

Hần vẫn tưởng sẽ có ngày hần gặp lại mẹ, sống bên mẹ, ngày hần về sẽ có mẹ hần ra đón ở sân bay. Mẹ hần chưa già, mới sáu mươi tuổi, còn bao nhiêu ngày tháng, người ta thọ đến bảy tám chục tuổi là thường. Nhưng đọc lại bức thư một lần nữa, bức thư đóng dấu nhà bưu-điện Sài Gòn rõ ràng, đâu có lẽ ai đùa mà trêu hần, và lại nét chữ của chị hần đầy chữ nào phải người lạ.

Hần lán đèn bàn viết kéo ghế nặng nề ngồi thư ra một lúc, trước mắt hần bao nhiêu là hình ảnh. Những mẫu áo tang bằng vải thô trắng toát, những vòng hoa phúng, những người đi đưa, những năm mố mới đắp.

Tính theo trong thư thì người ta đã chôn mẹ hần từ hai hôm nay rồi. Thế

là hết, hần sẽ không bao giờ được gặp lại. Chị hần, em hần được mặc áo tang, đội khăn tang, được ôm xác mẹ lúc cuối cùng, được tiễn mẹ ra nghĩa-trang. Còn hần thế là hết không bao giờ được làm những công việc ấy, công việc mà người ta chỉ làm có mỗi một lần. Bộ áo tang thì sau một hai năm là người ta đốt đi vì kiêng không dám để lại, thế là hần không những không được mặc áo tang mà rồi cũng sẽ không được nhìn bộ áo trắng ấy nữa.

Hần mở ngăn kéo tìm tấm ảnh cuối cùng của mẹ, mẹ hần mặc áo tu mang trắng hạt, đầu tóc bạc trắng, đôi môi hơi mỉm cười, nụ cười hiền lành rất quen thuộc. Nhưng ngày nay không còn nữa.

Ngày này, giờ này, phút này mẹ hần đã chết, người ta đã bỏ mẹ hần vào hòm; chôn mẹ hần xuống đất. Thế là hết, từ nay trên đời hần đã mất một nguồn an ủi một niềm tin. Từ nay không còn bao giờ có một tình yêu thứ hai nào đến lấp ú tâm hồn hần nữa.

Hần ngơ ngác nhìn ra bên ngoài, tuyết từ nãy đến giờ uất ức ở trên trời, hình như mới nhận được lệnh nên đã xô đẩy chen lẫn nhau mà rơi xuống. Tuyết rơi cũng nhẹ nhàng như những giọt nước mắt. Máu tuyết trắng phủ lên mái nhà, phủ lên ngọn cây làm như mái nhà ngọn cây cũng vì hần mà mặc áo tang. Tất cả mái nhà, ngọn cây đều mặc áo tang trong mây ngày liền, hần thế.

Chỉ mình hấn là vô phúc, chỉ mình hấn là không được mặc áo tang không được đội khăn tang. Đã thế hấn cũng mở cửa đi xuống đường một lúc cho tuyết phủ lên người hấn, lên tóc hấn cũng được cái cảm giác mặc áo tang mẹ như các chị em hấn giờ nấy ở bên nhà. Giá ai gửi cho hấn một tấm áo; một chiếc khăn thì hấn sung sướng biết mấy.

Ba đêm nay đêm nào hấn cũng đi đèn gần sáng mới về, hấn đi đâu không ai biết, tất cả mọi người chung quanh đều cho hấn là điên là bắt hiệu,

hấn nghe nhưng không hề cải chính. Ngoài mẹ hấn ra có ai hiểu hấn đâu mà cãi. Nếu người ta biết rằng hôm nào hấn cũng sốt lên đến bốn chục nhưng sốt mấy thì sốt hấn vẫn không dám nằm nhà.

Rồi mỗi năm cứ vào độ tết sắp đến là hấn lại đi lang thang, hấn đợi gì thì đợi chứ không bao giờ hấn dám đợi thư nhà nữa tuy rằng mẹ hấn chết rồi thì cũng chẳng mấy khi hấn nhận được thư nhà.

MINH-ĐỨC

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Sophistes

COFAT CHOLON

em bé chăn trâu

• HOÀI-HƯƠNG

Mưa như nước xối
 Gió gọi tôi dầy
 Lúa trĩ sợ ngọn « tay may »
 Đong đong núp mình trong lá
 Gió lạnh về chí vội vã,
 Giữa mùa đang ươm đơm bông
 Chiều nay hun hút gió đồng
 Có em sợ rét gói lòng trong tôi
 Em chẳng yêu mây vờn-vờ lung trời
 Em chẳng thích lội dầm trong ruộng nước
 Em cũng e mưa
 Em từng ngại bắc
 Mà sao em vẫn ra đồng,
 Cô đơn, hứng cả mùa đồng
 Tay bé bỏng lùa sâu trong lớp cỏ.
 Em cắt, em ôm, mong sao đầy giỏ
 Mang về hong ráo, nuôi nắng bầy trâu
 Đời ở thuê, mưa nắng khác gì đâu (!)

*
* *

(1) « Tay-may » : 1 loại gió làm cho lúa lép hạt.

Em như cây lúa ngậm màu, (2)
 Mong mỗi bàn tay che-chở
 Thèm khát lắm cảnh trường vui, sách vở
 Cơm cá no nê,
 Mảnh áo ngự hàn.
 Khỏi ra đồng cật cổ dưới mưa chan,
 Bớt gội sương khuya. Thôi dang nắng hạ
 Chẳng phải lo chuồng trâu thiếu lá
 Ngày mưa dầm ướt cỏ, hôi rơm...
 Những hồi trâu trở chúng hung hăng
 Chạy xéo vườn khoai
 Bãng càn bãi lúa
 Em đuổi theo hoài,
 Mồ hôi tủa tủa
 Mà lo, mà khóc dầm dề.
 Những ngày hè, cỏ trên bãi ủ ê
 Trâu chẳng ăn no, em về lo lắng
 Miếng cơm nhạt nuốt theo lời chủ máng
 Biết nói cùng ai ?

*
* *

Em đã từng nghe tiếng hát khoan thai,
 Giọng du dương, ngân mặt kính lâu đài,
 Vang giữa trường thôn, hay bên cửa sổ :
 « Ai bảo chăn trâu là khổ
 Không. Chăn trâu sướng lắm chứ » (*)
 Người ta đã cướp bao nhiêu văn-tự,
 Lừa dối mục đồng !
 Vì đời em, đầy nắng hạ, mưa đông.

HOÀI-HƯƠNG

(2) Lúa ngậm màu : nhị đực, nhị cái của lòng lúa kết với nhau để thành hạt.

(*) Trích trong bài học, sách « Quốc văn giáo khoa thư »



HOA LIÊN KIỀU

SỚM xuân, lúc mặt trời chưa đánh loăng cái mát rợi của đêm tàn và còn đang hút nốt những hạt móc đọng trên hoa lá, lúc đó, chà chà! hoa liên kiều thật thơm quá là thơm!

Đó là một buổi sớm của tuổi thanh xuân. Tôi với một thiếu nữ xinh đẹp duyên dáng, sau cuộc dạo cảnh đồng quê, đang cùng nhau trên con đường về tỉnh. Vui nhộn như một đàn chim nhỏ, lũ chúng tôi vừa ở thuyền lên là đã cặp nào cặp này, xé lẻ tung tăng trên các ngã đường để đưa chân những con người đẹp về nhà.

Phồ xá vừa rạng sáng. Năng vàng một sắc lấp lánh trên nóc nhà thờ, trên cây thánh giá và trên các cửa sổ cao. Đường còn vắng và mát. Nhà nào nhà này, màn sô vẫn hây còn rú đều. Phía sau những tấm màn đó, giấc ngủ mọi người đang ngon. Trong cái yên lặng của đường phồ ban mai, tiếng chân chúng tôi vang dậy...

Trên dãy tường dài cắm đầy thanh sắt, những bông liên kiều tròn mướt, đang lúc nở rộ, cụm trắng cụm tía lạng lẽ rủ xuống chen nhau.

Chà! chà! sớm xuân, hoa liên kiều thật là thơm quá đi mất, thơm một cách phi thường! Trai đôi mươi tuổi cặp kè cô bé xinh tươi, cái lúc cậu nhìn cô, cô liếc cậu, cả

lúc say sưa cùng nhau mỉm cười, đôi bên cùng sững run lên ày...

— Ngắt cho em một nhánh Liên Kiều đi, a... anh...

Tôi và Nàng cùng đứng lại. Bức tường đã cao lại trơn. Mà đánh thì tua tủa. Toàn dùng ba-toong cời lấy một nhánh sai hoa nhất, nhưng cời không được. Những hạt móc thơm rơi như mưa ngọc xuống người chúng tôi.

— Một nhánh thôi cũng được, anh?

— Trắng nhá?

— Trắng thì trắng... mà không ! tím kia ?...

Thì hi sinh cho con người đẹp? chứ sao? Tôi bèn leo tuốt lên tường để hái trộm hoa cho người đẹp. Đánh sét đâm rách cả tay mà tuyệt nhiên tôi không để ý, là vì tôi có thấy đau đớn một tí nào đâu. Hương thơm ngát quá, đầu tôi bắt giác quay về phía bên. Móc sớm ở đầu cành rơi xuống ướt hết cả mặt, tiếng ba-toong cầm tay dụng kêu lác cắc... Nàng vui vẻ mỉm cười; tôi ở ngay trên đầu Nàng; những hạt móc trong cửa buổi sáng lạnh tung rơi xuống từng trận mưa thơm... Tôi muốn có bao nhiêu hoa nở cũng hái cho bằng hết để dựng hết lên Nàng, cả trắng, cả tím dâng hết!

— Thôi đủ rồi mà? ; :...

Từ ngọn tường cao tôi nhảy phắt xuống như một hàng dũng sĩ. Đôi mắt đầy vẻ sung sướng và đượm tình âu yếm của Nàng sáng ngời lên nhìn tôi để thắm « tạ ơn lòng ».

— Xin biểu anh ... để làm ... kỷ niệm....

Dứt lời, Nàng áp cặp má ửng đỏ vào giữa những bông hoa.

— Kỷ niệm ; để kỷ niệm gì, em nhỉ?

— Kỷ niệm cuộc đi bộ sáng nay... hoa liên kiều ... và cái làn hương, sớm nay nó thơm lạ lùng quá. Vừa nói, Nàng vừa đưa lại phía tôi một bó hoa thật là tươi mịn.

— Kia, tay anh sao thê kia? Máu ở đâu đây?...

Bây giờ tôi mới biết là cổ tay tôi bị thương, máu tươi ra thấm ướt cả áo.

— Đau không?

— Không đau tí nào... cũng là để kỷ niệm đây...

Nàng đưa cho tôi chiếc mùi soa lụa nhỏ. Tôi lấy khăn quấn cổ tay bị thương. Thê rơi trên quãng đường về tôi phảng phất cảm thấy hình như mình đang là một dũng sĩ bị thương, một dũng sĩ chỉ về danh dự của người yêu mà chiến đấu. Chúng tôi đứng lại. Sắp sửa nói câu tạm biệt thì Nàng đòi lại chiếc mùi soa :

— Thôi, đưa lại cho em chiếc khăn đi ..

— Không ; để mình đem về... giữ làm kỷ niệm...

Tôi trả lại Nàng là tôi nhượng bộ Nàng đây. Chiếc khăn kia há chẳng đã nhuộm đỏ máu tôi sao!

Thê nhưng, hỡi ơi? cái mà người ta gọi là bình phàm trần tục nó thường vẫn hay xen ngang vào cuộc

sông của con người, giữa lúc hướng về khoảng thình không thăm thẳm, chúng ta sắp sửa thả hồn bay bổng lên chỗ tuyết vời, thì, hỡi ơi, cái bình phàm trần tục kia lại nhè ngay lúc ấy mà bẻ luôn cặp cánh của chúng ta !

Tâm tư thoải mái, màu hạnh phúc bồng ngời trong mắt, tôi nắm chặt lấy bàn tay nhỏ nhắn run run của Nàng, cố kéo dài cái khoảng thời gian tương biệt, dù chỉ thêm được vài ba giây phút cũng đã là hay. Tôi ngây ngất nhìn đôi má ửng hồng bị mây bông hoa che khuất một nửa, lòng bàng hoàng không rượu mà say. Nào biết được bởi hương liên kiều, hay bởi đôi mắt thẹn thùng, cặp má búng đỏ của Người đẹp?... Một anh gác công ngũ nhiều, mắt còn bự sự, ở đâu nháy ra, xoa đầu xoa tai nói :

— Ôi ! ôi ! cậu cả ơi, cậu cả ơi!... quán toạc rồi... khâu lại thôi... khó coi quá...

Tôi quay lại nhìn, Người thiếu nữ giật phứt tay ra, cười phá lên rồi ù té chạy biến vào sân trong.

— Bỏ mà chạy như chạy trốn, thế là nghĩa thế nào? anh gác cửa này! anh vừa nói gì cơ? coi bộ anh sao kỳ cục vậy?

Người gác công nói rõ hết đầu đuôi xuôi ngược.

— Phải rồi! Hình như móc phải danh ở đâu rồi! coi khi quá...

Tôi nhìn lại quần áo. Phần thì mắc cỡ, phần bị nhục nhã, mặt tôi bỗng thấy nóng bừng như thể lửa trâm. Bông liên kiều trắng hình như vừa bị người nào nhỏ cho một bãi nước bọt lên tróc. Trên đường về nhà, tôi lủi thủi nín thình. Chuông khóa lẽ sớm vang dậy. Đường chưa đông lắm, nhưng mấy cái xe ngựa chở khách đã thấy chạy tới tấp... Cuộc sinh hoạt hàng ngày đã lại bắt đầu.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ mãi cái buổi sớm xuân kia... với dãy tường dài cắm đầy danh sắt với nhành liên kiều hoa nở lất lịu, với những hạt móc thơm tung tóe, với cái khuôn mặt e lệ của một thiếu nữ lập ló phía sau mấy chùm hoa trắng, tím chen nhau.

Và cho đến bây giờ, tai tôi cũng vẫn còn thấy văng vẳng cái giọng nói cộc cằn của anh gác công nọ, cái giọng thô lỗ nó đã đánh bật mất tất cả những hoãn tượng và hương vị của một buổi sớm xuân.

Chà! chà! sớm xuân, lúc mặt trời chưa đánh loãng cái mát rợi của đêm tàn và còn đang hút nốt những hạt móc đọng trên hoa lá, thế mà cậu cả tuổi mới đôi mươi lại đứng sát bên một nàng kiều diễm, thì lúc đón hoa Liên Kiều quả thật thơm quá đi mất, thơm một cách phi thường!

GIẢN-CHI (dịch)

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu **THIÊN - THAI**

(mạch nha ; kẹo gương ; có nhận gởi đi ngoài nước)

114, Đại-lộ Quang-Trung — Quảng-Ngãi (Trung-Việt)

Chủ nhân : **Bà NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG**

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

ĐÔNG - HƯNG

(hiệu chuyên làm đờn Việt lâu đời nhất, từng cung cấp nhạc khí cổ nhạc cho trường Quốc-gia Âm-nhạc (Sài-Gòn) và Trung-tâm nghiên-cứu nhạc Đông - Phương (Paris), và được các nhạc sĩ có tiếng ở trong và ngoài nước làm cổ - vấn kỹ - thuật).

105 nhj. đường Hiền - Vương — Sài-Gòn

Chủ nhân : **Ông PHÙNG-TẤN-TUẤN**

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu **Nguyễn - Văn - Tập**

BÀN BÔNG, KIỀNG, CÂY ĂN TRÁI

421, Đường Nguyễn-Trãi — Chợ-Lớn

Chủ nhân : **Bà NGUYỄN-VĂN-ĐỒN**

sao em còn buồn?

* TƯỞNG-LINH *

Vì sao em còn buồn
Xuân sang rồi, đâu phải mùa thương nhớ?

Luyên - tiếc làm chi . .
Ngày Xưa
Kỷ - Niệm
Em hãy ngưng tay kéo sợi tơ sầu
Đề ta đừng viết mãi áng thơ đau
Bản tình - ca chưa vào nhịp cuối
Tình ơi Tình, về đâu, về đâu !

Vì sao em buồn ?
Sớm mai này chim ca đầu ngõ
Lời chim rất nhanh
Tay gió vãn-vê tà áo xuất-hành
Đi về hương nắng
Trời đất giao duyên — niềm yêu thầm - lặng

Tơ không-gian như có hẹn cây rừng
 Nâng gọi thủy-ngân
 Lửa ân-tình reo vui bếp ấm,
 Sao em nhất tuổi xuân vào lòng cung-cấm
 Bốn mùa hoang-lạnh đơn-côi!
 Những birc tường nghiêm cả ngàn lối mộng
 Những chiều xanh lăn-lướt qua rồi!
 Bàn tay mùa xuân chờ diu em đẩy
 Này đây phố đẹp
 Này lối viên hoa
 Đứng nghiêng tai về tiếng gió đêm thu xa
 Em hãy cùng ta tiến lên phía trước
 Và em hãy nói lên lời nguyện-ước
 Dầu muộn-màng nhưng chưa trễ đâu em!
 Vì có ai ngăn máu trở về tim
 Chưa thẽ-thốt vẫn còn quyền hò-hẹn
 Đàn én tha-phương
 Đã trở lại với hương rừng, ý biển
 Dáng mùa xanh tiếng hát thanh-lao
 Em hãy cười lên vì xuân đã đến
 Hãy bước nhanh-nhanh kéo thời-gian qua cầu
 Hãy giữ lại những gì còn lại
 Kẻo nữa rồi than nắng quái, mưa mau...

 Đời chưa hờ-hững
 Sao em còn buồn?
 Xuân sang rồi, đâu phải mùa nhớ thương?

T. L.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO
TỰ - DO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

VIỆT - NAM DANH - NHÂN TỰ - BIÊN

của NGUYỄN HUYỀN - ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẨM-HÀNH) -

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

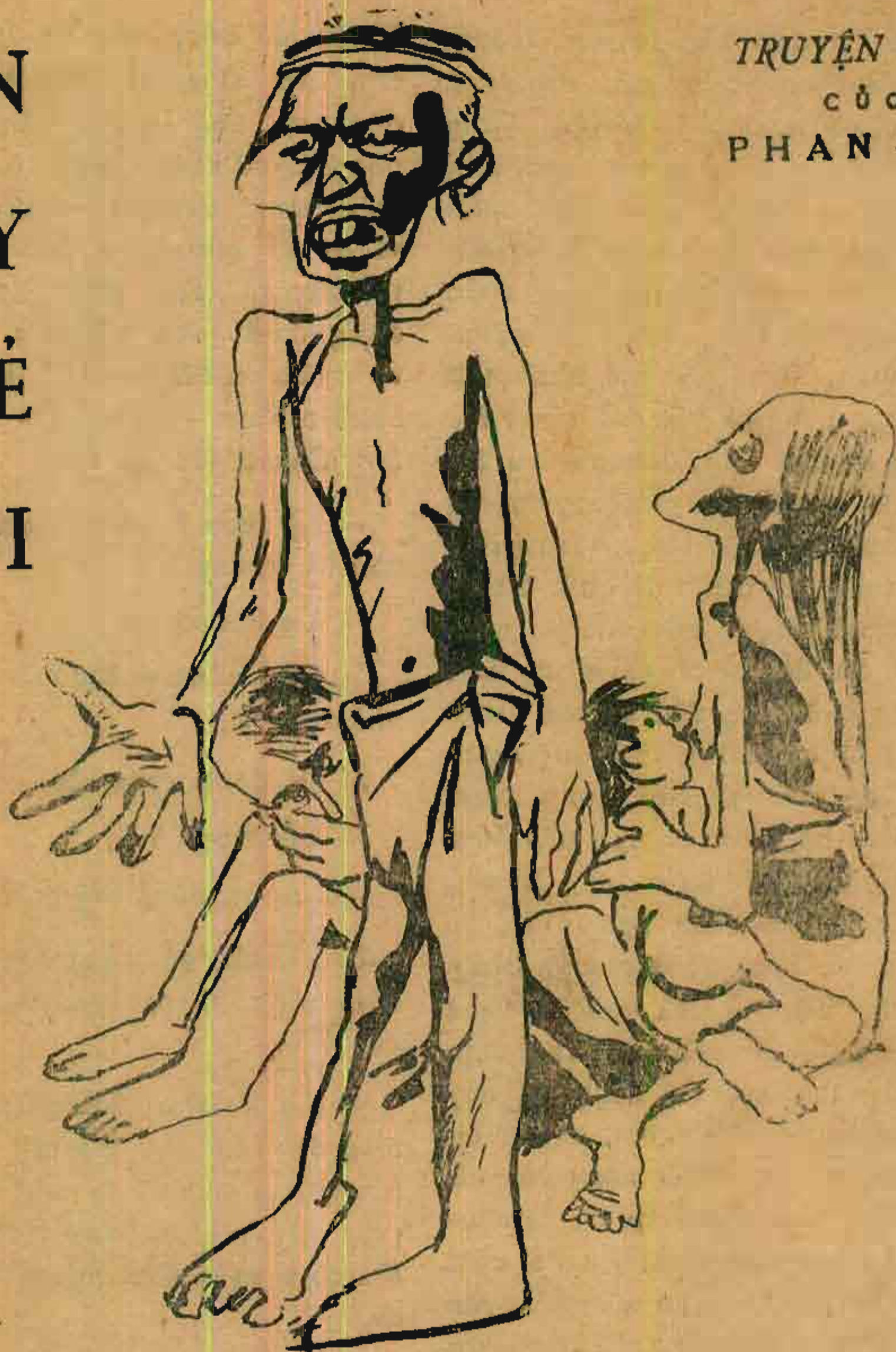
AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

BÀN TAY KẼ ĐÓI

TRUYỆN NGẮN
của
PHAN - DU



HẾT ngày này qua ngày khác, lửa tự trên trời tua tủa đổ xuống. Đất ruộng trắng hẳn ra, nứt nẻ thành từng hàng dài ngang dọc, ngồng-ngoè, sâu hoắm. Suối khe cạn róc cả. Màu xanh rừng cầm hấp hối giữa

màu vàng khô xơ xác của lau lách, tranh, cỏ. Chỉ cần một mối lửa đủ để biến tất cả những kho tàng thảo mộc ấy thành một bể tro than...

Giữa cơn hạn hán kinh-khủng ấy, nạn đói hoành hành. Nó diễn biến một

cách mau lẹ quá sức tưởng tượng, lan tràn như nước lụt qua các xóm, các thôn, các làng, các huyện. Từng loạt hàng trăm, hàng nghìn người bị nó vật ngã xuống. Dân tình nhồn nháo cả lên. Người ở miền duyên-hải chạy lên miền nguồn. Người ở miền nguồn chạy trốn lên miền Thượng. Từng đoàn, từng lũ đua nhau tìm đến những nơi mà cái đói chưa kịp tàn công để mua bán, đổi chác cái ăn. Thoạt tiên còn là lúa gạo, hay những thực-phẩm thông thường. Nhưng thết đến rồi cái gì ăn được là quý. Cái gì bỏ vào mồm được, nhai được, nuốt được và đủ để an ủi chiếc dạ dày, dẫu trong chốc lát, đều có thể đánh đổi bằng tất cả những thứ được quý trọng lúc thường. Nổi đồng, mâm thau, trâu, bò, đất ruộng, nhà cửa, với một giá rẻ mạt như cho... Nhưng được thế phải là hạng người còn có đôi chút sức lực, đồ đạc, vồn liếng. Đến như những kẻ đã quá kiệt quệ thì đành phải khoanh tay, cam chịu cho cái đói mặc sức mà hành - hạ dày vò. Họ sống ngoắc - ngoài, chông cự một cách yếu ớt, tuyệt vọng với cái chết bằng cách quơ - quào, nghiền-ngầu bất cứ là thứ gì kể cả đất cục. Ăn mà chết, ngồn ngầu mà chết, còn dễ chịu hơn phải sống dai dẳng với một cái dạ-dày lép-xẹp. Lưỡi hái của Tử-thần thời thì cắt xén soèn - soẹt suốt ngày thâu đêm. Từ-khi bęc lên ngàn - ngạt bao trùm khắp cả đồng quê, làng mạc...

Cũng vào một ngày thê - thảm như vậy, trời mới sẩm tối và tuy khi trời oi-ả, nóng bức, nhà ông Chánh-

Thiện đã đóng cửa im im. Từ dạo nạn đói kém bắt đầu hoành hành đến nay, ông Chánh cũng như các nhà giàu có khác trong vùng thường cho đóng cửa và cổng ngõ sớm vì lo sợ những tai họa bất kỳ có thể xảy ra. Khi những tiếng khoa động ồn-ào của dãy cửa bàng-khoa vừa dứt, mặc dẫu biết rõ tính cẩn thận của lão Nam — người gia-đình già — ông Chánh vẫn hỏi :

— Kỵ chưa ? Coi có song xích nào còn hở không ?

— Dạ kín cả rồi

— Cửa hông và các cửa nhà ngang, nhà dưới ?

— Dạ đóng xong hết.

— Cổng ngõ ?

— Con ra đóng bây giờ.

Bà Chánh ngồi trên tràng-kỳ ăn cơm với chồng và con gái, nghe thế vội kêu lên :

— Cái lão đênh-đoàng quá : ra đóng mau đi. Chớ câu thả mà khờn. Chỉ trong đêm qua đã có một vụ trộm ở phía Tây, một vụ cướp ở xã Bình Tây. Mà có ai xa lạ đâu, người trong thôn cả.

Lão Nam thả cái chốt cửa cuối cùng xuống, nói nhỏ giọng :

-- Dạ... nhưng ở đây làm gì có giống độc ấy. Người trong thôn ta lương thiện cả... Chỉ có chết là nhiều. Ngày hôm nay chết thêm ba người nữa rồi, thừa bà. Thằng con trai lão Mẫn, mụ Giáp và Năm Thìn...

Về mặt lạnh lùng, bà Chánh chăm chú dằm con cá chiên trong đĩa, cười nhạt :

— Hừ, lão đừng tưởng đại. No thì thành Tiên, thành Phật mà đói thì hóa quỷ, hóa ma cả. Ở đâu cũng thế thôi.

Nói xong bà ngẩng nhìn ông Chánh :

— Lúc chiều bà Tâm có đèn đây nài nỉ tôi mua hộ con nghé.

Ông Chánh đang gấp thịt, ngừng đưa hỏi vợ :

— Con nghé ? Đòi bao nhiêu ?

— Bà ấy xin ba ang gạo (1). Tôi bảo để ông về sẽ hay.

Vừa nghe xong, ông Chánh đã ngửa mặt cười lớn :

— Nói điên ! Nghé gì mà ba ang gạo. Bà Cửu trên phái Bắc vừa mua một con mà chỉ trả một ang thôi. Lúa gạo bây giờ là vàng là ngọc. Nghé mà đòi ba ang, con mẹ nói điên quá ! Bà Cửu trả một ang là cũng bị hớ rồi đó.

— Nhưng con nghé này tốt...

Ông Chánh lắc đầu :

— Có tốt bao nhiêu cũng thế thôi. Tôi thì định nửa ang là cùng. Để rồi bà nó xem, ít hôm nữa đói thét, mụ ấy sẽ lạy lạy mà bán. Đèn cả một cái nhà « tránh lạng » cũng chỉ đổi một ang gạo lại phải dỡ mà khiêng đèn tận chỗ nữa là... À này, ngày hôm nay có đổi muối chứ ?

(1) Đơn vị đo lường lúa, gạo ở nhiều tỉnh miền Trung.

— Có. Cũng may thẳng cha hôm trước. Tôi đổi theo lệ hai ang hột mít khô lấy tám ang muối như thường vậy. Chỉ một ngày hôm nay, đổi được bốn chục ang muối tốt, lớn hạt cả.

Ông Chánh tặc lưỡi, tỏ vẻ hồi tiếc :

— Hồng to ! tôi quên dặn bà nó. Hạt mít khô bây giờ cũng quý lắm chứ đừng xem thường. Nhiều nơi người ta đổi năm ang chứ không phải bốn nữa đâu. Từ nay cứ lạy đủ sáu. Nhất định sáu ang, chúng lạy lạy mà đổi.

Huệ, con gái ông Chánh, chòng đưa trong chén, nhìn mẹ :

— Nghĩ cũng tội. Sáu ang muối nặng có trên bốn chục ký, gánh từ dưới biển lên đây, đường xa mấy chục cây sô để chỉ đổi được chừng đó thôi.

Ông Chánh nhìn chăm chú con gái, cười ha hả :

— Tội : Thiên hạ đều như thế cả chứ riêng gì nhà mình. Chịu đổi hạt mít khô cho là còn nhân nghĩa đó. Muối có trừ cơm được không ? Ngọc vâng châu báu giữa lúc này cũng chả có nghĩa gì nữa là muối. Hạt mít không quý hơn rau ranh, lan huệ, đẹt sắn hay trái chà niên sao ?

Rồi gắp một miếng thịt lợn hăm, ông Chánh vừa nhai ngồm-ngoàm vừa đưa chén cho Huệ xúc cơm :

— Lạ thật. Cứ gắp lúc đói kém thì lại ăn ngon. Đạo này tôi ăn thật được...

— Ai chả thế. Yếu ăn như con Huệ nhà mình mà bây giờ nó ăn cũng khỏe. Nó còn bảo là ăn xong lại thấy đói ngay.

BÀN TAY KÉ ĐÓI

Bà Chánh liếc mắt nhìn lão Nam đang rảo bước xuống nhà ngang cho đến lúc khuất hẳn bóng, bảo nhỏ con gái :

— Mà phải coi chừng mấy đứa ở. Chúng nó ăn như vâm.

Huệ nhíu mày :

— Lấy đâu mà ăn như vâm. Bọn chúng năm đứa, mỗi bữa, đúng như lời mẹ dặn, con đóng hai lon cho sáo thêm khoai sắn vào. Có sò ngũ nhật định như thế còn coi chừng gì nữa.

— Vẫn biết thế, nhưng khoai sắn cũng phải coi chừng và hạn chế. Để mặc chúng thì mấy đám sắn hết ngay cho mà xem. Quân ấy lúc thường chúng ăn đã tợn huống nữa là đang hồi đói kém...

Câu chuyện của hai mẹ con nhắc ông Chánh sức nhớ ra một việc quan trọng. Ông gọi lão Nam giật giọng rồi hỏi :

— À, à... Tao quên... Lão vẫn đặt kẹp thường xuyên chung quanh mấy đám sắn đúng theo lời tao dặn chứ ?

Lão Nam nhìn chủ, trả lời quả quyết :

— Dạ đặt đủ cả.

— Ông Chánh mỉm cười :

— Được rồi : Bên nhà bà Thịnh vừa trúng một con heo mắc kẹp đây lão ơi !

Huệ ngỡ thật, vui vẻ hỏi cha :

— To nhỏ, cậu ?

Ông Chánh bỗng cười phá lên :

— To lắm. Bồn đôn khiêng. Nhưng... là con heo hai chân, con heo người. Một thằng cha bên xóm lên nhỏ sắn trộm. Đói này thì chúng đâm loạn, bắt kẻ liêm-s. Có thể chúng mới chưa bớt chứ.

— Nghe câu chuyện « con heo người » của ông Chánh vừa kể, tự nhiên lão Nam cảm thấy khó chịu và bất-nhân trong lòng. Biết chủ không còn chú-ý đến mình, lão lảng-lặng trở xuống nhà dưới rồi băng qua sân gạch, đi thẳng qua phía cổng. Lão vừa đi vừa hình-dung cái cảnh một con người bị mắc kẹp heo rừng, tượng-tượng đến nỗi kinh-hoàng sáng sốt, đầu đớn, khổ sở của một kẻ bán cùng vì đói, làm liều, biết mình sắp bị bắt quả tang mà không ngã thoát rồi lão lại nhớ đến những cái kẹp sắc chính tay lão đã đặt theo lời chủ dặn. Lão rùng mình và thăm mong cho đừng ai mắc phải, cầu sao heo rừng đến sớm để rước tai họa cho những con « heo người » mà lão tin là không hiềm giữa cái tình hình đói kém này... Đồng thời với nỗi thương tâm, lo ngại, lão Nam còn có những cảm nghĩ mơ hồ là lạ. Tâm não của lão dường như đang bị quày động bởi một cái gì mà chính lão cũng khó nhận ra cho rõ. Lão Nam giúp việc cho nhà ông Chánh đã trên hai chục năm trời. Mỗi năm lão chỉ được nhận vài chục ang lúa để bù đắp lại cái công thức khuya dậy sớm và làm lụng quán-quạt suốt ngày như một con vật, hết công việc đồng áng đến công việc trong nhà. Bà Chánh lại là hạng người kim chi, gát chặt, nên tiếng là ở với nhà giàu, sự ăn uống của lão

cũng rất kham khổ nếu không có Huệ. Nhưng cũng như những người dân quê mộc mạc, chất phác, đã quá quen với những bất-công mà tầng lớp họ phải chịu đựng trải qua bao đời trong xã-hội nông-thôn, lại vốn giàu tình cảm, lão Nam chẳng những không ý-thức được những thiệt thòi về quyền lợi để thắc-mắc, bắt mẫn mà trái lại, còn thâm-cảm ân-đức của vợ chồng ông Chánh nữa là khác. Lão mền chủ, trung thành với nhà chủ hơn cả một con nghĩa-khuyên và lão coi sự biết ơn như là một bổn-phận, một cái gì hợp với lẽ phải, một cái gì mà chỉ có những kẻ chẳng còn biết ai trên đầu nữa mới dám coi nhẹ. Nhất là từ ngày có nạn đói kém, lão càng thấy cả một may mắn lớn lao cho đời mình khi nhìn đến cảnh vật-vờ, xơ-xác, chết chóc, bệnh hoạn của đám đồng bào trong thôn xóm và các vùng gần xa. Dầu sự ăn uống có bị nhà chủ hạn chế hơn trước, — theo lão đó là một lẽ tự-nhiên không phân vân — lão vẫn cho đời lão còn có phước hơn đa số nên lão càng quý vợ chồng ông Chánh. Cũng vì niềm tri-ân này mà từ trước đến nay, lão không thấy khó chịu, và lắm lúc, lão còn đồng tình với ông Chánh về những thủ-đoạn, mảnh khốc bóc lột. Ang non ang già, cho vay lúa, vay tiền nặng lãi, đầu cơ tích trữ, lường cơm, lường mắm với bọn người làm lụng hay tội tở trong nhà. Lão đồng tình vì những thủ-đoạn mảnh khốc ấy thông-thường quá, phổ-biến quá ở các nhà giàu mọc lên từ đất ruộng để ngay những nạn-nhân như lão

cũng phải chấp-nhận như là những lẽ phải đương nhiên ở đời.

Nhưng dần dần, theo cái đà diễn-biến trầm-trọng, nhanh vội của nạn đói, trước những chủ trương bóc lột trắng-trợn, tàn nhẫn của vợ chồng ông Chánh, lão Nam không còn thản nhiên như trước được nữa. Thỉnh-thoảng những ý-nghĩ không hay về chủ lại thoảng gợn lên trong đầu óc. Lão cổ xưa đuối, nhưng vô ích. Ngày ngày, những dư-luận không tốt đẹp chút nào, những lời ta thán, nguyền rủa vợ chồng ông Chánh càng sôi nổi trong đám nhân dân đói khổ khắp vùng. Mà nào có phải là những dư-luận không chính xác đâu. Toàn là sự thực cả. Toàn là những sự việc xảy ra hàng ngày mà lão được thấy tận mắt, nghe tận tai. Nào là ông Chánh khóa vựa, làm khó dễ về chuyện bán lúa để bắt giá cao, nào là ông Chánh bắt chẹt dân nghèo trong vùng, giữa cơn đói kém, để mua trâu bò, đất ruộng, nhà cửa và các thứ vật dụng với giá rẻ mạt, nào là ông bóc lột quá đáng đám dân miễn dưới gánh mắm muối hay đổ đặc lên đời chác thức ăn. Lão Nam nghe thật đã trời cả tai. Tuy lòng trung - thành với chủ không suy giảm chút nào, nhưng lâu dần, giữa cái tình-trạng quần - quai, vất vường, dờ dỏng, dờ chết của đám đồng bào khốn khó, lão Nam không còn thấy bất bình hay đỏ mặt vì những lời nói hành, nói xấu ông Chánh của bọn họ nữa. Lạ hơn là nhiều khi lão nghe như có một phản ứng kỳ quặc, khó hiểu chuyền dậy trong lòng, một cái gì gần như là

HIU HIU

Vừa gặp nhau
Lòng xao xuyến
Tròn lưu luyến
Câu chuyện đầu

Tiền đưa lời nhỏ nhỏ
Mắt trời xanh bao la
Môi ngạt ngào hương gió
Chim bướm nhộn hài hoa

Rồi thân nhau
Ngàn câu chuyện
Trọn đời nguyện
Cùng yêu nhau

Nắng chiều quen đường sỏi
Sương lá mộng dịu hiền
Nửa khuya trăng ấm gối
Vàng cúc ngát đầu hiền

Bông ly biệt
Sầu mắt biếc
Tháng ngày qua
Một cách xa

Vườn hoa thành ghế lạnh
Đường sỏi nắng cô liêu
Khóm cúc thu nở thạnh
Hiu hiu ngọn gió chiều

QUÁCH-GIAO

sự phân nộ bùng dậy để rồi lắng đọng vội vàng thành một niềm đau xót, buồn thương, chán mứa ngâm ngấm. Nhất là tối hôm nay, với câu chuyện giữa ông Chánh, bà Chánh : chuyện mua nghề, chuyện đổi muối và đặt kẹp heo để giữ sẵn, sức phản ứng kỳ quặc ấy lại chuyển dậy mạnh mẽ hơn bao giờ cả. Đây là lần đầu tiên cái lời cười, giọng cười thái-độ và bộ mặt phi nộn của ông Chánh đã gây một tác-dụng không đẹp đẽ chút nào trong đầu óc tên lão bộc trung-thành và làm xao xuyến, rung chuyển tấm lòng kính nể của lão ta đã dành cho chủ từ lâu. Nhưng vừa cảm thức được sự diễn biến mới lạ này của nội-tâm, lão Nam đã ân-hận, coi đó như là một sự phản phúc đáng trách. Lão thấy rằng dân nghèo đói trong vùng có lý-do và có quyền thù ghét, rủa sả ông Chánh, bà Chánh, nhưng lão thì không ? Lão không được vong ân. Với những nề nếp tình-nghĩa cò hữu lão đâm ra hãi sợ những cảm nghĩ không hay vừa phát hiện, và để xua đuổi, lão chú ý đến những cánh dơi đang bay trong vườn, vẽ thành những vòng tròn đen trên nền xám của bóng tối nhá-nhem. Lão vừa nhìn vừa rảo bước về phía ngõ ngói. Hai cánh cửa gỗ nặng nề còn mở rộng. Lão Nam lay mạnh, và sắp khép kín lại để gài cây ngang thì một bóng người lù lù, thật thêu như một bóng ma chậm rãi trèo lên mây bạc đá ở phía trước ? Nhìn kỹ, lão Nam kêu lên :

— Ồi trời ! lại chú này. Đáo lui làm gì nữa. Cả buổi chiều cứ tưởng là đi xa rồi chớ.

Có tiếng thều thào đáp lại :

— Cho tôi . . . vào.

Người nói là một gã đàn ông trung-niên, gầy còm rách rưới tả tơi, gập mình trên chiếc gậy với một mái tóc bồm xồm như tổ quạ vừa lê bước vừa thò. Lão Nam lắc đầu :

— Vào làm gì nữa. Lúc trưa người ta đã từ chối và gục đuổi đi. Có vào cũng mất công thôi.

Nhưng người lạ mặt vẫn cứ lão-đào cồ tiến vào ngõ. Lão Nam đưa tay đẩy nhẹ :

— Tôi đã bảo là không được gì đâu. Đừng có hóng xin với xỏ. Làm cho tôi bị la rầy vô lỗi thì có.

Lão lại dỗ ngọt :

— Ra cho rồi mà...

Người lạ mặt vẫn không nghe, cứ im lặng rón sức nhồi mình vào. Giá lúc thường thì lão Nam vì sợ vợ chồng ông Chánh, đã cương-quyết đẩy ra để đóng ập cửa lại. Nhưng lần này, khi bàn tay lão vừa chạm vào mình gã kia, lão Nam bỗng có một cảm giác đên khó chịu. Sức phản ứng của tâm hình-hải còm cõi ấy yếu ớt làm sao, yếu đến nỗi lão nghĩ chừng chỉ một cánh gió thoảng qua cũng đủ thổi bay chứ đừng nói là đẩy mạnh. Và qua cái hình thù tàn-tạ ấy, vụt nhiên hiện ra trong trí tưởng của lão một thằng người đói rách như vậy đang dẫm phải kẹp heo do chính tay lão đặt, lão như nghe rõ cả tiếng hai vành sắt bật mạnh, hai hàng răng sắt nhọn nghiền chặt lấy cổ chân gầy-gò, xuyên-thủng cả da, cả thịt, nhá nát cả gân, cả xương. Lão Nam rùng mình ngấm kỹ gã lạ

mặt và đâm lo rằng biết đâu lâm vào thế cùng gã kia lại không liễu-lĩnh, tuy gã đã suy nhược, tuy sẵn không phải là thứ có thể bỏ vào mồm ngay. Trước sức dẫn vật, thôi thúc của cái đói, dên đất cục người ta còn phải nhai mà nuốt nữa là. Với lại ở những kẻ đói đã suy nhược, theo như lão biết, vẫn thường có một thứ sức lực tiềm-ẩn rất kỳ lạ. Không thể mà lăm nơi, người ta đã tìm thấy những xác chết ngã gục bên những bụi sắn bị nhổ tróc cả củ mà với sức người mạnh khỏe lúc thường, đào bởi bằng cuốc xuống vẫn thấy khó khăn : Không ! Không thể như thế được. Thà lão chịu chú la rầy, khiến trách hay làm gì đó thì làm còn hơn là đang tâm xua đẩy kẻ khờ khạo vào cái tình-trạng thảm khổ như vậy để mang lấy tội ác. Lão vội rút tay lại, buông thõng xuống, lắc đầu thờ dãi rồi đứng yên há mồm nhìn kẻ kia đang thò thều lê bước tiến dần vào phía trong sân. Tuy đã biết trước là sẽ có chuyện chẳng lành xảy ra, lão vẫn giật mình đánh thót lên khi nghe những tiếng chó sủa gắt gồng, tiếng kêu hoảng hốt của gã đàn ông, xen lẫn tiếng hét hỏi đáp dồn của ông Chánh từ phía sau dãy cửa bàng-khoa :

— Lão Nam ! Lão Nam đâu rồi ! Cái gì mà ồn vậy ?

Chạy vội về phía người đàn ông vừa ngã chúi xuống sân gạch sau một hồi quay-quắt luống cuống giữa một bầy sáu con chó dữ, lão Nam vừa cúi xuống đỡ hân ngồi lên, vừa đáp :

— Dạ, có người bị chó cắn.

— Ai ? Người nào ?

— Dạ, dạ thưa ông, một người đối vào xin.

Vừa nghe thế, ông Chánh đã cười gằn rồi quát lên giặt giọng : giữa những tiếng gán gù của bầy chó đang chạy tăn ra trong sân gạch :

— Đố khờn ! Đố ăn mày ! Ngu đến nước thì thôi. Giờ này mà công ngô chưa đóng là nghĩa làm sao. Thằng cha này thật đáng đánh quá.

Ông Chánh hăm hét chưa dứt lời thì bà Chánh đã thét lên the thé :

— Tao đã bảo mà ! Tao đã bảo phải đóng công ngô từ sớm kia mà ! Có chịu nghe đâu. Ai có đời đã tởm thúi, tởm mò như thế này rồi mà còn để cái quần ấy rút vào được thì thật là hết chỗ nói. Đuổi nó ra ngay rồi đóng ngô đi không có mày chết với tao. Già chừng này tuổi mà còn ngu.

Lão Nam cuồng cá người lên, chưa biết xoay tính ra sao thì bỗng nghe có tiếng Huệ nói với mẹ nàng :

— Chừng như họ bị chó cắn. Xem có làm sao không ?

Bà Chánh gạt đi :

— Mặc kệ nó. Ai bảo nó vào làm gì cho chó cắn. Nó đi không được thì có lão Nam đây, công nó đi. Cái tội thằng cha ấy thật đáng đánh cho chết.

Nhưng bỗng có tiếng cửa khua-động, kêu đánh kít lên rồi ánh-sáng tràn ra sân thành một khung hình chữ-nhật dài. Huệ, tay cầm một cái đèn dầu mới thắp, bước nhanh qua ngạch

cửa, tiến lại gần lão Nam và ngồi xuống hỏi nhỏ :

— Có sao không ? Cả bầy chó chúng ủa vào như vậy, đồ mà khỏi bị cắn.

Lão Nam đỡ lấy đèn rồi xem kỹ :

— Có mấy dầu rãng ở bấp chân nhưng cũng không sâu. Tôi tìm lá thuốc dầu rịt vào là xong. Nhưng hán đối lắm. Đối lâu rồi. Biết làm thế nào bây giờ ?

Huệ thở dài, nhìn gã lạ mặt với cặp mắt đầy vẻ ái-ngại và tò mò. Đây, là lần đầu tiên cô thiếu-nữ mười sáu tuổi con nhà giàu có lớn, ít khi ra ngoài từ dạo nạn đói kém xảy ra đến nay, có dịp ngắm thật kỹ một kẻ đối đã suy nhược. Chỉ mới trong qua hình-thù, nhìn vào gương mặt, Huệ đã đâm hoảng lên. Nàng có cảm-tưởng đây không phải là một con người sắp chết nhưng là một người chết vừa thoi-thóp sống lại. Một bộ xương lỏng sát trong một lớp da mỏng-manh, vàng-vọt bần-thiêu ở đâu dưới mớ vớ chui lên, lang-thang thắt-thiếu trong cõi dương-gian. Và Huệ chú-ý nhất là cặp mắt. Cặp mắt thao-láo, sâu hoắm, mệt-mẽ, gấn như đứng tròng trên cái bộ mặt teo rúm, hốc-hác, xương-xấu, dưới mái tóc bù rôi bồm-xồm ấy trông vừa đáng thương-tâm vừa dễ sợ làm sao. Một cặp mắt dưng to, nới rộng, nhìn chằm chằm nhưng chừng như không còn trông thấy được một cái gì. Một cặp mắt lạc mất hướng đời và đắm đắm theo dõi một cõi nào xa-xăm, vô-

muốn dùng gì, rồi một nhân-viên của nhà báo đem biểu một tờ báo vừa ra, rồi một ca-si « đọt sóng mới » ra lên giọng thấp, cao..., có báo coi, có đờn hát, có giải khát... tính giá khác thường, a ! một thứ phòng trà trong chợ vậy.

Từ giã gian hàng « Saigon Thời báo », tôi không còn muốn đi đâu thêm : vào chợ lúc tối — mà lại một tối thứ bảy — thì là để xem người hơn là xem đồ vật ; muốn xem đồ vật, thì hãy đến một trưa nào : khách vắng.

*
* *

Trưa hôm ấy cách tối hôm rồi, có gần nửa tháng. Dạo qua các gian trong khu thương mại, thăm qua các gian hàng trong khu triển-lãm, tôi lần đến trụ sở của ban Tổ-chức, và được ông Trưởng phòng ban Tổ-chức tiếp.

— Tôi có đôi điều thắc-mắc.

— Xin ông cứ giải bày. Chúng tôi sẽ cố gắng giải đáp.

— Nói đến nội-hóa, tôi nghĩ ngay đến ngành tiểu-công-nghệ nước nhà. Cái khéo-léo tay chân, cái tỉ-mỉ tận-mẩn... của người thợ ta là gần thành ngàn-ngữ. Ta đặc-biệt là nhờ đó ; mà có hơn người chút nào, có lẽ cũng do đó mà nên. Nhưng sao trong chợ đây, tôi chẳng thấy tăm hơi gì của ngành tiểu-công-nghệ. Ban tổ-chức vô-tình hay cố ý quên ?

— Tôi xin dài dòng một chút.

« Mục đích của chợ Nội-hóa là trình-bày sản-phẩm nội-hóa và cổ-động việc tiêu dùng đồ nội-hóa, trong lúc đồng-bào sắm Tết. Chợ là một cách nói đó thôi, vì không nhắm

vào mục-đích « bán ». Mỗi chủ gian hàng phải bỏ ra ít nhất là 100.000\$ để xây cất, trình bày, giới thiệu... Khó mà lấy lại hơn số vốn đã bỏ ra trong vòng... 3 tuần lễ ! Bán chỉ có tánh cách tượng trưng. Có lắm gian hàng chỉ triển-lãm thôi, mà không bán.

Trở lại điều ông thắc mắc : chúng tôi quả tình cố ý phớt qua ngành tiểu công nghệ và nhấn mạnh ngành kỹ-nghệ. Bởi chúng tôi nghĩ rằng nước ta hiện cần khuếch-trương kỹ-nghệ nhiều hơn là tiểu công nghệ : khả năng của tiểu công nghệ thì có chừng, còn khả năng của kỹ-nghệ thì vô cùng và lắm hứa hẹn. Và lại ngành tiểu công nghệ đã được Trung-tâm khuếch-trương tiểu công nghệ đảm nhận việc nghiên cứu, thực hiện, giới thiệu, đỡ nâng...

— Cám ơn ông đã giải thích tận tường. Tôi còn đôi thắc mắc. Như một số hiệu sản phẩm nội-hóa lại mang tên ngoại-quốc...

— Đó là một nỗi khổ tâm của các nhà sản-xuất. Chẳng phải họ khinh khí tiếng mẹ đâu. Lý tưởng là đồ người Việt làm, mang tên nhãn hiệu Việt. Nhưng chạm phải thực tế, thì lại đành làm ngược lại. Tôi xin đan cử một ví dụ : một nhà làm kem đánh răng đã có một hiệu tên ngoại-quốc bán khá chạy, bèn cho ra một hiệu mới, tên Việt ; kết quả : chẳng những hiệu tên Việt bán kém mà lại ảnh hưởng không hay cho hiệu tên ngoại - quốc ; đành phải cho chết hiệu tên Việt, và sau đó cho ra hiệu tên nước người để thay thế, thì lại bán chạy. Kinh-nghiệm sống này đã là bài học cụ-thể cho giới công kỹ nghệ chúng tôi. Quần - chúng còn chuộng đồ ngoại - hóa, đến đời biết rằng ngoại hóa chỉ có cái tên bên ngoài, mà cũng ham mua những đồ có cái tên từ xứ nào nhập-cảng !

Tôi mỉm cười, buột miệng thốt ra một câu đối lịch-sử mà đoạn đầu có thay đổi, để cho hợp tình hợp cảnh giờ đây :

— *Thế chuyển ngữ, thế bán buôn, gặp thời thế thế thời phải thế !*

Người đối diện của tôi mỉm cười, và nhìn tôi, chờ đợi... tôi đưa thêm thắc mắc.

— Chợ nội - hóa, hẳn là chỉ triển-lãm đồ của người mình làm, nhưng tôi thấy vài sản-phẩm có mặt ở đây, như ngành « Tàu vj iểu » (1), như đồ vật bằng cao-su của hiệu HOPON... vốn của người Trung-Hoa.

— Những người Trung-Hoa đã vào Việt-tịch. Thì ta xem sản-phẩm họ là đồ nội-hóa cũng danh chánh ngôn thuận chứ ?

— Còn như vốn liếng của ngoại-quốc ? Một số nguyên-liệu mua lại của người ?

— Nhưng mà làm tại nước mình, do người mình đứng chủ-trương, thì cũng cho là đồ nội-hóa.

Cho rằng bao cái chánh đã xong, tôi nhảy qua đôi điều phụ :

— Người đi xem chắc đông lắm ?

— Đông lắm, nhất là ngày thứ bảy. Có đến từ 30 đến 35.000 ngàn người.

— Chắc các nhà có gian hàng hài lòng ?

— Hài lòng lắm. Kết-quả vượt mức dự định, khiến vài nhà tổ về tiếc :

« Phải chi chúng tôi biết đồng-bào mà hoan-ngình như thế, thì... » Lắm nhà đã nhận khá nhiều com-măng ; có một hiệu bán hết cả đồ ở kho dự trữ.

Tôi bỗng nhớ đến 2 điều thắc mắc còn sót, cũng nhân lúc vui chuyện mà hỏi luôn, tuy có vẻ ngoài đề đôi chút.

(1) Viết đúng theo chánh tả của ngành này, vốn nằm trong tay người Hoa-kieu.

— Tôi và lắm khán-giả không hiểu sao lại có gian hàng « Sài-gòn thời-báo ».

— Đây là một trường-hợp đặc-biệt. Nhật-báo này tình-nguyện làm tiếng nói của công-kỹ-nghệ nước nhà, trong suốt thời chợ mở cửa. Cổ-động rộng rãi và đặc lực cho những sản-phẩm nội-hóa có thành-tích, có bảo-đảm, tưởng cũng được có một « chỗ ngồi » với... bà con nội-hóa, có phải không ông ?

Tôi toan đứng vậy, cáo từ, thì một ý thoáng qua hỏi thăm về đàn bà... nội hóa, đúng hơn là về cuộc thi «hoa hậu... nội hóa» không thành.

— Chúng tôi không được nhà cầm quyền hiểu dụng ý. Nhưng chúng tôi cũng không phân trần. Chúng tôi còn nhiều việc phải lo, và chánh phủ còn nhiều điều phải nghĩ. Ông xem đây, thông cáo của bộ Nội-vụ.

Tôi lướt qua... « có tính cách kích thích... có phương hại đến thuần phong mỹ tục v.v... và v. v... » Tôi cười : « Mấy ông này còn... đạo đức hơn những nhà đạo đức ! Thi hoa hậu ở xứ nào thì ngại và lo xa như thế rất phải : Những bông hoa biết nói ấy triển lãm những « tòa thiên nhiên » lồ lộ đến 90%, còn ở ta thì đâu có đến nỗi nào !

— Mỗi gian hàng chọn một hoa hậu, rồi ngày chọn hoa hậu của chợ Nội-hóa, chúng tôi sẽ chăm, không phải cái sắc của các cô các bà ấy, mà chăm *cách trình bày món hàng của nhà sản xuất*, do hoa hậu của gian hàng ấy giới thiệu. Nhưng mà thôi. Việc đã qua thì cho nó qua..

Còn tôi, thắc mắc đã không còn, thì tôi cho tôi được phép già từ ban Tổ chức vậy.

NGUYỄN-NGU-Í

★ THU - THỦY ★

Thanh - Niên Nhật

qua vài tác - phẩm văn - nghệ

NĂM 1955, giải Akutagawa là giải thưởng văn chương cao quý nhất ở Nhật được trao tặng cho Shintaro Ishihara, một tác giả mới vừa được hăm ba tuổi. Tác phẩm trúng giải là một quyển tiểu thuyết : *Một mùa dưới nắng* (1). Vai chính trong truyện là một sinh viên, vô địch quyền thuật, thích con gái cũng gần như thích võ, nghĩa là chỉ để thoả mãn những vui thú xác thịt, đem lại một số cảm giác hay hay vậy thôi. Chàng nhất ghét cái lối lẫn lộn vào đó những thứ tình cảm lồi thối như là ái tình. Chàng sở khanh ấy chim được một cô gái, thưởng thức trong một thời gian, rồi nhường lại cho anh mình để lấy một món tiền nho nhỏ. Cô con gái có thai. Chàng giải quyết : phá thai. Nhưng cô gái gặp rủi, chết. Đưa đám ma cô ta về, chàng ta cău quá vì vừa mất đi một thú tiêu khiển lâu nay chàng lấy làm khoái nhất ; chàng bực mình đập nát cái khuôn hình cô gái. Đập xong, tự dưng chàng thấy nước mắt mình chảy ròng ròng. Chàng thanh niên tức giận nghiến răng lại ; chàng không ngờ rằng mình lại xuống nước tới bậc đó ! lại có thể có một tâm trạng như thế ! Chàng vẫn nhất quyết chỉ biết có những khoái cảm xác thịt,

thế mà lần này chàng lại bất gặp mình xúc động vì tình cảm, hơn nữa vì ái tình, mới chết chứ ! Một thứ tình xảy đến lạ lùng như thế không phải là phủ nhận cả cái « triết lý » ích kỷ của chàng từ trước đến nay sao ? Không còn biết giải quyết ra sao sự mâu thuẫn ấy, cũng không biết kêu cứu vào đâu, tin vào cái gì, chàng thanh niên khốn khổ điên tiết lên vừa khóc vừa đâm bịch bịch vào quả punching-ball như một thằng điên.

Câu chuyện kết thúc như thế. Người ta kinh ngạc trước cái chủ nghĩa khoái lạc trắng trợn, và trước cái tâm lý ích kỷ đến tàn nhẫn của thể hệ thanh niên mà Ishihara là đại diện, cái thể hệ trưởng thành sau cuộc đại chiến thứ hai.

Năm 1958, giải Akutagawa lại cũng về tay một văn sĩ trẻ nữa, mới có hai mươi hai tuổi, tên là Kensaburo Ohe. Trong một quyển tiểu-thuyết nhan đề là *Kỷ nguyên chúng ta* (2), Ohe trình bày một phương diện khác trong đời sống tinh thần của thanh niên Nhật : đó là sự cô-đơn.

Vai chính trong truyện tên Yasuo, sinh-viên ban văn-học Pháp. Chàng sống với một cô nhân-tình-già vốn là đi chuyên-nghiệp, chỉ tiếp khách Mỹ. Chung chạ với

(1) *Une saison au soleil*, bản dịch tiếng Pháp của Kami Matsuo và Marcel Giuglaris, do Editions Julliard xuất bản năm 1958.

(2) *Notre ère*.

người đàn bà ấy, đối với chàng chỉ là một thói quen, chàng gần như không thấy có gì khoái-trá. Ngay trong những khi tiếp-xúc với cái thân-bình nhão-nhệt của chị ta, chàng vẫn lay hoay với mấy ý nghĩ quanh quẩn trong óc: « Thanh-niên Nhật ngày nay không có cái gì có thể gọi hẳn ra là « hy - vọng » : Danh từ đó chỉ là một danh từ trừu - tượng, vô nghĩa. Hồi tôi còn nhỏ, hồi đó có chiến - tranh. Trong cái thời kỳ oanh liệt và xa xôi ấy, thanh-niên có « hy-vọng ». Mắt họ trông thấy và miệng họ nói ra điều hy-vọng. Cái đó không còn nghi ngờ gì nữa. Có kẻ hy vọng thắng quân thù một cách vẻ-vang ; có kẻ hy vọng một khi hòa-bình trở lại có thể tìm về cái giảng đường yên tĩnh ngày xưa. Hy vọng, đó là danh từ của những người ngoài chiến trận, hồi hộp giữa sự giằng co của cái sống và cái chết. Và cũng chỉ giữa những người sống trong chiến-tranh mới có cái tình thân-thiết siết chặt những kẻ cùng một thể hệ với nhau. Còn bây giờ thì xung quanh chúng tôi chỉ còn có nghi-ky, ngờ-vực, kiêu-ngạo, khinh-bĩ. Thời kỳ hòa-bình chỉ là một kỷ nguyên nghi-ky, trong đó những con người cô-độc khinh-bĩ lẫn nhau. Hồi đi ! hy vọng, thân tình... Có bao giờ tôi được biết đến nó chăng ? Tôi sinh ra đời thế này là quá sớm hay là đã quá muộn mất rồi ? »

Tâm trạng của Yasuo có một tác động sinh lý lạ lùng khiến chàng không biết đến cả cái sung sướng bên cạnh đàn bà. Lần nào sau cuộc tiếp xúc mà người nhân tình bỏ đi ngay, để lại mình chàng nằm trơ trên giường, chàng có một cảm tưởng thoải mái tự-do. Lần nào sau đó người nhân-tình cứ chần chờ ôm - ấp chàng trong tay,

chàng cảm thấy mất tự - do. Cảm tưởng về tự-do của chàng là như thế.

Mà cái tự-do lan tràn trên nước Nhật phải chăng cũng chỉ là một tự-do theo kiểu ấy ? Yasuo tự bảo rằng dù đã mất đi hay có tìm lại được cái tự-do ấy cũng không còn kích thích nổi một cách mạnh mẽ tinh-thần thanh-niên Nhật. Thể-hệ này không sao rèn luyện được cái nghị-lực hoặc để cương-quyết chối từ tự-do, hoặc để chiến đấu bên vực tự-do. Chàng tự thấy mình cũng như bao nhiêu thanh-niên khác lớn lên và sẽ già đi trong sự nhu-nhược. Sức lực của mình là thứ sức lực hoàn-toàn vô ích, vô dụng. Đâu còn nữa thời kỳ oanh-liệt mà những người trẻ tuổi có thể hăng hái chiến-đấu trước khi nhắm mắt lia đời !

Yasuo đang mong mỏi được thoát-ly khỏi cái tình-trạng ấy thì vừa gặp dịp chàng được cấp một học bổng du-học ở Pháp. Chưa kịp lên đường, chàng tình cờ gặp một thanh - niên Bắc - Phi sang Nhật tuyên - truyền cho cuộc chiến - tranh giành độc-lập ở Algérie. Trong trí chàng người thanh - niên Bắc - Phi liêu thân trong cuộc tranh-đấu ấy gợi lại hình ảnh những con người của thời-kỳ oanh-liệt đã qua, thời-kỳ mà con người không bị cô-độc, siết tay nhau kết-đoàn chặt chẽ. Chàng có cảm tình với người bạn Bắc-Phi, bắt tay giúp đỡ anh ta. Nhưng chẳng bao lâu anh ta bị truy-tố và trục-xuất về tội sử-dụng giấy thông - hành giả. Tòa đại - sứ Pháp hỏi Yasuo, chàng công nhận có ủng-hộ Mặt trận Giải-phóng quốc-gia Algérie, thế là chàng bị rút giấy phép xuất-ngoại.

Trở về sống trong khung cảnh cũ, chàng lại bơ vơ cô-độc trong tháp ngà của mình.

Một người bạn đảng-viên Cộng-sản rủ chàng vào đảng : chàng đã gia-nhập được vào cuộc chiến-đấu của người bạn xa xôi kia, tại sao chàng lại không chiến-đấu vì lợi ích của chính xứ sở mình ? Trong khi người đảng-viên lý-luận, Yasuo buồn rầu nghĩ rằng : anh chàng này có một nhận định sai lầm về thực-trạng quanh mình. Yasuo hỏi bạn : « Có thực đường lối đảng của anh đáp ứng đúng nhu-cầu của hiện-trạng không ? Vào đảng có thật chắc chắn là không phải dẫn thân phục-vụ một mục-đích hư ảo viễn-vông chăng ? » Bị đập ngay chỗ yếu người bạn giận tái mặt, bởi vì chính anh ta cũng tự biết rằng sự thực mà mình đeo đuổi chẳng qua cũng là một ảo-tưởng.

Từ đó về sau Yasuo không còn cơ-hội nào thoát-ly khỏi sự cô-đơn của chàng nữa. Chàng muốn tự-tử mà không có gan tự-tử. Tác-phẩm kết-thúc bằng những câu chán nản : « Chúng ta biết rằng tự-tử là cử chỉ anh hùng duy nhất và không có gì ngăn cản chúng ta làm cử chỉ ấy. Tuy vậy chúng ta không có cái can đảm nhào đầu dưới bánh xe lửa. Bởi thế chúng ta cứ tiếp tục sống, tiếp-tục yêu đương, thù ghét, chung chạ với đàn bà, gia nhập các cuộc biểu tình chính-trị, tiếp-tục thối kê gian, tiếp-tục hưởng những công danh ở đời v.v... cho đến một ngày kia chúng ta bưng tỉnh và nhận thấy rằng những cơ-hội tự-tử vẫn rình dơi đợi chờ ta khắp nơi, chỉ cần ta có chút nghị-lực để chụp lấy nó. Nhưng mà đa số chúng ta không có đủ cái sức mạnh tinh-thần ấy và chúng ta đành tiếp-tục sống giữa vô-vạn cơ-hội tự-tử như thế. Đó, thời đại chúng ta là như thế ».

Đành rằng Ohé và Ishihara chưa phải

là tất cả thanh-niên Nhật, 2 quyển tiểu thuyết (dẫu là của những tác-giả được giải thưởng lớn) cũng chưa đủ tiêu-biểu cho mọi khuynh-hướng của một giai-đoạn văn-học ở một nước phong-phú như nước Nhật, nhưng không ai có thể phủ-nhận rằng các tác-phẩm được chú-ý và hoan-nghênh ấy tất phải phơi bày đúng ít nhất là một khía cạnh của nếp sống tinh-thần thể-hệ thanh-niên Nhật ngày nay.

Vì đâu mà họ đến nỗi thế ? Một nhà chính-trị, Takehiko Nishiyama, lần dò lịch-sử, thấy rằng trước thời kỳ phục hưng của Minh-Trị thiên-hoàng, nghĩa là trước 1868, đời sống tinh-thần của người dân Nhật dựa vào niềm tin-tưởng ở những nguyên lý của Khổng-giáo và Phật giáo. Từ thế-kỷ nọ sang thế kỷ kia những nguyên lý ấy thấm nhuần sâu xa vào tâm-hồn người Nhật, tạo ra những đặc-tính cổ-truyền mà người ta xem là có tính cách dân-tộc : khinh thường cái chết, tuyệt-đối tôn trọng kỷ-luật, tuân mệnh thượng cấp v.v... Những điều đó được xem là thiêng-liêng, không có người nào sống trong xã-hội mà dám có ý vượt ra ngoài đường lối xử thế chung đã được toàn thể dân-tộc chấp-nhận từ mấy trăm năm rồi.

Cuộc cách-mạnh của Minh-Trị thiêng-hoàng chẳng qua chỉ thay đổi bộ mặt chính-trị của nước Nhật chứ không ảnh hưởng quan trọng đến nếp sống tinh thần. Những nguyên-tắc đạo-lý gì trước đã xem là thiêng-liêng thì sau đó vẫn được kính trọng coi như bất-khả xâm-phạm. Trong giai-đoạn này người ta còn đề cao nguồn gốc truyền kỳ của Nhật hoàng để gây lòng kiêu-bãnh cho dân-tộc, lòng tin-tưởng không bờ bến

và sự phục-tùng triệt-để đối với Nhật hoàng. Say - sưa trong công cuộc canh-tân nước nhà và hăng-hái trong các cuộc chiến - tranh với nước này nước nọ, người Nhật càng siết chặt hàng-ngũ xung quanh sự tôn xưng vị hoàng-đế của họ. Trong cuộc chiến thứ hai biết bao nhiều thanh niên sẵn sàng hy sinh tính mệnh cho cái mà họ xem là lý tưởng cao đẹp, thiêng liêng.

Nhưng rồi nước Nhật đã bại trận. Sau tháng 8 năm 1945 bắt đầu cuộc khủng hoảng tinh - thần. Cuộc chiến - tranh do Nhật-hoàng chủ-trương và lãnh-đạo mà vẫn đưa đến thất bại, như thế còn đâu là sự sáng suốt và khả-năng thần-thánh của Nhật-hoàng? Nhật-hoàng mất uy tín. Người Nhật mất một niềm tin, một chỗ nương tựa tinh-thần. Mặt khác, những lý-thuyết dân-chủ từ Tây-phương đưa tới cũng không thể lấp cái khoảng trống trong lòng trên kia được, vì giữa lý-tưởng dân-chủ trong sách vở với thực tại xã-hội ở nước Nhật có sự cách biệt khá xa làm cho thanh-niên càng

chán ngán kinh thường lý - thuyết, càng thất vọng. Lớp người trẻ tuổi, lớn lên trong sự khốn cùng của chiến-tranh, trong cảnh lương đảo của chợ đen, họ đã từng phải lừa gạt nhà chức-trách để kiếm lấy chút ít thực phẩm khan hiếm... lớp người ấy tất sinh ra ngờ vực lẫn nhau, tất ích-kỷ, cô đơn. Không còn tin ở Nhật-hoàng thiêng-liêng, ở vận-mệnh dân-tộc, ở lý - tưởng dân-chủ... họ chỉ còn « tin » được vào những cảm-giác của ngũ quan, vào quyền hưởng thụ ích-kỷ của họ.

Tình cảnh của họ hiện còn đen tối như vậy lâu dài chăng? Họ sẽ tìm lối thoát ở đâu? Takehiko Nishiyama, một chính-khách Nhật, mong đợi sự phục hồi những giá-trị tinh hoa cổ-truyền và vinh - cửu của dân-tộc, ông cũng mong đợi những Albert Camus của Nhật, vạch ra từ hoang mang thất vọng một con đường hy-vọng, tin tưởng vào cuộc sống.

THU-THỦY

(theo Takehiko Nishiyama)
tạp-chí France Asie số 164
tháng 11-12 năm 1960.



★ NHÂN-THỂ ★

Trả lời ông Thu - Giang

Trên mục « Qua các hàng sách » ở tạp chí Bách-khoa số 96, dưới nhan đề « Triết lý và cuộc đời », tôi có nhận xét sơ lược về quyển sách « Một nghệ thuật sống » của ông Thu-Giang Nguyễn-duy-Cần. Cũng trên tạp chí này, số xuân Tân sửu, ông Thu-Giang có bài trả lời tôi.

Bài « Trả lời... » có ba phần. Bắt đầu ông Thu-giang bảo rằng lẽ ra ông không cần biện bạch dài dòng với tôi, vì tôi theo nhị nguyên (?) mà ông thì theo tam nguyên, có biện bạch cũng vô ích.

Tôi vốn thực là một kẻ độc giả tầm thường, nhân đạo qua các hành sách, phát

biểu một ít cảm tưởng về quyền này quyền kia mà thôi, nên bỗng dưng được một nhà triết học như ông Thu-Giang xem mình cũng có một khuynh hướng triết lý hẳn hoi, thì dù có thua ông một « nguyên » (tôi 2 mà ông 3) đáng lẽ cũng coi là một vinh-dự cho mình. Vậy thì « lẽ ra » tôi không nên biện bạch, nhưng khi đọc tiếp quan niệm của ông về những người nhị nguyên, tôi bèn rưng rờ, đành phải biện bạch.

Ông Thu-Giang bảo tôi : « Ông là người không thể quan niệm rằng trong đời này còn có cái Phải nào ngoài cái Phải theo ông quan niệm, và người ta không thể nào vượt lên trên sự Phải Quấy của ông để suy nghĩ khác được.» Ông Thu-giang lại bảo « *Kẻ nào nghĩ như ta là bạn của ta, kẻ nào nghĩ khác ta là thù của ta.* Ấu cũng là cái lối suy nghĩ chung của những người suy nghĩ theo nhị nguyên vậy.» Khổ cho tôi ! Phải chi ông Thu-Giang chịu dẫn lấy một đời lời trong bài phê bình của tôi thì hoặc may ra tôi hiểu được sự chỉ trích nghiêm khắc của ông, hoặc tôi có thể khiêu nại về sự *cắt xén đoạn mạch* làm sai ý mình. Đáng này, ông chỉ hạ một lời phán quyết mà không thêm viện dẫn chứng cứ khiến tôi hết sức phân vân. Tôi đã soát lại lời lẽ của mình, vẫn chẳng tìm đâu cho thấy cái chỗ chê ông Thu-Giang là quấy, coi ông Thu-Giang là thù. Chẳng lẽ bây giờ tôi lại đi đổ ông tìm ra ?

Sự thực bản ý của tôi trong bài nhận xét trên tạp chí Bách-Khoa số 96 là cho rằng cái triết lý của ông Thu-Giang đem ra truyền bá, hay dở không nói đến, chỉ biết trong hoàn cảnh chúng ta đang sống, khó mà đem ứng dụng được. Triết lý của ông Thu-Giang chủ trương không chọn lựa, không

thiên bản về một bên nào cả giữa Thiện Ác, Phải Quấy..., chủ trương không phản động lại cái làm, không lấy cái Phải trừ cái Quấy..., chủ trương không hăm hờ ham muốn, kể cả ham muốn văn minh tiến bộ. Trong lúc ấy cuộc sống thực tế ngày nay đòi chúng ta phải có sự chọn lựa dứt khoát, phải thiên hẳn về bên Thiện, bên Phải, xa hẳn bên Ác, bên Quấy, không nên có sự ăm ớ lưng chừng, đòi chúng ta phải phản-động lại cái làm một cách mạnh mẽ, phải lấy cái phải mà trừ tuyệt cái quấy, nếu không thì cái quấy nó chẳng dung tha cho cái phải đâu, đòi chúng ta hăm hờ cố gắng học lấy kỹ thuật văn minh cơ giới để thoát khỏi tình trạng chậm tiến. Tôi chỉ có ý nói như thế !

Cho rằng ông Thu-Giang quấy, và thù ông Thu-Giang là một việc. Còn cho rằng tư tưởng ông Thu-Giang khó đem ra ứng dụng, đó là việc khác chứ. Không phản động lại cái làm, không trừ cái quấy, ấy có thể là chủ trương rất bậy rất sai, cũng có thể là chủ trương rất hay rất phải, tôi chỉ tiếc là theo sự nhận định thô thiển của mình thì lúc này dù sai dù đúng chủ trương ấy không dễ gì theo được mà thôi. Tôi tin giá ông Thu-Giang đọc lời tôi vào một lúc thực bình tâm thể nào ông cũng thấy rõ ý tôi như thế. Ngay ở cái nhan đề bài văn tôi đã nêu rõ dụng ý chỉ là đối chiếu một triết lý với hoàn cảnh cuộc đời hiện nay mà thôi. Suốt trong bài văn, tôi lại nhiều lần nhắc cái ý ấy, như ở các đoạn : « Nhà văn Việt-Nam trình bày... trên mây trên gió » (trang 51), « Quan niệm của ông Thu-Giang... làm triết lý » (trang 53), « Thế nhưng người thường chúng ta... hòa nhịp với trào lưu thế giới » (trang 54).

Rõ ràng tôi chỉ trách học thuyết của ông nó quá cao siêu, chứ không hề chê nó quấy, liệu như thế tôi có còn là người nhị nguyên nữa chăng? Bởi vì thú thực tôi thấy không có gì thâm hại cho bằng hình ảnh một người nhị nguyên bên cạnh một người tam nguyên như ông Thu-Giang. Cứ theo mấy lời đầu bài trả lời của ông, độc giả hẳn đã nhận rằng người nhị nguyên không như hẹp bởi cố chấp như thế n.ô, mà lại có vẻ gàn gàn kỳ cục quá quác nữa: người ta vừa mới nghi khác mình đã vội cho người ta là thù ngay! Ở một đoạn sau, ông Thu-Giang lại nói: « Tôi cảm thấy tự mình bất lực nói lên được những gì mình có thể cảm được vì những danh từ hạn định của con người, trong giới nhị nguyên ». Như thế « tôi » tam nguyên đây hẳn cần sử dụng đến một thứ danh-từ không hạn định của không phải con người, và chắc chắn là cao hơn của con người lắm lắm. Người ta đoán giới tam-nguyên có lẽ tựa như là tiên giới vậy. Bởi vậy cho nên chỉ phác qua một sự minh định vị-trí đôi bên, ông Thu-Giang đã đặt ra sự cách biệt một trời một vực giữa tôi và ông, làm tôi những cảm thấy rợn ngợp mà ngại ngừng trong sự đối đáp.

Thế nhưng tôi vẫn tin ở một sự thông-cảm con con giữa giới nhị-nguyên và giới tam-nguyên. Sở là khi nói triết-lý của ông Thu-Giang khó theo, tôi có đưa ra trường-hợp phải chống sự hành hung của kẻ quấy ở nước ta, trường-hợp phải chống quấy ở Algérie, ở Congo, trường-hợp Mỹ Nga v.v... Có thể ông Thu-Giang cho rằng ở những nơi ấy chống quấy tích-cực ác-liệt tại vì người ta chưa tìm ra biện-pháp hợp với đạo-lý. Như vậy tôi xin phép dẫn một thí dụ gần hơn: Tôi vừa mới có một ít

nhận xét về tác-phẩm của ông mà ông cho là những nhận xét sai quấy, ấy thế là trong bài « Trả lời... » của ông đã có những câu trách mắng thậm tệ và những lời mỉa mai chua chát. Đó, ông xem! Cách phản ứng chống quấy của chính ngay một người tam-nguyên như ông xem ra cũng mạnh mẽ đấy chứ. Ông thiên mạnh về lẽ phải (của ông, cố nhiên) như thế hẳn là vượt quá một hào ly, ông không sợ « làm cho Trời Đất chia phân » sao? Bởi thế cho nên điều phải quấy đến hôm nay tôi vẫn chưa dám bàn đến, song tôi cứ tiếp tục tin rằng ứng dụng triết-lý của ông rất khó, và tôi lại tin rằng ông chính là người đầu tiên thông-cảm nỗi khó khăn ấy, mặc dù có sự cách biệt giữa kẻ tiên người tục.

* *

Qua phần thứ hai, sau khi đã toan không cần biện-bạch, ông Thu-Giang lại quyết-định biện-bạch, là vì ông cho tôi *cắt xén đoạn mạch* bài văn của ông, bắt ông nói những gì ông không có nói.

Những gì đó gồm hai điểm. Điểm thứ nhất là về quan-niệm của ông Thu-Giang đối với văn-minh cơ-giới. Tôi nghĩ rằng ông không có thiện-cảm đối với cái văn-minh ấy, điều đó tôi thấy được ở trong phần phụ lục của tác phẩm. Ông Thu-Giang bảo rằng phần phụ lục không phải chỉ có chuyên vạch cái hại của văn minh cơ giới mà cũng trình bày cái lợi của nó nữa, mục đích « là để chứng minh cái luật quân bình của vũ trụ ».

Tôi nghĩ một đường, ông Thu-Giang bảo một lối, nguyên do là thế này. Bài nhận xét của tôi chia làm hai phần rõ

rệt. Từ đầu đến chỗ có đánh dấu ngôi sao lớn (trang 53), tôi tóm tắt triết lý của ông Thu-Giang, theo sự lãnh hội của tôi. Phần thứ hai có hai đoạn: một đoạn ghi vài nhận xét về nội dung tác phẩm (đến chỗ có ba dấu ngôi sao nhỏ), một đoạn nữa nhận xét về hình thức, về cách viết của tác giả. Trong phần tóm lược tôi cố gắng tổng kết tư tưởng mà tác giả đã phô diễn trong toàn thể tác phẩm mà không chia ra tư tưởng nào ở chương nào. Lẽ dĩ nhiên tư tưởng về luật quân bình của vũ trụ ở phần phụ lục cũng có tóm lược trong đó rồi. Đến phần nhận xét, nói về quan niệm đối với văn minh của ông, tôi nhắc đến phần phụ lục là chỉ có ý nêu chỗ xuất xứ của nó, chứ cố nhiên không phải lại là tóm tắt cả tư tưởng của phần phụ lục nữa. Như vậy theo sự phân chia trong bài văn tôi đâu có phần nói riêng về phụ lục và phần chung cho các chương khác. Tôi đâu có « cố ý » làm cho độc giả Bách khoa tưởng rằng suốt phần phụ lục của ông chỉ có một mục đích là chống đối văn minh cơ giới để mà chống đối. Bảo rằng ở « trong phần phụ lục ông còn vạch ra... » và bảo « suốt cả phần phụ lục ông chỉ có một mục đích... ». hai cách nói đó khác nhau. Nếu có lẫn lộn, e lại có sự « cố ý » chăng? Dù sao nếu có vị độc giả nào hiểu lầm thì tôi cũng xin quý vị chú ý đến sự đính chính cẩn thận của ông Thu-Giang.

Đó là về chuyện cố ý cũng không cố ý. Còn như về chuyện ông Thu-Giang đối với nền văn minh cơ giới, thì thực tình tôi vẫn thấy ông không

được niềm nở với nó. Quả thực ông Thu-Giang có nêu cả cái lợi và cái hại của nó để rớt cuộc chứng minh cái lẽ quân bình vũ trụ. Nhưng ông nêu cái hay trong 13 giòng rồi ông kể cái hại trong ngót 80 giòng, ông nêu cái hay trước rồi ông kể dở để bẻ lại sau, ông dư rõ rằng sự lập luận như thế có tác dụng như thế nào. Ông biết người đời vốn ham văn - minh, ông bảo nó hay đấy mà nó cũng dở lắm đấy; như thế người đời đoán ý ông không mấy gì tra nó, không đúng sao? Nếu đoán ông qua cách lập luận chỗ ngắn chỗ dài ý sau ý trước như thế chưa đủ rõ thì tôi xin dẫn thêm vài câu nói của ông trong cùng tác phẩm ấy để suy - nghĩ thêm. « Trong cái xã-hội tôn thờ « văn-minh tiến - bộ » thì những chữ nhân nghĩa toàn là giả dối cả. » (trang 25). « Khoa-học ngày nay đã cung-phụng và thỏa mãn người người đủ mọi nhu-cầu, thế đã đưa lại hạnh - phúc cho họ được chưa, hay chỉ tạo thêm sự thêm muốn liên miên, dục-vọng con người càng ngày càng thêm ác liệt? » (trang 34). Lại nếu e những câu ấy cũng không chứng tỏ rằng ông ít chuộng cái văn-minh này theo như tôi đoán thì đó chẳng qua là vì lời kẻ tam nguyên nói mà trí kẻ nhị nguyên hiểu không hợp nhau đấy thôi, xin ông đừng kết tội lẫn nữa rằng tôi cố tình xuyên tạc.

Duy có điều phần phụ lục của ông cốt nói về cái lẽ quân bình vũ-trụ, lẽ ra có nói thì tôi chỉ nên nói đến chỗ chính yếu đó thôi, chứ không nên nói tới cái sự yêu hay ghét văn-minh cơ-giới là điều thứ yếu, là điều chỉ đoán qua hơi hám hành văn của ông. Ông trách thế tôi chịu. Nhưng thực ra chỗ chính yếu tức là việc quân bình giữa

Phải Quấy, Lợi Hại, Thiện Ác... tôi đã có đề cập tới trong đoạn nhận xét trên rồi, chứ không có khinh chính mà trọng thứ.

*
* *

Điểm thứ hai về việc *cắt xén đoạn mạch* mà ông cho là điểm quan-trọng nhất, ấy là thuộc về chuyện « con chiên ăn cỏ ».

Trong bài nhận xét, tôi có nhắc đến sự vi von của ông Thu-Giang hai lần : một lần để nói về nội-dung tác-phẩm, một lần nữa để nói về cách hành văn của tác-giả. Về nội dung, nếu tôi theo lời ông Thu-Giang nói : « . . . ta hãy dùng lông nó, không cần phải để ý nó ăn cỏ nơi đâu ? » nghĩa là đọc sách của ông Thu-Giang hãy cứ xem như tiếp nhận tư tưởng của ông Thu - Giang, không cần biết tư - tưởng ấy do nguồn-gốc nào, nếu tôi nghe theo lời ấy, tất nhiên phải có lời phê bình cái triết lý trong sách. Điều đó tôi không muốn. Vì tôi nhận thấy ông Thu-Giang phổ diễn học thuyết Lão-Trang, mà phê bình học thuyết Lão-Trang là điều đã có quá nhiều các vị lỗi lạc làm rồi, tôi xét mình không sẵn sàng để ông thêm vào cuộc đấu lý thuyết ấy. Do đó tôi bèn xin nêu ra cái chỗ chiên ăn cỏ là có ý nói : nếu thực cái mới riêng của Thu-Giang thì đáng bàn luận, nhưng đây là chuyện cũ nghìn đời của Lão-Trang, vậy xin miễn kéo dài cuộc luận bàn. Ý tôi chỉ có thể, tôi đã nói rõ là « không có ý cho rằng chiên không tiêu hóa được cỏ, rằng cỏ đã mọc thay lông ». Rõ ràng tôi chẳng chê trách gì ông cả.

Còn về phần hình thức, về cách thức biên soạn của tác giả, nếu cũng nghĩ tới câu « chiên ăn cỏ » thì chắc không cứ gì tôi, ai cũng phải

trách ông Thu-Giang. Ông bảo đọc giả đừng nghĩ tới cỏ, nhưng ông có đưa toàn lông ra đâu : nhiều chỗ trong tác phẩm ông dẫn hẳn những sách mà ông đã đọc ra, ông đưa nguyên chất-liệu không chế hóa ra, thế bảo rằng ông cẩn thận thì ai cũng chịu, nhưng cứ cái rằng ông đã chế hóa rồi thì ai mà chịu được. Những câu cách ngôn, những truyện ngụ ngôn của người này người kia mà ông Thu-Giang dịch ra in vào sách mình ấy cũng « biến hóa khí chất » cả rồi sao ? Đâu có chuyện lạ vậy ?

Trong bài « Trả lời... » ông Thu-Giang viện lẽ « người ta không phải là bộ máy thu thanh, thu vào cái chi thì phát ra y cái đó không chút thay đổi » để thanh minh về chuyện vi von của mình. Như vậy thì ai ai cũng thế chứ có riêng gì ông Thu-Giang mà phải đem vi von ấy gán cho riêng mình. Tôi nghĩ việc chế hóa lông phải chỉ định một tính cách sáng tạo, chế hoá nào quan trọng hơn một một chút. Về phần tôi chẳng hạn, trong bài nhận xét về quyển *Một nghệ thuật sống* của ông Thu-Giang, tôi cũng có một phần trình bày lại học thuyết ông theo sự hiểu biết của mình, lẽ dĩ nhiên trong đó sao khởi có ít nhiều thay đổi ; nhưng giá có ai cho đó là *cỏ Thu-Giang* đã hóa lông *Nhân - thế* thì tôi sẽ lấy làm thẹn thường vô cùng, đến nỗi có thể nghĩ rằng kẻ đó « xỏ » mình. Vì thế tôi tưởng sau khi đã có bao nhiêu là sách tự xưng hẳn ra là khảo về học thuyết Trang-tử, triết lý Lão-tử v.v... (dĩ nhiên vẫn « phát ra » học thuyết triết lý ấy với chút ít thay đổi theo nhận-định của mỗi tác-giả), nay có một tác-phẩm mà nhan đề không chút dính líu đến Lão-Trang, lại nêu ngay ở đầu cái nguyên-tắc « biến hóa khí chất » thì ta có

quyền chờ trong tác-phẩm đó phần sáng tạo nhiều hơn chứ. Hướng chỉ về phần nội dung tôi chưa kịp nói lên sự thất vọng về điểm ấy mà đã bị ông Thu-Giang phản-nản.

Ông Thu-Giang máng tôi trích không trọn vẹn. Văn trọn của ông thế này : « Con chiên ăn cỏ mà được bộ lông mượt đẹp... ta hãy dùng lông nó, không cần phải để ý nó đã ăn cỏ ở đâu ? Cây cối sần sờ bông trái, ta hãy ăn trái ngắm hoa đừng để ý hơi ngọn সুئی đã thấm nhuần nuôi nắng nó. Đọc quyển sách này, các bạn cũng không cần phải để ý đến những lý thuyết tư tưởng nào đã giúp nó đem hoa kết quả. Nhưng học thuyết đã giúp nó sanh thành đối với tác-giả nó, cũng như cỏ đối với chiên, nước đối với hoa... đã bị biến hóa khí chất. Tìm nó vô ích vì nó không còn nguyên vẹn bản chất của nó nữa. » Ông nói tiếp « Câu ví của tôi trên đây, cỏ đối với chiên, nước đối với hoa, tư tưởng cỏ nhân đối với tác giả, liên tục nhau thành một khối nhất quán, không thể rời nhau được vậy mà ông Nhân thế lại dụng tâm cắt xén văn mạch đi... »

Tôi lại nghĩ rằng đã nêu lên việc ví cỏ với lông chiên thì ai cũng thấy rõ ràng việc ví tư tưởng cỏ nhân với tác giả, và đã nói đến việc ăn cỏ mọc ra lông chiên thì trong đó rõ cái ý nói về biến hóa khí chất rồi. Đã nói cỏ với lông chiên, lại nói thêm nước với hoa, đã nói cỏ hóa lông, lại nói thêm về sự biến hóa, cái đó tùy sở thích hành văn của tác giả muốn dài dòng bao nhiêu cũng được, nhưng người trích văn cốt vẫn tắt. Tôi cho những ví von liên tiếp của ông Thu-Giang chỉ lặp nhau chứ không bổ túc gì cho nhau, không thành ra một « khối nhất quán » đến nỗi không thể rời nhau nên tôi chỉ

chọn trích lấy một chuyện chiên ăn cỏ và cho là đủ ý. Ngờ đâu làm như vậy tôi đã phạm đến « điểm quan trọng nhất » trong tội « cắt xén đoạn mạch » !

Đến phần chót của bài « Trả lời... », ông Thu-Giang giải đáp cái thắc mắc về cách ngôn của ông T. G.

Nguyên là trong sách *Một nghệ thuật sống*, lẫn trong những ngụ ngôn cách ngôn của cổ nhân, có lời của một kẻ ký tác T.G. mà tôi phân vân không rõ là ai, nên có hỏi thăm xem có phải là cổ nhân đó chăng. Ông Thu-Giang bèn cho biết nhiều điều : nào là cái « thâm ý » dùng cách ngôn để tóm tắt tất cả những gì đã bàn trong sách (cái ý-sâu đó theo chỗ thấy biết hẹp hòi của tôi thì ít người có, vả cách tóm tắt một tác phẩm như thế không lấy gì làm phân minh giản dị), nào là cái óc rộng rãi không phân biệt kim cỏ của ông, nào là quan niệm « bất thượng hiền bất khinh ngu » của ông. Nhưng rốt cuộc sau bấy nhiêu ý kiến biện giải hùng hồn của ông Thu-Giang, tôi vẫn phải thú nhận là chưa được biết người « kim » kẻ « ngu » nọ là ai, tên gì.

Cuối cùng tôi đành tự an ủi bằng một ức đoán mơ hồ : chắc hẳn người nọ không có liên hệ gì với tác giả. Sở dĩ dám đoán thế là vì : *Cách ngôn* theo *Từ điển Việt-Nam* của Thanh-Nghị là « lời nói làm khuôn phép », theo *Hán-Việt từ điển* của Đào-duy-Anh thì là « lời nói có thể dùng làm phép tắc được ». Dẫu hai ông Thanh-Nghị và Đào-duy-Anh không phải là danh nhân thế giới, nhưng lời nói hiệp nhau thì cũng tạm tin được, vậy lẽ nào ông Thu-Giang hoặc dẫn lời kẻ « ngu » ra làm cách ngôn, hoặc dẫn lời một kẻ có ít nhiều liên

hệ thân thuộc với mình chẳng hạn ra làm cách ngôn mà chẳng ngại ngần e thẹn. Và lại nếu cái ý xáo trộn hiền ngu ngang nhau mà xuất tự kẻ hiền thì thật là đáng phục, còn như kẻ ngu tự mình không muốn phân biệt với người hiền thì quan niệm đó có gì đáng khoe đâu ! Ông Thu-Giang đã mang ra khoe tất nhiên ông không phải là kẻ đó.

Cũng trong phần chót này, ông Thu-Giang đã « nói nhỏ » cùng tôi một điều quan hệ, cho tôi biết những kẻ mới vừa chết với những kẻ còn sống không thể gọi được là cổ nhân. Chỗ này tôi phải lấy làm cảm tạ ông Thu-Giang và xin thành thực nhận sự sai lầm của mình. Ông còn ngờ có lẽ tôi không biết đến những danh nhân như Krishnamurti. Quả tình tôi biết ít danh nhân hơn ông Thu-Giang nhiều lắm, điều ấy không còn nghi ngờ gì nữa. Và đó thật là điều thiệt hại cho tôi rõ rệt. Cứ xem như ông Thu-Giang dùng lời của Gustave Rudler nhắc tôi có *thủ đoạn thô thiển và bất lương* thì rõ, làm như thế ông Thu-Giang vẫn cứ có thể giữ được thái độ hòa nhã thanh tao như thường, có hề gì đâu, trong khi vị danh nhân được ông biết đến kia bỗng hóa ra tay chửi mướn không công. Sự vận dụng tài tình như thế, vì hiểu biết danh nhân ít ỏi, tôi đâu có làm được.

*
* *

Trở lên chỉ là những điều tôi đáp lại các điểm bị ông Thu-Giang trách về lý. Ngoài ra trong bài văn của ông có chỗ

nhận xét nghiêm khắc về người, chẳng hạn như « *thủ đoạn bất lương* » nói trên, nhưng về chỗ ấy thì tôi cho rằng không có gì để trả lời. Tôi vốn thường nghĩ nhận xét được một người thật khó. Lại lấy vài cái thí dụ gần gũi : Nghe một câu nói : « Đó là cái khôn của thiên hạ ngày nay. Nhưng đó chỉ là cái khôn vật, chưa phải là cái thật khôn » (1), kẻ nông nổi làm sao chẳng vội cho rằng dám nói thiên hạ đều là khôn vật, thật rõ là tay phách lối ? Nhưng không ! nói thế là làm to ! Câu nói đó chính là của ông Thu-Giang. Mà ông Thu-Giang thì rất là « *rụt rè, khiêm tốn* » theo như ông đã tự nhận trong bài « *Trả lời* ». Lại như nghe có người giới thiệu ra ông này là danh nhân thế giới, ông kia cũng là danh nhân thế giới, rồi tiếp đó bảo rằng ấy là bạn của mình tất cả ; kẻ vội vàng làm sao chẳng kêu lên là tay dóc tổ ? Nhưng không ! kêu thế lại cũng là làm to ! Vì làm như thế chính là cách ông Thu-Giang đã làm đối với Carlo Suarès và Ram Linszen. Mà ông Thu-Giang thì dĩ nhiên vẫn rất là « *rụt rè, khiêm tốn* » như ông tự nhận.

Đó, sự khó khăn trong việc xét người là như thế. Cho nên tôi chỉ biện bạch về những ý kiến bị ngộ nhận của mình mà thôi, còn phần nhận xét về người (về các đức tính của tôi cũng như của chính ông) thì cứ để một mình ông Thu-Giang tự do xét đoán theo ý ông ra thế nào cũng chịu vậy.

NNÂN-THẾ

(1) Một nghệ thuật sống của Thu-Giang, trang...



QUA CÁC HÀNG SÁCH

ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG

Tác giả : VÕ PHIẾN

Nhà xuất bản : Nguyễn-Đình-Vượng 1961

Đầu năm 1961, nhà xuất-bản Nguyễn-Đình-Vượng đã cho phát-hành *Đêm xuân trăng sáng*, tập truyện ngắn thứ tư của nhà văn Võ-Phiến. Sách dày 370 trang, bìa in hai màu với một hình vẽ vừa buồn cười vừa xa lạ đối với cái tên tác-giả. Cho đến cái hình ảnh *con vượn* để làm dấu hiệu cho nhà xuất-bản cũng khiến người ta ngạc-ngạc, tự hỏi có ý nghĩa gì? Chắc rằng hình vẽ cũng không có chút tương-quan với tên của nhà xuất-bản vì tên ông này có một chữ *g* khá dài đằng sau, trong khi *con vượn* lại chẳng hẳn hạp có chiếc đuôi ấy. Ngoài cái trình-độ họa-sĩ không rõ ở cấp học nào mà có những nét kỳ-khôi đến thế, người ta còn phải khổ tâm về sự hỗn-hợp khó chịu của hai lối chữ trong cái tên đề tác-phẩm, một lối tự-do vụng về và lối cổ-diễn thô-kệch.

Vào trong tác-phẩm người ta lại càng phiền lòng khi chẳng tìm được mục-lục. Cái điều kiện tối thiểu và tối cần của một tác-phẩm đã thiếu, một sự sơ-sốt khó lòng tha thứ cho một công-trình qui-mô như thế.

Quả vậy, *Đêm xuân trăng sáng* là tập truyện ngắn qui-mô hơn hết, không những đối với công-trình đã có của chính tác-giả mà còn đối với tất cả tác-phẩm truyện ngắn xuất hiện từ mấy năm nay. Sự qui-mô ấy không những ở các bề dày tác-phẩm mà chính là ở nội-dung phong-phú của người cầm bút.

Toàn tập gồm 8 truyện ngắn : *Lẽ sống*, *Tâm hồn*, *Anh em*, *Đêm xuân trăng sáng*, *Thị thành*, *Thác đổ sau nhà*, *Về một xóm quê*, *Tuổi thơ đã mất*. Tám truyện ngắn này đều nói lên được cái quan sát tinh-tế của tác giả đối với con người, chứng nhận cái giá trị nghiên cứu tâm hồn nhân vật của tác giả hết sức công phu sâu sắc. Văn học là khoa-học về con người, và Võ-Phiến thật là có đủ bản-sắc của một con người văn-học chân-chính. Tất cả nề-nếp sinh hoạt, cảm nghĩ, tất cả diễn biến tâm-tình, va chạm nội-tại đều được ghi-nhận một cách kỹ-lưỡng và diễn đạt bằng một nghệ-thuật uyển-chuyển, linh-hoạt khác-thường.

Điều nổi bật ở trong tác-phẩm Võ-Phiến là sự xây-dựng nhân-vật. Tác-giả tìm hiểu con người với sự chi-ly, cẩn trọng của nhà khoa học và độc-giả thấy được đường đi nước bước của người cầm bút trong cả quá trình tổ-chức, thể hiện gian-lao. Võ-Phiến muốn đạt đến cái yêu cầu cao nhất của mọi người làm văn-nghệ là xây-dựng nên con người điển hình, cho nên những nhân vật chính ở trong bất cứ truyện nào của ông cũng nói lên được một hạng người, một loại người hết sức tiêu biểu.

Tác giả nghiêng hẳn về mặt tâm-tình và dừng khá lâu ở các chi tiết làm nên sự sống nhân-vật, do đó động tác câu chuyện phần nhiều diễn tiến rất mực

khoan thai, phục-vụ cho cái nội-tâm nhân vật hơn là cho những sự-việc ngoài đời. Tuy vậy, tâm-tình ở trong truyện ngắn Võ-Phiến là những sự kiện hết sức cụ thể, do đó có nhiều tính-chất thời-đại đặc-biệt.

Khác hẳn với những tác phẩm trước của tác giả, *Đêm xuân trăng sáng* còn có tính chất quái đản, hoang đường biểu hiện qua truyện *Anh em*, *Đêm xuân trăng sáng*, *Tubi thơ đã mất*. Tính chất hoang đường, quái đản ấy vừa là biểu hiện khía cạnh độc-đáo của tác giả cả về kỹ-thuật cũng như nội-dung. Võ-Phiến nhiều khi tự dẫn mình đi trong những cảm-giác miên man, những cảm giác quá đời mong manh, tế nhị đến thành phức-tạp mơ-hồ nên phải chọn lấy hình-thức biểu hiện như thế mới mong dài bày sự-thực. Ngoài cái hiện tượng ma quái trong truyện *Anh em* chỉ có giá trị của một tình tiết để làm gia-vị cho một khung cảnh và để gây cái dư-âm ghê-tởm, khiếp hãi vốn là phản-ứng của chính tác giả đối với một giai đoạn sống đã qua, tính chất hoang đường thiên về mộng-lung, phiêu - diêu của truyện *Đêm Xuân trăng sáng* chỉ là một cách biểu hiện tâm-tình rất mực tế-nhị. Nhưng đến *Tubi thơ đã mất*, tác-giả mới thực tận-dụng khía cạnh quái đản để nói cho được tâm-tình luyến tiếc tuổi thơ qua cái hình ảnh già nua thấp thoáng ám ảnh tâm-hồn nhân-vật tên Bành vốn đã có nhiều mặc-cảm về sự héo hắt của mình. Chính cái kỹ-thuật tinh-vi của tác-giả làm cho nhiều người không quen với một đời sống nội-tâm phân tích, cảm thấy xa lạ, ngỡ ngàng. Nhưng chính đây lại là bản-sắc hết sức tiêu-biểu của tâm-hồn Võ-Phiến.

Nếu người ta không ngót mẩn - phục công-trình tác-giả trong sự xây dựng con người tiểu-thuyết với tất cả chu-đáo, tỉ mỉ của một tay thợ lành nghề có nhiều tài-

năng cũng như lương-tâm thì người ta có thể không cùng chia xẻ thái-độ tác-giả đối với cuộc đời. Võ-Phiến có một nụ cười hài hước tinh-tế, cay chua nhưng không bao giờ dẫn đến hằn học, phẫn-nộ bởi vì tác-giả tự xóa bỏ nó trước khi nó muốn biến thành hành động. Sự hài hước ấy sẵn sàng quá, rộng rãi quá đến thành mất cả khoan-dung, hầu như trong đời của các nhân-vật không còn những gì cao lớn, và chỉ là những thấp hèn. Cuộc đời do đó không chỉ là sự vô-lý mà còn là đáng buồn cười và đáng thương hại không biết chừng nào. Võ-Phiến không phải phản ứng bằng những suy-lý, nhưng bằng năng-lực tinh-cảm của người quần-chúng ngàn xưa pha phách ít nhiều chống đối của người trí-thức hiện-đại. Tác-giả là người hoài-nghi thường-trực bởi vì tác-giả sợ niềm tin-tưởng sẽ làm tiêu đi vốn liếng của mình. Tác-giả quen thuộc với những suy-tư riêng lẻ và những nhân-vật vì thế cũng bị gạt đi những cái phần gì thuộc về xã-hội góp nên cuộc sống rộng-rãi bên ngoài. Sự hoài-nghi cũng nói lên thái-độ bi-quan của tác-giả đối với cuộc đời cho nên tác-giả thích nói về đêm, thích nói về mưa, nhưng đêm là những sáng trăng huyền hoặc, và mưa là những cơn mưa rả rích, âm-thầm dai dẳng y như nỗi niềm ước ao vô tận của những đồn ép không nguôi, y như một mối tiếc-nuối của một năng - lực phản-ứng tự thấy có điều bất toại.

Võ-Phiến là một trong những cây bút sớm đạt đến sự điều-luyện hiện nay. Và dù không đồng ý với tác-giả về cái thái độ đối với con người, người đọc có thể thấy rằng tác giả đã giúp rất nhiều để ta rõ thêm bao nhiêu khía cạnh tâm hồn trong cuộc sống vô cùng phức-tạp.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được các tác phẩm sau đây :

- Miếng ngon Hà - Nội của Vũ - Bằng, Nam-Chí từng thư tái bản, do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách tái bản với một hình thức mới rất mỹ - thuật, có sửa đổi và kèm thêm mấy bài mới và một bản phụ lục.
- Le Hoa-Tiên do Nguyễn-huy-Tự (Hoa tiên ký điển-âm) (I và II) do ông Đur - Tân in lại bằng thạch bản tại Paris, gửi tặng.
- Việt - Nam danh nhân từ điển của Nguyễn-huyền-Anh, do Hội Văn-Hóa Bình-Dân xuất bản, tác giả gửi tặng. Tác giả đã sưu tập được trong vòng 1000 tiểu sử những bậc anh hùng hào kiệt, danh nhân, liệt nữ đã nêu gương đạo đức, tiết nghĩa, khí phách hiên ngang trải qua các thời đại của lịch sử Việt-Nam. Sách dày 382 trang, giá 90đ.
- Đêm xuân trăng sáng của Võ - Phiến, Nguyễn-đình-Vượng xuất bản, do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 372 trang giá 50đ.

- Giai phẩm Chu-văn-An Xuân Tân sưu do Ban Văn Nghệ Chu-văn-An biên soạn. Giai phẩm trình bày, trang nhã. Nội dung vui và hấp dẫn.
- Những lỗi thông thường trong thuật viết văn của Nguyễn-văn-Hân cơ sở Tự Do xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 186 trang. Chúng tôi trân trọng cảm ơn các tác giả, và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- Số ra mắt và số 1 tập san Mỹ thuật của Nha Mỹ-thuật Học vụ xuất bản, do Ông Lê-văn-Lâm làm chủ nhiệm. Tập san phát hành 2 tháng mỗi kỳ nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, trao đổi ý kiến về Hội-họa, Điêu khắc, Kiến trúc, Âm nhạc, kịch nghệ, Mỹ nghệ. Mỗi số giá 12đ.

Xin ân cần giới thiệu tập san Mỹ thuật cùng bạn đọc Bách - Khoa và trân trọng chúc bạn đọc vững tiến.

Chúc Mừng Năm Mới

HIỆU THUỐC ÂU - MỸ

« NANCY »

378, Đại-lộ Trần - Hưng - Đạo — Chợ - Lớn

Dược-sĩ LƯU - HỮU - DUNG

ĐÍNH CHÍNH

Trong BK số 94 bài Lá thư hải ngoại của *Trần-Văn-Khê*

- Trang 57 dòng 27 : áo đuôi tôm thay vì áo
- Trang 58 dòng 7 : ... nhạc Âu-châu, sau buổi ... (phết chớ không phải chấm, chữ sau s thường)
- Trang 59 dòng 35 thêm từ đầu 4 chữ : *Việt không có đàn*. Toàn câu là :
« Tôi nói rõ là trong truyền thống cổ nhạc Việt không có đàn tùy hứng theo một nhạc đề.
- Trang 60 dòng 24 : cũng có một cá tánh
- Trang 61 dòng 18 : sau chữ *nên*, thêm vào : họ làm việc công không và...
- Trang 62 dòng 30 : Việt nhạc tại hải ngoại.
- Dòng : 31 : còn *lch* lau xin sửa : còn *ít* lâu.



Trong BK số 97 (số Đặc-biệt đệ tứ chu niên) bài « Chuyện Làng » của Lưu-Kiểm trang 113 dòng 13, ấn công có bỏ sót đoạn in chữ nghiêng sau đây :

— « lòng ngực chúng tôi căng thẳng. Một cảm giác nặng nề và khó chịu mỗi lần phi cơ địch nhào xuống oanh tạc. Nhưng rồi chúng tôi cũng vẫn giữ vững được vị trí.

Mong các bạn thêm cho. Ngoài ra còn những lỗi sau mong các bạn sửa giùm :

Trang 114, dòng 25 :

« hân đã tỏ ra không can đảm ».

Xin đọc là « hân đã tỏ ra can đảm », dòng 29, « gió nay » xin đọc là « gió may »

Trang 118, dòng 21 :

« giường thương binh treo liền nhau », xin đọc là « kê liền nhau »

Trang 119, dòng 1 :

« trận địa chính » xin đọc là « trận địa chiến »



B. K. số Kỷ Niệm, « Lá thư hải ngoại » của Minh-Đức :

- Trang 109, dòng 16 : « người «chân đen», xin sửa : người Âu «chân đen».
- Trang 110, dòng 11 : « có những phim nào... », xin sửa « Nhưng có phim nào ».
- Trang 111, dòng 30 : « người Âu Châu đen », xin sửa : « người Âu chân đen »

Chúng tôi xin bạn đọc sửa giùm các lỗi trên

BÁCH-KHOA

Một quyển sách đã được dư-luận trong nước đặc biệt chú ý :

VĂN - HỌC VIỆT - NAM

VĂN-HỌC-SỬ — GIẢNG VĂN

cỦA PHẠM - VĂN - ĐIỀU



- Một tác-phẩm mở đầu trong « Tủ sách biên-khảo — Văn-khoa — Tân Việt ».
- Một cuốn sách vĩ-đại trong văn-học giới.
- Một thiên khảo-cứu và giản-bình về văn-học Việt-Nam mà ta có thể tự phụ từ năm mươi năm nay chưa có quyển nào đầy đủ tinh tường hơn.
- Một công-trình đã được học giới trong nước tán thưởng và hoan nghênh đặc-biệt :



Sách dày hơn 800 trang — Gồm 14 bức phụ bản quý giá —
Bìa bôn màu của Họa-sĩ Mai-Lân — Văn khảo chứng gồm hơn
20.000 chữ Hán và chữ Nôm — Loại thường giá 200\$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

235, Phan-Thanh-Giản — SÀI GÒN

BÓNG NGƯỜI XƯA

- Về thi và cuộc đời của Thi-sĩ Thần-Liên
- do Liên-Hoa Thi-hữu biên soạn
- Sách dày 350 trang — Trên 10 bức ảnh
- Có phần dịch Pháp-văn và Anh-văn.
- Giá ủng-hộ Thi-sĩ Thần-Liên thọ nạn :
 - Bìa giấy (loại phổ-thông) 120\$
 - Bìa da chữ mạ vàng (loại đặc-biệt ủng-hộ) 1 000\$.

Do nơi :

Saigon : Nhà sách Vĩnh-Bảo, 66t. Lê-ợi.

Tên-Định : Bảo quán T.H.T.T.H. 72/9 Nguyễn-dinh-Chiều.

Châu-Đốc : Phong-Vân thư cuộc

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

- 1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG*
 - Đường miếng lọc
 - Đường cát trắng ngò
 - Đường cát trắng tinh
 - Đường cát trắng Hiệp-Hòa
- 2— *CÁC LOẠI RƯỢU* :
 - Rượu đốt 90°
 - Rượu thơm 90°
 - Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.

19

BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

⊙

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

Khi một nhà văn, một nhà thơ, cả hai cùng là nhà giáo, chung sức với nhau để chú giải, lược bình ba tập cổ văn, kèm thêm Phụ lục phong phú, thì hẳn cũng đáng cho quý bạn lưu tâm :

I.— CHIÊU HỒN
VÀ
TIẾC THAY DUYÊN TÂN PHẬN TÂN
của NGUYỄN-DU

★ Một công trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lối làm việc cùng các ý-kiến của Phan-Văn-Hùm, Trần-Thanh-Mại, Hoàng-Xuân-Hãn và đưa một đề-nghị mà bộ Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

II.— TỰ TÌNH KHÚC
của CAO-BÁ-NHẠ
THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM
KHUYẾT-DANH

Phụ lục : I.— Bốn Bang thơ
II.— Bản dịch «Tự tình khúc» mới của Đầu-Tiếp Nguyễn-Văn-Đề.

III.— TÌ BÀ HÀNH
của BẠCH-CƯ-DỊ
(Bốn dịch của Phan-Huy-Thực ?)

VÀ
TRƯỜNG HẠN CA
của BẠCH-CƯ-DỊ

(Hạn tình muôn thuở, bốn dịch của Yā-Hạc và Trinh-Nguyên)

Phụ lục : Các bản dịch của Minh-Phượng, Vũ-Văn-Khoa, Tản-Đà, Vũ-Đình-Liên, Ngym, Ngô-Thúc-Địch, Vô-Danh.

* * *

Ba tập cổ văn, gồm sáu áng thơ xưa, của Việt và Hoa do :

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

Giới-thiệu, chú thích và lược bình, sẽ ra mắt các bạn một ngày gần đây.

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sang tinh thần

Văn -

- Nghệ -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15\$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUYNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :
Tòa soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Điện-nói : 25.539

In tại nhà in VĂN HÓA
412-41 v. Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công-sở : 15\$